

Tsinghid Aitmatóp
Iuri Naghibin
Vaxili Sucsín
Iuri Bôngdarep
Valentin Raxputin



Người Thầy Đầu Tiên



NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG

NGƯỜI THẦY ĐẦU TIÊN

TSINGHID AITMATÔP
IURI NAGHIBIN - VAXILI SUCSIN
IURI BÔNÐAREP - VALENTIN RAXPUTIN

NGƯỜI THẦY ĐẦU TIÊN

*Người dịch: Nguyễn Ngọc Bằng – Cao Xuân Hạo
Phạm Mạnh Hùng – Nguyễn Hào
Huỳnh Văn Hoa – Bô Xuân Tiến*

NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG

Bạn đọc thân mến,

Nhân dịp kỷ niệm ngày nhà giáo Việt Nam (20.11.2001) đầu tiên của thiên niên kỷ mới, Nhà xuất bản ĐÀ NẴNG và Trường Điện toán Ngoại ngữ CADASA Tp.HCM xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc tập truyện ngắn chọn lọc *Người thầy đầu tiên* của các tác giả nổi tiếng thế giới như: Iuri Naghibin, Vaxili Sucsin, Iuri Bôngdarep, Valentin Raxputin và Tringhđ Aitmatôp và là bản dịch của những dịch giả có tên tuổi như: Cao Xuân Hạo, Phạm Mạnh Hùng, Bồ Xuân Tiên...

Tập truyện đã từng được bạn đọc Việt Nam đón nhận một cách nồng nhiệt trong các thập niên 60 - 70 & 80 và đã để lại nhiều âm vang trong lòng nhiều thế hệ bạn đọc, đặc biệt đã làm cho người đọc yêu mến văn học Nga-Xô Viết. Hình ảnh người thầy đã được khắc họa đậm nét (thầy Duysen trong *Người thầy đầu tiên*, cô giáo Anna Vaxiliepnă trong *Cây sồi mùa đông*, Lidia Mikhailôpnă trong *Bài học tiếng Pháp...*), hết lòng thương yêu học trò của mình, gần như quên đi bản thân mình, lúc nào cũng chỉ muốn cho học trò của mình được tiến bộ, được thành đạt; và bằng bạc trong những truyện ngắn này là những tình cảm cao thượng, lòng nhân ái, khát vọng vươn tới những giá trị chân thiện mỹ cao đẹp nhất.

Cho dù ngày hôm nay, mỗi người trong chúng ta có thể đã thành đạt về một phương diện nào đó, có những địa vị nào đó trong xã hội, song dù ở bất cứ nơi nào, trong sâu thẳm tâm hồn ta vẫn sáng chói hình ảnh của những người thầy đã từng dạy dỗ, dìu dắt ta trong mỗi chặng đường.

Xin gửi tới bạn đọc xa gần món quà nhỏ này để mỗi người có dịp hoài niệm về những gì đẹp đẽ, thiêng liêng nhất mà mình đã gặp trong suốt cuộc đời.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG.

TRƯỜNG ĐIỆN TOÁN & NGOẠI NGỮ CADASA TP.HCM

NGƯỜI THẦY ĐẦU TIÊN

Tôi mở tung cánh cửa sổ. Một luồng gió mát lùa vào phòng. Trong ánh lê minh xanh nhạt đang sáng dần, tôi nhìn kỹ những bản nghiên cứu phác thảo của bức tranh tôi vừa khởi công làm. Những bức vẽ ấy nhiều lắm và tôi đã nhiều lần vẽ đi vẽ lại từ đầu. Nhưng bây giờ mà nói đến toàn bộ bức tranh thì hãy còn sớm. Tôi vẫn chưa tìm được cái chính, cái mà giờ đây đang vụt đến với tôi một cách bất ngờ, không gì kìm hãm được, mỗi lúc thêm rõ rệt, với một âm vang mơ hồ khó hiểu trong tâm hồn, tựa như những tia sáng đầu tiên của buổi lê minh và cứ suy nghĩ, suy nghĩ mãi. Và lần nào cũng đều như thế. Lần nào tôi cũng lại thấy rõ ràng bức tranh của tôi mới chỉ là một ý đồ.

Tôi vốn không phải là kẻ ưa nói trước hay báo tin cho bạn bè, ngay cả bạn thân, biết trước về một tác phẩm còn dang dở. Chẳng phải vì tôi quá ư nâng niu

tác phẩm của mình, mà chỉ vì tôi nghĩ khó lòng đoán biết được đứa bé hôm nay còn nằm trong nôi sẽ lớn lên thành người như thế nào. Nói đến một tác phẩm dở dang, chưa hoàn thành, cũng khó như thế. Nhưng lần này tôi rời bỏ nguyên tắc: tôi muốn nói lên cho mọi người nghe thấy, dùng hơn là trao đổi với mọi người những ý nghĩ của tôi về bức tranh còn chưa vẽ xong.

Đó không phải là một ý muốn nông nổi. Tôi không thể làm khác, vì tôi cảm thấy một mình tôi không đủ sức đương nổi gánh nặng này. Câu chuyện đã làm rung động tâm hồn tôi, câu chuyện đã thúc giục tôi cầm lấy bút vẽ, tôi thấy nó lớn lao đến nỗi chỉ riêng lòng tôi thôi thì không sao chứa đựng nổi. Tôi sợ làm sánh mất bát nước đầy, không trao được đến tận tay các bạn. Tôi muốn mọi người khuyên nhủ giúp tôi, mách bảo tôi cách giải quyết, tôi muốn mọi người, dù chỉ là trên dòng tư tưởng, đứng lại cạnh tôi bên giá vẽ, cùng rung cảm với tôi.

Xin đừng tiếc hơi ấm đang nồng nàn trong tim các bạn, hãy lại gần đây, thế nào tôi cũng phải kể lại câu chuyện này...



Làng Kurkureu chúng tôi nằm ven chân núi, trên một cao nguyên rộng có những khe nước ào ào từ nhiều ngách đá đổ xuống. Phía dưới làng tôi là thung

lùng Hoàng Thổ, là cánh thảo nguyên Karakh mênh mông nằm giữa các nhánh của rừng núi Đen và con đường sắt làm thành một cái thảm màu băng qua đồng bằng chạy tới đến chân trời phía tây.

Phía trên làng tôi, giữa một ngọn đồi, có hai cây phong lớn. Tôi biết chúng từ thuở bắt đầu biết mình. Dù ai đi từ phía nào đến làng Kurkureu chúng tôi cũng đều trông thấy hai cây phong đó trước tiên; chúng luôn luôn hiện ra trước mắt hết như những ngọn hải đăng đặt trên núi. Thậm chí tôi cũng không biết giải thích ra sao: phải chăng người ta vẫn đặc biệt trân trọng nâng niu những ấn tượng thời thơ ấu hay vì do có liên quan đến nghề họa sĩ của tôi, nhưng cứ mỗi lần về quê, khi xuống xe lửa đi qua thảo nguyên về làng, tôi đều coi bốn phận đầu tiên là từ xa đưa mắt tìm hai cây phong thân thuộc ấy.

Dù chúng có cao đến đâu chăng nữa, đứng xa thế cũng khó lòng trông thấy ngay được, nhưng tôi thì bao giờ cũng cảm biết được chúng, lúc nào cũng nom rõ.

Đã bao lần tôi từ những chốn xa xôi trở về Kurkureu và lần nào tôi cũng thì thầm với một nỗi buồn da diết: "Ta sắp được thấy chúng chưa, hai cây phong sinh đôi ấy ? Mong sao chóng về tới làng, chóng lên đồi mà đến với hai cây phong. Rồi sau đó cứ đứng dưới gốc cây để nghe mãi tiếng lá reo cho đến khi say sưa ngây ngất".

Trong làng tôi không thiếu gì các loại cây, nhưng hai cây phong này khác hẳn: chúng có tiếng nói riêng và hẳn phải có một tâm hồn riêng. một tâm hồn chan chứa những lời ca êm dịu. Dù ta có tới đây vào lúc nào, ban ngày hay ban đêm, chúng vẫn nghiêng ngả thân cây, lay động lá cành, không ngớt tiếng rì rào theo nhiều cung bậc khác nhau. Có khi tưởng chừng như một làn sóng thủy triều dâng lên vỗ vào bãi cát, có khi lại nghe như một tiếng thì thầm thiết tha nồng thắm chuyển qua lá cành như một đám lửa vô hình, có khi hai cây phong bỗng im bặt một thoáng, rồi khắp lá cành lại cất tiếng thở dài một hơi như thương tiếc người nào. Và khi mây đen kéo đến cùng với bão giông, xô gãy cành, tia trụi lá, hai cây phong nghiêng ngả tấm thân dẻo dai và reo vù vù như một ngọn lửa bốc cháy rừng rực. Và trong tiếng gầm băt khuất của chúng ngỡ chừng như nghe thấy một lời thách thức ngỗ ngược: “Không, đừng hòng bắt ta phải khom lưng khuất phục, đừng hòng bé gãy thân ta”.

Bao nhiêu năm qua. Sau này, tôi đã hiểu được điều bí ẩn của hai cây phong. Chẳng qua đứng trên đồi cao lộng gió nên đáp lại bất kỳ chuyển động khe khẽ nào của không khí, mỗi chiếc lá nhỏ đều nhảy bèn đón lấy mọi làn gió nhẹ thoảng qua.

Nhưng việc khám phá ra chân lý giản đơn ấy cũng vẫn không làm tôi vờ mộng xưa, không làm tôi bỏ mất cách cảm thụ của tuổi thơ mà tôi còn giữ đến

nay. Và cho đến tận ngày nay tôi vẫn thấy hai cây phong trên đồi có một vẻ sinh động khác thường. Tuổi trẻ của tôi đã để lại nơi ấy, bên cạnh chúng như một mảnh vỡ của chiếc gương thần xanh...

Cứ vào cuối năm học, trước khi bắt đầu nghỉ hè là bọn con trai chúng tôi lại chạy ào lên đây phá tổ chim. Cứ mỗi lần chúng tôi reo hò, huýt còi âm ỉ chạy lên đồi là hai cây phong khổng lồ lại nghiêng ngả đung đưa như muốn chào mời chúng tôi đến với bóng râm mát rượi và tiếng lá xào xạc dịu hiền. Và chúng tôi, lũ ranh con đi chân đất, công kênh nhau bám vào các mắt mấu và cành cây trèo lên cao làm chấn động cả vương quốc loài chim. Hàng đàn chim hoảng hốt kêu lên, chao đi chao lại trên đầu. Nhưng chúng tôi vẫn chưa coi vào đâu, đến đây đã thấm gì ! Chúng tôi cứ leo lên cao nữa - nào, xem ai can đảm và khéo hơn ! - và từ trên những cành cao ngất, cao đến ngang tầm cánh chim bay, bỗng như có một phép thần thông nào vụt mở ra trước mắt chúng tôi cả một thế giới đẹp đẽ vô ngần của không gian bao la và ánh sáng. Chiều rộng không cùng của đất đai làm chúng tôi sùng sốt. Mỗi đứa chúng tôi đều nín thở ngồi lặng đi trên một cành cây và quên mất cả chim lẫn tổ chim. Chuông ngựa của nông trường mà chúng tôi vẫn coi là tòa nhà rộng lớn nhất trên thế giới, ngồi đây chúng tôi thấy chỉ như một căn nhà xếp bình thường. Phía sau làng là dải thảo nguyên hoang vu mất hút trong làn sương mờ đục. Chúng tôi cố giương hết tầm mắt nhìn vào

nơi xa thăm biêng biếc của thảo nguyên và nom thấy không biết bao nhiêu đất đai mà trước đây chúng tôi không biết đến, thấy những con sông mà trước đây chúng tôi chưa từng nghe nói đến. Những dòng sông lấp lánh tận chân trời như những sợi chỉ bạc mỏng manh. Chúng tôi nép mình ngồi trên các cành cây suy nghĩ: đã phải đây là nơi tận cùng thế giới chưa, hay phía sau vẫn còn có bầu trời ấy, những đám mây, những đồng cỏ và sông ngòi như thế này ? Chúng tôi náu mình trên các cành cây, lắng nghe những tiếng gió ào huyền và tiếng lá cây đáp lại lời gió, thì thầm to nhỏ về những miền đất bí ẩn đầy sức quyến rũ lẫn sau chân trời xa thăm biêng biếc kia.

Tôi lắng nghe tiếng hai cây phong rì rào, tìm đập rộn ràng vì thánng thốt và vui sướng, trong tiếng xạc xào không ngớt ấy tôi cố hình dung ra những miền xa lạ kia. Thuở ấy chỉ có một điều tôi chưa hề nghĩ đến: ai là người đã trồng hai cây phong trên đồi này ? Người vô danh ấy đã ước mơ gì, đã nói những gì khi vùi hai gốc cây xuống đất, người ấy đã ấp ủ những niềm hy vọng gì khi vun xới chúng nơi đây, trên đỉnh đồi cao này ?

Quả đồi có hai cây phong ấy, không biết vì sao ở làng tôi họ gọi là “Trường Đuysen”. Tôi còn nhớ hễ có ai lạc mất ngựa phải đi tìm và hỏi thăm: “Này, có thấy con ngựa tía nhà mình không.” Là người ta thường hay đáp: “Chỗ trên kia kia, gần Trường Đuysen ấy, đêm

qua ngựa vẫn còn ăn cỏ ở đấy, lên tìm may ra thấy”. Bất chước người lớn, bọn trẻ chúng tôi vẫn thường lặp lại không hề suy nghĩ gì: “Các cậu ơi, lên Trường Duysen trèo cây phong phá tổ chim sẻ đi”.

Người ta thuật lại rằng trước kia trên đồi này có một ngôi trường. Nhưng hồi ấy đến dấu vết của ngôi trường chúng tôi cũng chẳng hề tìm thấy nữa. Thuở nhỏ tôi đã mấy lần cố tìm cho được dù chỉ là những vết tích đổ nát của ngôi trường, tôi lang thang tìm kiếm mãi nhưng chẳng thấy gì cả, về sau tôi bắt đầu lấy làm lạ, không hiểu sao người ta lại gọi quả đồi trụi ấy là “Trường Duysen” và tôi đã có lần hỏi các cụ già xem Duysen là ai. Một người lơ đảng khoát tay đáp: “Duysen là ai à ? Đấy cái lão bây giờ vẫn còn sống ở đây ấy mà, trong thị tộc Cừu thọt ấy. Đã lâu lắm rồi, Duysen bây giờ còn là đoàn viên Komxômôn. Thời ấy, trên đồi có một căn nhà kho của ai bỏ hoang, Duysen mở trường dạy trẻ ở đấy. Mà nào có ra trường sở gì đâu, chỉ được cái tên thôi. Chao ôi, cái thời buổi ấy cũng hay ! Bây giờ hễ ai nắm nổi bồm ngựa, biết dút chân vào bàn đạp thì làm gì chẳng được. Duysen cũng vậy. Nghĩ ra cái gì là làm cho được cái ấy. Bây giờ gian nhà chứa ấy chẳng còn lấy được một hòn đá nhỏ, được mỗi một việc còn lại cái tên...”

Tôi rất ít biết Duysen. Chỉ còn nhớ đó là một người đã luống tuổi, vóc cao lớn, dáng xương xương, có đôi mày quân rậm. Nhà ông ở bên kia sông, đường

Đội hai. Đạo tôi còn ở làng thì Duysen trông coi hệ thống thủy lợi của nông trường và suốt ngày ở ngoài đồng. Thỉnh thoảng ông có đi qua phố tôi, trên yên ngựa buộc một chiếc cuốc lớn và con ngựa của ông trông cũng giống chủ nó, cũng xương xẩu, vó chân thon nhỏ. Sau Duysen già đi và nghe nói ông đi đưa thư. Nhưng đó là nhân thể nói vậy thôi. Vấn đề ở chỗ khác. Theo quan niệm của tôi lúc đó thì người thanh niên Komxômôn phải là một chàng *gighit* nói hăng làm hăng hơn hết thầy mọi người trong thôn, thường phát biểu trong hội nghị, viết báo về bọn chây lười và bọn ăn cắp của công. Và tôi không tài nào hình dung ra được con người hiền lành râu rậm ấy trước kia đã có lúc là Komxômôn, mà hơn nữa, điều đáng ngạc nhiên nhất là lại dạy trẻ con học trong khi chính mình cũng chẳng biết được bao nhiêu chữ nghĩa. Không, những chuyện như thế tôi không tài nào hình dung nổi ! Thành thực mà nói, tôi coi đó chỉ là một trong bao nhiêu chuyện cổ tích được truyền tụng trong làng mà thôi. Nhưng về sau mới biết là sự thể hoàn toàn không phải như thế...

Mùa thu năm ngoái tôi nhận được một bức điện từ làng tôi gửi đến. Bà con trong làng mời tôi về dự buổi khánh thành ngôi trường mới do nông trường xây dựng lấy. Tôi lập tức quyết định về làng, vì làm sao tôi có thể ngồi nhà trong một ngày vui của quê hương như thế được. Tôi còn về trước vài ngày nữa là khác. Tôi định bụng về sẽ dạo quanh, ngắm cảnh và

về ít bức ký họa. Trong số những người được mời về dự hòa ra có cả bà viện sĩ Xulaimanôvna. Tôi nghe nói bà về đây một hai hôm rồi đi thẳng lên Matxcơva.

Tôi biết rằng người đàn bà hiện nay đang nổi tiếng ấy đã rời làng ra tỉnh từ thuở nhỏ. Sống ở tỉnh thành được ít lâu, tôi cũng đã có dịp làm quen với bà. Bà đã nhiều tuổi, đầy dãi, mái tóc chải mượt bạc đi nhiều. Người đàn bà đồng hương nổi tiếng của chúng tôi làm chủ nhiệm bộ môn ở trường đại học tổng hợp, lên lớp giảng triết học, làm việc ở viện hàn lâm, hay đi ra nước ngoài luôn. Bà thường bận nhiều công việc và tôi vẫn chưa có dịp được quen biết thật gần gũi, nhưng bất cứ lần nào gặp tôi ở đâu bà cũng đều quan tâm đến cuộc sống tại quê hương và thế nào cũng bày tỏ ý kiến, dù là vấn đề, về tác phẩm của tôi. Có lần tôi đánh bạo hỏi bà:

– Antumai Xulaimanôvna, giá bà ghé về quê thăm bà con trong làng có lẽ hay đấy. Ở làng ai cũng biết bà; ai cũng hãnh diện vì bà, nhưng phần nhiều mọi người đều chỉ mới nghe danh tiếng thôi, nên có lúc họ nói rằng bà bác học nổi danh của làng ta hình như muốn xa lánh chúng ta, quên mất đường về Kurkureu rồi.

– Cố nhiên phải về chứ. – Bà Antumai Xulaimanôvna mỉm cười buồn buồn, – chính tôi vẫn mơ ước được về Kurkureu từ lâu, đã bao nhiêu năm không về làng rồi. Kề ra tôi cũng không còn họ hàng thân thích gì ở

làng nữa. Nhưng vấn đề đâu phải ở chỗ ấy. Thế nào tôi cũng về, tôi phải về; hay nhớ quê hương quá.

Bà viện sĩ Xulaimanóvna về đến làng khi buổi lễ trọng thể khánh thành trường học sắp khai mạc. Các nông trang viên trông thấy bà qua kính cửa xe hơi và mọi người đều đổ ra đường. Từ người quen cho tới người lạ, từ cụ già cho đến đứa trẻ ai cũng muốn bắt tay bà. Có lẽ Antumai Xulaimanóvna cũng không ngờ sẽ được đón tiếp như vậy, thậm chí còn luống cuống nữa thì phải. Bà đặt tay lên ngực, cúi chào mọi người và khó khăn lắm mới lách được lên bục chủ tịch đoàn.

Chắc hẳn bà Antumai Xulaimanóvna đã từng đi dự nhiều cuộc họp long trọng và chắc ở đâu bà cũng được đón tiếp nồng nhiệt và kính cẩn, nhưng tới đây, trong ngôi trường làng bình thường này, thái độ niềm nở ân cần của dân làng đã làm bà hết sức bồi hồi cảm động và bà luôn luôn cố giấu những giọt nước mắt bất giác trào ra.

Sau phần nghi lễ các em thiếu nhi thắt khăn quàng đỏ cho vị khách quý, mang tặng hoa và mở đầu quyển sổ danh dự của trường mới lập bằng tên bà. Kế đó là cuộc biểu diễn văn nghệ rất vui vẻ hấp dẫn của học sinh, rồi ông hiệu trưởng mời chúng tôi, các tân khách, thầy giáo và lao động xuất sắc của nông trường về nhà ông.

Đến đây họ vẫn chưa thể hết mừng rỡ với cuộc về thăm của Antumai Xulaimanôvna. Họ mời bà ngồi vào chỗ danh dự có trái thăm và cố tìm mọi cách để nêu rõ lòng kính trọng của họ đối với bà. Như trong tất cả những dịp như thế, bầu không khí hết sức náo nhiệt, khách khứa chuyện trò sôi nổi và luôn nâng cốc chúc mừng. Nhưng bỗng có anh thanh niên người làng đi vào đưa cho chủ nhân một tập điện tín. Các bức điện được truyền qua tay mọi người: các học sinh cũ chúc mừng bà con trong làng nhân dịp khánh thành nhà trường mới.

– Đây, những bức điện này là do ông lão Đuyxen mang về phải không ? – ông hiệu trưởng nói.

– Vâng, - người thanh niên đáp. – Ông cụ bảo suốt dọc đường quất ngựa luôn tay để về kịp buổi lễ, cho nhân dân được nghe đọc các bức điện. Ông cụ chậm mất một tý, đang buồn.

– Thế để ông ta đứng đấy làm gì, ra bảo ông ấy xuống ngựa, mời vào đây !

Người thanh niên ra gọi Đuyxen. Bà Antumai Xulaimanôvna đang ngồi cạnh tôi, không hiểu sao bỗng giật mình và như chợt nhớ ra điều gì, bà hỏi tôi xem họ đang nói đến Đuyxen nào thế, giọng bà rất lạ.

– Đây là người đưa thư của nông trường, bà Antumai Xulaimôvna ạ. Bà có biết ông cụ Đuyxen à ?

Bà gạt đầu qua loa, rồi toan đứng dậy, nhưng giữa lúc ấy nghe có tiếng ai cười ngửa đi ngang qua cửa sổ và người thanh niên quay vào nói với chủ nhân:

– Akxakan ạ, tôi gọi ông cụ vào đây nhưng ông ấy đi rồi, ông cụ còn phải đi phát nốt thư.

– Thì cứ để ông lão đi đưa thư, giữ lại làm gì. Sau rồi ngồi với các cụ già cùng được, – có người khó chịu thốt ra.

– Ô ! Các vị không biết Duysen của chúng ta đấy thôi ! Ông ấy là người rất nguyên tắc. Chưa làm xong việc thì không có rê vào đâu hết.

– Đúng đấy, tính ông cụ lạ thật. Sau chiến tranh ông cụ xuất viện tại Ukrain, rồi ở lại đấy, mới về làng được năm năm nay. Ông cụ bảo là về chết ở quê cha đất tổ. Suốt đời cứ sống độc thân thế thôi...

Nhưng giá ông cụ ghé vào một tý lúc này vẫn hơn... Thôi cũng được. – Và chủ nhân khoát tay.

– Các đồng chí, nếu các đồng chí còn nhớ thì ngày xưa chúng mình đã từng học ở trường Duysen. – Một trong số những người được kính nể nhất ở làng nâng cốc nói. – Mà chính ông ta thì hẳn là chưa biết hết mặt chữ cái. – Người phát biểu nheo mắt và lắc đầu. Tất cả đáng bộ ông ta lộ rõ ý ngạo nhiên và chế giễu.

– Ấy đúng như thế đấy, – mấy giọng nói hưởng ứng theo. Cũ tọa cười phá lên.

– Bấy giờ thì còn phải nói ! Hồi ấy còn thiếu trò gì mà Đuyxen lại không bày vẽ ra. Chúng mình thì cứ tưởng ông là thầy giáo thật kia chứ !

Khi tiếng cười đã ngớt, người vừa nâng cốc nói tiếp:

– Bấy giờ mọi người đều đã trưởng thành lên ngay trước mắt chúng ta. Bà viện sĩ Antunai thì cả nước biết tiếng. Hầu hết chúng ta đều có trình độ giáo dục phổ thông và nhiều người có trình độ đại học. Hôm nay chúng ta làm lễ khánh thành trường trung học mới ở làng, chỉ riêng một điều đó thôi cũng đủ nói lên cuộc sống đã thay đổi biết chừng nào. Vậy thì, thưa bà con, chúng ta hãy cạn chén chúc cho mai này con cháu làng Kurkureu sẽ trở thành những con người tiên tiến của thời đại.

Mọi người lại ồn ào và nhất tề hưởng ứng cốc rượu mừng riêng bà Antunai Xulaimanôvna đỏ mặt, như có điều gì khiến bà ngượng ngùng và chỉ nhấp môi vào cốc rượu. Nhưng mọi người đang lúc hoan hỉ và mái mè trò chuyện nên không để ý thấy thái độ của bà.

Antunai Xulaimanôvna xem đồng hồ mấy lần. Rồi đến khi khách khứa đã ra đường, tôi thấy bà đứng riêng sang một bên cạnh con kênh đào, cách hẳn mọi người và nhìn chăm chăm lên ngọn đồi chỗ hai cây phong sang độ thu đã ngả màu đỏ ủa đang rụng đưa

trước gió. Mặt trời lặn xuống ngang vết dài màu tím nhạt của thảo nguyên xa tắp trong buổi hoàng hôn. Từ phía ấy, ánh nắng đang tàn lụi nhuộm một sắc đỏ tía đùng đục, buồn thắm lên ngọn hai cây phong.

Tôi bước lại gần bà Antunai Xulaimanôvna.

– Bây giờ hai cây phong đang rụng lá. Giá bà nhìn chúng vào mùa xuân, lúc đang độ đâm chồi nảy lộc thì thích hơn. Tôi nói.

– Chính tôi cũng đang nghĩ thế đấy – Antunai Xulaimanôvna thờ dài, lặng thinh một lát rồi nói tiếp như tự nhủ mình: – mà phải, sinh vật nào cũng có mùa xuân và mùa thu của nó.

Trên khuôn mặt tàn úa đã có nhiều nếp nhăn nhỏ bé xung quanh mắt thoáng hiện vẻ ưu tư. Bà đứng nhìn hai cây phong với nỗi buồn u uất mà chỉ phụ nữ mới có được. Và tôi bỗng thấy như đứng trước mặt tôi không phải là viện sĩ hàn lâm Xulaimanôvna nữa mà chỉ là một phụ nữ Kirghizi bình thường, hết sức chất phác trong mọi nỗi khổ niềm vui. Người đàn bà thông thái ấy hẳn là giờ đây đang nhớ lại tuổi xuân của mình, cái tuổi xuân mà, như lời hát trong các bài dân ca của chúng tôi, dầu có đứng trên đỉnh núi cao nhất cũng không sao gọi thấu. Hình như trong khi nhìn lên hai cây phong bà muốn nói điều gì, nhưng rồi chắc bà nghĩ sao lại thôi và lật lật đeo cặp kính vẫn cầm ở tay lên mắt.

- Hình như xe lửa đi Matxcova chạy qua đây vào mười một giờ phai không.

- Vâng, lúc mười một giờ đêm.

- Thế thì tôi phải sửa soạn ngay mới được.

- Sao lại đột ngột thế ạ ! Antưnai Xulaimanôvna, bà đã hứa ở lại vài ngày cơ mà ? Dân làng không để bà đi đâu.

- Không, tôi có nhiều việc gấp phải đi ngay bây giờ.

Dù dân làng có cố vật nài đến đâu, có tỏ vẻ giận dữ đến thế nào, Antưnai Xulaimanôvna cũng vẫn một mực không đổi ý.

Trong khi đó trời bắt đầu sẩm tối. Dân làng buồn rầu đưa bà ra xe, sau khi được bà hứa rằng lần sau sẽ về một tuần lễ, có khi lâu hơn là khác. Tôi tiễn Antưnai Xulaimanôvna đến tận ga.

Vì sao Antưnai Xulaimanôvna lại vội ra đi một cách đột ngột như vậy ? Làm phật ý bà con trong làng, nhất là vào một ngày như thế, tôi thấy quả không nên. Dọc đường đã mấy lần tôi định hỏi bà về chuyện đó, nhưng rồi lại không dám. Chẳng phải vì tôi sợ tỏ ra thiếu lịch thiệp, mà chỉ vì tôi hiểu rằng đằng nào bà cũng sẽ chẳng nói gì hết. Suốt dọc đường bà cứ lặng thinh, ưu tư suy nghĩ điều gì.

Tuy vậy, khi lên đến ga, tôi cũng hỏi bà:

– Bà Antunai Xulaimanôvna, hình như bà có điều gì bận tâm, hay chúng tôi đã làm bà giận ?

– Sao anh lại nói thế ! Anh không được nghĩ như vậy ! Tôi còn có thể giận ai được chứ ? Họ chẳng giận mình thì có. Phải, lẽ ra phải giận mình mới đúng.

Thế là bà Antunai Xulaimanôvna ra đi. Tôi trở lại thành phố và mấy hôm sau bỗng nhận được thư của bà. Bà cho biết là sẽ ở lại Matxcova lâu hơn dự định và viết:

“Tuy có rất nhiều công việc quan trọng và khẩn cấp, tôi cũng đã quyết định gác hết lại và viết lá thư này cho anh... Nếu anh thấy điều tôi viết đây đáng được chú ý thì tôi khẩn khoản xin anh nghĩ xem làm thế nào cho mọi người cùng biết câu chuyện tôi sẽ kể. Tôi nghĩ không phải chỉ riêng bà con trong làng mà nói chung mọi người, nhất là lứa tuổi trẻ, đều cần biết câu chuyện này. Tôi đã thấy rõ như vậy sau bao lần đắn đo cân kê. Đó là lời xưng tội của tôi trước mọi người. Tôi cần phải làm tròn bổn phận của tôi. Càng nhiều người được biết thì lương tâm tôi càng đỡ cắn rứt. Anh đừng sợ làm cho tôi lâm vào tình trạng khó xử. Anh đừng giấu giếm gì hết...”

Tôi đã mang nặng trong lòng những ấn tượng của lá thư ấy mấy ngày liền. Và tôi không nghĩ ra được cách gì hơn là thay mặt bà Antunai Xulaimanôvna để kể hết chuyện này.



Đó là vào năm 1924. Phải, đúng vào năm ấy...

Nơi hiện nay là nông trường chúng ta, bấy giờ là một thôn nhỏ của dân nghèo định cư. Lúc ấy tôi mười bốn tuổi và sống ở nhà ông chú họ. Cha mẹ tôi đều đã qua đời.

Mùa thu năm ấy, chẳng bao lâu sau khi những nhà có mái mặt đã dời vào núi để trú qua mùa đông, có một thanh niên lạ mặt mặc áo choàng bộ đội về làng. Tôi còn nhớ chiếc áo choàng, vì không hiểu sao nó lại bằng da đen. Đối với thôn chúng tôi, một thôn hẻo lánh nép vào chân núi cách xa đường cái, sự xuất hiện của con người mặc áo nhà nước này là một sự việc quan trọng.

Lúc đầu người ta bảo rằng đó là một cấp chỉ huy trong bộ đội cho nên về làng cũng sẽ làm trưởng thôn, sau hóa ra anh ta chẳng phải là cấp chỉ huy gì cả, mà chính là con ông lão Tatanbek đã bỏ làng đi làm đường sắt từ đạo đối bao nhiêu năm trước đây và từ đấy biệt hân tâm tích. Còn anh này là Duysen, con ông ta, hình như được cử về làng để mở trường dạy trẻ.

Thời bấy giờ những thứ như “nhà trường”, “học tập” hãy còn là những danh từ mới mẻ, chẳng mấy ai hiểu rõ cho lắm. Người thì tin những tiếng đồn đại, người thì cho đây là những chuyện đàn bà bàn tán

nhằm và có lẽ họ đã quên mất cái trường ấy, nếu mấy hôm sau không có lệnh gọi dân làng đi họp. Chú tôi cầu nhàu mãi: “Lại họp hành gì nữa, cứ làm người ta bỏ công việc mãi vì những chuyện vớ vẩn”, nhưng sau ông ta cũng thắng ngựa và đi họp như mọi người đàn ông khác biết tự trọng. Tôi cũng chạy theo chú tôi cùng với lũ trẻ con hàng xóm.

Lúc chúng tôi thở hổn hển chạy lên gò chỗ dừng làm nơi hội họp thì chính anh thanh niên xanh xao mặc áo khoác đen ấy đang phát biểu trước đám người đi bộ và cưỡi ngựa tập hợp xung quanh. Chúng tôi không nghe rõ lời anh nói nên định nhích lại gần, nhưng bỗng một cụ già mặc chiếc áo lông rách như vừa sức tỉnh, vội và ngắt lời anh:

– Này cháu ơi, – ông cụ bắt đầu lắp bắp nói, – trước kia thì các pháp sư dạy trẻ con, mà bố cháu thì chúng ta biết rõ lắm, cũng khố rách áo ôm như chúng ta đây thôi. Cháu thử nói xem cháu đã thành pháp sư tự bao giờ ?

– Cháu không phải là pháp sư, cụ ạ, cháu là thanh niên Komxômôn, – Duysen đáp nhanh. – Mà bây giờ thì không phải pháp sư dạy trẻ con đâu, mà là các thầy giáo. Cháu đã được học chữ ở bộ đội và trước đó cũng vẽ vẽ ít nhiều. Đấy cụ xem cháu là thứ pháp sư gì.

– A, ra thế...

- Khá đấy ! - có những tiếng reo cổ vũ.

- Như vậy là đoàn Komxômôn cử tôi về đây dạy con em bà con. Nhưng muốn dạy thì phải có chỗ mà dạy. Tôi định làm nhà trường, cố nhiên là với sự giúp đỡ của bà con, ở chỗ chuồng ngựa cũ trên đồi kia. Bà con nghĩ sao ?

Mọi người im lặng như thể đang cân nhắc trong óc: cái anh chàng lạ mặt này muốn gì nhỉ ? ông Xatumkun vừa nheo mắt như nhắm bắn vừa thốt lên.
- Tốt hơn hết là cậu hãy nói xem là chúng ta cần cái trường ấy để làm gì ?

- Sao lại để làm gì ? - Duysen ngờ ngàng hỏi.

- Đúng đấy ! - có ai trong nhóm đồng phụ họa theo.

Và mọi người bỗng cùng nhốn nháo, ồn ào cả lên.

- Từ thượng cổ đến nay người ta chỉ sống bằng nghề nông, cái cuộc nuôi ta sống. Và con cái chúng ta cũng sẽ sống như thế thôi, học hành làm quỷ gì. Làm chi huy thì mới cần chữ nghĩa, chúng ta chỉ là dân thường thôi. Đừng tán chuyện vớ vẩn nữa !

Những tiếng xôn xao lắng đi một lát.

- Chẳng lẽ bà con lại phản đối việc cho con em đi học hay sao ? - Duysen ngờ ngác hỏi, nhìn chăm chặp vào mặt những người đứng quanh anh.

- Thế nếu phản đối thì sao, để anh bắt buộc được chúng tôi à ? Thời buổi ấy đã qua rồi. Nhân dân chúng tôi bây giờ tự do, chúng tôi muốn sống ra sao thì sống !

Mặt Duysen nhột hần đi. Anh run run đưa tay lên tháo móc gài áo khoác ra, móc túi áo trong lấy ra một tờ giấy gấp tư và vội vã mở ra, giờ cao lên quá đầu.

- Nghĩa là các người chống lại tờ giấy này, tờ giấy nói về việc học hành của trẻ em, có đóng dấu của chính quyền Xô Viết. Thế ai cho các người đất cày, nước tưới ? Ai mang lại tự do cho các người ? Nào, ai chống lại luật lệ của chính quyền Xô-viết, ai ? Nói đi !

Anh thét lên hai tiếng “nói đi” bằng một giọng giận dữ rung lên sang sảng, nghe hùng dũng như một viên đạn xé tan cảnh ảm cúng của bầu không khí tĩnh mịch trời thu và như một tiếng nổ, giọng anh vang dội thành một tiếng vọng ngân trong vách núi. Không ai thốt ra lời nào. Mọi người im lặng, đầu cúi gằm.

- Chúng ta là những kẻ nghèo khó, - Duysen nói, giọng đã khê hơn - Suốt đời chúng ta đã bị chà đạp nhục nhã. Chúng ta đã phải sống trong cảnh tăm tối. Giờ đây chính quyền Xô-viết muốn cho chúng ta trông thấy ánh sáng, muốn cho chúng ta biết đọc biết viết. Muốn thế thì phải dạy trẻ em học...

Đuysen ngừng lời chờ đợi. Và lúc đó chính ông cụ mặc chiếc áo lông rách đã hỏi anh làm thế nào mà lại thành pháp sư, nắm bắt bằng một giọng lạnh lùng:

- Thôi được, anh đã muốn thì cứ dạy đi, còn chúng tôi đây thì... Chúng tôi không chống lại luật pháp.

- Nhưng tôi xin bà con giúp đỡ tôi. Chúng ta phải chữa lại cái chuồng ngựa của phú nông trên đồi kia, phải làm cầu qua sông, nhà trường cần có củi...

- Này hươm đâ, chàng *gighit* ơi, nhanh nhẩu quá đấy ! - Lão Xatưmkun - hay cãi ngắt lời Đuysen.

Lão xì nước bọt qua kẽ răng, rồi lại nheo mắt như nhắm bắn:

- Anh hét âm cả làng là "Tôi sẽ mở trường !". Nhưng thử xem anh kia: trên người chiếc áo lông chẳng có, dưới thân thì con ngựa cũng không, đến mảnh đất cày bằng bàn tay thôi cũng không có nốt, chẳng có được móng súc vật nào trong sân ! Vậy thì anh định sinh sống ra sao, anh bạn thân mến ? Họạ chẳng có đi chăn súc vật cho người khác... Nhưng khôn nổi chúng tôi không có súc vật cho anh chăn đâu. Những kẻ có thì đã lên núi rồi.

Đuysen muốn trả lời một câu gì cho thật xẵng, nhưng rồi nén giận nói khẽ:

- Tôi sẽ có cách sống. Tôi sẽ có lương.

– A, cứ nói ngay thế có phải hơn không ! – Và Xatunkun hể hả ngồi thẳng người lên lưng ngựa, về đắc thẳng rõ rệt. – Bây giờ thì mọi sự đã rõ. Anh bạn trẻ ơi, việc anh thì anh cứ làm lấy, cứ lĩnh lương mà dạy trẻ. Nhà nước thiếu gì tiền. Còn chúng tôi thì anh cứ để chúng tôi yên thân, nhờ trời công việc của chúng tôi cũng ngập đến cổ rồi...

Nói đoạn Xatunkun quay ngựa đi về nhà. Những người khác cũng theo lão kéo nhau về. Chỉ còn Đuysen vẫn đứng trơ lại tay cầm tờ giấy. Tội nghiệp anh không biết đi đâu bây giờ nữa...

Tôi thấy ái ngại cho Đuysen. Tôi cứ đứng nhìn anh không rời mắt cho đến khi chú tôi cưỡi ngựa đi qua quát gọi:

– Cái con đầu bù kia, làm gì mà đứng há hốc mồm ra đấy, có chạy mau về nhà không ? – Tôi đành cầm đầu đuổi theo các bạn. – Chà, cái con này, thứ chúng nó mà cũng đã tấp tễnh đi họp rồi kia đấy !

Ngày hôm sau, bọn con gái chúng tôi đang đi lấy nước thì gặp Đuysen ở bờ sông. Anh đang lội sang bờ bên kia, tay cầm xẻng, cuốc, rìu và một chiếc thùng cũ.

Từ hôm ấy sáng nào cũng thấy Đuysen mặc chiếc áo đen lủi thủi men theo con đường mòn leo lên đồi tới chỗ chuồng ngựa bỏ hoang. Và đến tối mịt mới trở xuống về làng. Chúng tôi thường thấy anh mang một bó củi hay một bó rạ khô lớn trên lưng. Trông thấy

anh từ xa, ai nấy đều rướn người trên bàn đạp và che mắt nhìn, ngạc nhiên bàn tán:

- Đây, hình như thầy giáo Duysen đang cưỡi kia phải không ?

- Chính anh ta rồi.

- Chà, tội nghiệp. Nghề thầy giáo xem ra cũng chẳng phải nhẹ nhàng gì.

- Thế anh tưởng thế nào. Cứ xem anh ta còng lấy bao nhiêu kia, chẳng kém gì thặng ở nhà phú nông cả.

- Thế mà nghe anh ta diễn thuyết thì ra phết lắm.

- Ấy, là vì anh ta có tờ giấy đóng dấu, bao nhiêu sức mạnh ở đấy hết.

Có lần, mang những túi đựng đầy *kigiác* nhặt ở chân núi mé trên làng trở về, chúng tôi vòng vào trường: xem thử thầy giáo đang làm gì ở đấy cũng hay. Căn nhà kho cũ bằng đất nện này trước kia vốn là chuồng ngựa của phú nông. Trước kia, vào mùa đông, người ta thường nhốt những con ngựa cái đẻ con trong những ngày giá rét ở đây. Sau khi chính quyền Xô-viết lên, tên phú nông bỏ đi đâu mất và chuồng ngựa vẫn còn lại đó. Không ai bước chân đến đây và chung quanh gai góc mọc lên rậm rạp. Bây giờ những cây cỏ dại đã bị phạt đến tận rễ xếp thành đồng nằm

gọn một bên, cái sân đã được dọn sạch. Những bức vách xiêu vẹo dãi dầu mưa nắng nay đã được trát đất lại; cánh cửa ọp ẹp, trước đây chỉ còn bám lũng lảng vào mỗi một chiếc bản lẻ, nay cũng được sửa lại và lắp vào cẩn thận.

Lúc chúng tôi đặt các bao *kigiắc* xuống đất để nghỉ một lát, Duysen từ trong cửa bước ra, người bêбет đất. Trông thấy chúng tôi, anh ngăn người ra một lát, nhưng rồi lại mỉm cười niềm nở, lấy tay quạt mồ hôi trên mặt.

- Đi đâu về thế các em gái ?

Chúng tôi ngồi cạnh những bao *kigiắc* thẹn thò nhìn nhau, Duysen hiểu rằng chúng tôi im lặng vì bên lên nên nháy mắt động viên:

- Những cái bao kia to hơn cả người các em đấy. Các em ghé vào đây xem là hay lắm, các em chả sẽ học tập ở đây là gì ? Còn trường của các em thì có thể nói là đã xong đến nơi rồi. Ta vừa đắp một thứ lò sưởi ở góc nhà và bắc cả ống khói trên mái, các em thử nhìn xem ! Giờ chỉ còn phải trữ sẵn củi để sưởi trong mùa đông nữa thôi, nhưng không sao, chung quanh thiếu gì củi khô. Dưới nền nhà ta sẽ trải rơm thật nhiều, thế là có thể bắt đầu học được rồi. Thế nào, các em có thích học không, các em sẽ đi học chứ ?

Tôi lớn hơn các bạn gái khác nên đánh bạo trả lời:

- Nếu thím em cho đi thì em sẽ đi.

- Sao thím em lại không cho, thế nào cũng cho chứ. Vậy tên em là gì ?

- Antunai: - tôi vừa đập vừa lấy tay che chỗ gấu váy thùng để hở một mảng đầu gối.

- Antunai, cái tên hay quá, mà em thì chắc là ngoan lắm phải không ? - Đuyzen mỉm cười hiền từ khiến tôi thấy lòng âm hận lại.

Thế em con ai ?

Tôi lặng thinh: tôi vốn không thích có ai thương hại tôi.

Chị ấy mở coi ạ, chị ấy ở với ông chú, - mấy đứa bạn tôi đỡ lời.

- Thế này nhé, -- Đuyzen mỉm cười nói với tôi, - Antunai ạ, em sẽ dẫn các em khác đi học được chứ ?

Thưa chú được ạ.

- Các em cứ gọi ta là thầy. Các em có muốn xem trường không ? Vào đây, các em đứng ngại gì cả.

- Không, chúng em phai về nhà đây, -- chúng tôi rút rè nói.

Thời được, các em chạy về nhà đi. Khi nào đến học các em sẽ xem sau vậy. Giờ chưa tối, thầy đi lấy rá khô lần nữa đã.

Cầm lấy chiếc liềm và sợi dây, Đuysen bước ra đồng. Chúng tôi cũng đứng dậy công những bao *kigiãc* lên lưng và ráo bước về làng. Tôi chợt nảy ra một ý nghĩ bất ngờ.

Này các cậu ơi, – tôi gọi các bạn – Ta đổ *kigiãc* vào trong trường đi, đến mùa đông sẽ có được nhiều cái đốt sưởi hơn.

– Thế về nhà tay không à ? Chà, khôn đấy nhỉ !

Nhưng ta sẽ quay lại nhặt thêm nữa.

– Thôi muộn mất, về nhà lại bị mắng đấy.

Và bọn con gái không chờ tôi, cứ ráo cẳng về nhà.

Cho đến nay tôi vẫn không hiểu hóm ấy cái gì xui khiến tôi dám làm một việc như thế. Không biết vì tôi giận các bạn đã không nghe tôi nên cứ muốn làm theo ý mình, hay từ thuở bé mọi ước nguyện, mọi ý muốn của tôi đều bị chôn vùi dưới những lời mắng chửi, những cái bạt tai của những con người phũ phàng, chỉ biết là tôi vẫn thấy muốn làm một việc gì để cảm ơn con người thật ra không quen biết ấy, để đền đáp lại nụ cười đã sưởi ấm lòng tôi, đền đáp lòng tin cậy của người ấy đối với tôi, đền đáp mấy câu nói nhân từ ấy. Và giờ đây tôi biết rất rõ, tôi tin chắc rằng cuộc đời thật sự của tôi tất cả cuộc sống với mọi niềm vui nỗi khổ của tôi đã bắt đầu chính từ ngày hôm đó, chính từ bao *kigiãc* ấy. Tôi nói như vậy bởi vì chính hôm đó, lần đầu tiên trong đời tôi đã không

đẩn đo, không sợ bị phạt, đã quyết định và làm điều tôi cho là cần thiết. Khi các bạn bỏ tôi lại, tôi chạy trở về trường Duyssen, trượt bao *kigiác* xuống dưới cửa và cắm đầu chạy men theo các khe rãnh, các hẻm đã ở chân núi nhặt *kigiác*.

Tôi cứ chạy mãi, không còn biết mình đi đâu nữa, như thế vì quá dư sức mà tim tôi sung sướng đập rộn rã trong lồng ngực, tựa hồ như tôi đã làm nên công trạng gì vô cùng to lớn. Và cả mặt trời cũng như biết rõ vì đau tôi sung sướng đến thế. Phải, tôi tin rằng mặt trời cũng biết vì đau tôi lại chạy tung tăng nhẹ nhàng như thế. Bởi vì tôi đã làm được một việc nhỏ hèn ích.

Mặt trời đã xế bóng ngang các sườn đồi, nhưng tôi cảm thấy dường như còn chần chừ không muốn lặn, còn muốn nhìn tôi. Ánh mặt trời tô điểm con đường tôi đi: mặt đất rần mùa thu trải qua dưới chân tôi nhuộm thành màu đỏ, màu hồng, màu tím. Từng cụm bông lau khô vùn vụt bay hai bên như những tia lửa lập lòe. Mặt trời dọi lửa lên những chiếc cúc mạ bạc trên tấm áo đầy mụn và tôi mặc. Và tôi cứ chạy đi, trong lòng hoan hỉ nói với đất trời, với gió mây: "Hãy nhìn tôi đây ! Hãy nhìn xem tôi đang kiêu hãnh chừng nào ! Tôi sẽ học hành, tôi sẽ đến trường và sẽ dẫn cả các bạn khác đến !..."

Không biết tôi chạy như thế bao lâu, nhưng tôi bỗng sực nhớ ra là phải nhặt *kigiác* nữa. Thế nhưng

lạ thay, suốt mùa hè ngắn ấy súc vật thả ở đây và lúc nào cũng thấy nhan nhản bao nhiêu *kigiắc*, vậy mà giờ đây tựa hồ như đất đã ngốn hết mất cả. Hay chỉ vì tôi không chịu tìm ? Tôi chạy hết chỗ này sang chỗ kia, càng đi xa *kigiắc* càng ít đi. Bấy giờ tôi mới nghĩ ra rằng từ giờ đến tối không thể kịp nhặt được đầy túi phân mất, tôi sợ hãi, chạy lung tung theo các bụi lau, tôi cuống cuống vội vã. Cuối cùng tôi cũng nhặt được nửa bao. Lúc ấy mặt trời đã lặn hẳn, trong hẻm núi trời bắt đầu sẫm tối rất nhanh.

Chưa bao giờ tôi ở ngoài đồng một mình muộn đến thế. Đêm đã buông cánh đen sẫm xuống những triền đồi yên lặng, không một bóng người. Sợ thất thần, tôi vác chiếc bao lên vai và cắm đầu chạy về làng. Tôi khiếp đảm và có lẽ tôi đã kêu lên, khóc lên, nếu không có một ý nghĩ, dù là lạ lùng, tự nhiên kìm tôi lại, là thấy Duysen sẽ nói sao, nếu trông thấy tôi yếu đuối như thế này. Và tôi đã lấy lại can đảm, tự cấm mình không được ngoái nhìn lại nữa, như có thấy đang đứng một bên nhìn theo tôi vậy.

Tôi chạy về đến nhà, thở hổn hển, người đầy bụi và mồ hôi. Tôi vừa thở vừa bước qua ngưỡng cửa. Thím tôi đang ngồi cạnh bếp, đứng lên đón tôi, vẻ dọa nạt. Thím tôi vốn là người độc ác thô bạo.

Mày đi đâu mất mặt thế ? – Thím bước lại gần tôi và tôi chưa kịp thốt ra lời nào, thím đã giật lấy

chiếc bao trên người tôi và lẳng sang một bên. – Suốt ngày mày lượm được từng này đây hở ?

Thì ra tụi bạn gái đã hốt lẽo với thím tôi rồi.

– Con quý đen kia ! – Đứa nào xúi mày ghé vào trường ? Sao mày không chết rấp trên cái trường ấy đi cho rảnh. Thím túm lấy vai tôi và bắt đầu đánh liên hồi vào đầu. – Quân không cha không mẹ ! Chó sói có bao giờ lại thành chó nhà được. Con nhà người ta thì tha của về nhà, còn nó chỉ chực đem của nhà đi cho thiên hạ. Muốn xem trường thì rồi tao sẽ cho xem, mày cứ còn bèn mặng đến gần đây là tao đánh què cẳng đi. Tao sẽ cho mày nhớ đời cái trường ấy...

Tôi nín lặng, chỉ cố sao đừng thét lên. Nhưng sau đó, vừa ngồi đây bếp tôi vừa lặng lẽ khóc vụng, tay sẽ vuốt ve con mèo mướp, còn con mèo thì lúc nào tôi khóc nó cũng biết và nhảy lên đầu gối tôi. Tôi không khóc vì những đòn thím tôi đánh, không, vì tôi đã quen chịu đòn quá rồi, tôi khóc vì hiểu rằng thím tôi không đời nào chịu cho tôi đi học...

Hai ngày sau, sáng sớm trong làng chó bông sủa ran lên và có những tiếng nói oang oang. Hóa ra là Duysen đi từng nhà gọi trẻ em đến trường. Lúc bấy giờ trong làng còn chưa có ngõ lối gì cả, những túp lều xám tối om dựng lung tung khắp xóm, ai tiện đâu thì làm nhà đấy. Duysen cùng bọn trẻ kéo theo sau thành một đám ồn ào đi hết nhà nọ sang nhà kia.

Nhà tôi ở tận cuối làng. Giữa lúc ấy tôi đang cùng thím tôi già kê trong chiếc cối gỗ, còn chú tôi thì đang đào chỗ thóc để dưới hố gần nhà chứa đồ để mang ra chợ bán. Tôi và thím tôi đang đứng già, lần lượt giáng những chày nặng nề xuống cối, nhưng tôi vẫn kịp lên nhìn xem thấy giáo còn xa không. Tôi sợ thấy không đi đến tận nhà chúng tôi. Dầu tôi biết thím tôi sẽ không cho đi học, tôi vẫn muốn Đuysen đến, dù chỉ để thấy biết tôi ở chỗ nào. Và tôi thăm van thấy đừng quay trở lại trước khi đến nhà tôi.

Chào bà chủ, cầu trời phù hộ cho bà ! Mà trời không phù hộ thì cả bọn chúng tôi sẽ cùng ủa vào giúp một tay, bà xem chúng tôi cò đồng không này !
- Đuysen chắc thím tôi bằng một câu pha trò kéo theo sau lũ học trò tương lai.

Thím tôi ậm ừ trả lời, còn chú tôi thì ở dưới hố chôn thóc cũng chẳng thò đầu lên.

Nhưng điều đó không làm Đuysen bối rối. Thấy ngồi xuống khúc gỗ nằm ở giữa sân, vẻ bận rộn, lấy bút chì và giấy ra.

- Hôm nay chúng tôi bắt đầu dạy học ở trường. Con gái bà bao nhiêu tuổi ?

Thím tôi khờ... ập, giận dữ ném chày vào cối. Thím tôi rõ ràng không muốn tiếp chuyện. Người tôi như co rúm lại rồi cơ sự sẽ ra sao đây ? Đuysen nhìn tôi và mỉm cười. Và cũng như lần ấy, tôi thấy lòng ấm hẳn lại.

Antunai, em bao nhiêu tuổi ? – Thầy hỏi.

Tôi không dám trả lời.

Việc gì mà anh phải biết nó bao nhiêu tuổi, anh là thứ thanh tra gì thế ? Thím tôi giận dữ nói. – Nó không học được đâu. Cái quân không cha không mẹ ấy thì học gì, đến những đứa có mẹ có cha hẳn hoi cũng còn không học nữa là. Anh cứ kéo cả cái lũ oắt kia đi mà dạy, không bận gì đến anh ở đây cả.

Đuysen đứng phắt dậy.

Bà hãy nghĩ lại xem bà nói gì thế ? Nó mỗ côi thì có tội tình gì ? Hay có luật lệ nào không cho các trẻ em mỗ côi đi học ?

Luật lệ của anh thì tôi cần gì ! Tôi có luật lệ riêng của tôi, anh không cần phải dạy tôi.

– Luật lệ là luật lệ chung. Và nếu bà không cần đến cháu gái, thì chúng tôi cần nó, chính quyền Xô-viết cần nó. Còn bà chồng lại thì chúng tôi sẽ cho bà biết !

– Ô gớm nhi, anh là cái thá gì mà dám lên mặt với tôi ! – Thím tôi đứng chống nạnh, vẻ khiêu khích. Theo anh thì ai là người có quyền cai quản nó ? Thử hỏi tôi nuôi nấng nó hay anh, cái thứ cầu bơ cầu bất hết đời cha sang đời con kia ?...

Không biết rồi câu chuyện sẽ kết thúc ra sao, nếu lúc ấy chú tôi, mình trần trùng trục, không treo lên

khỏi hổ thóc. Chú thường bực mình không sao chịu được khi thấy vợ cứ nhúng vào những công việc không phải của mình quên mất rằng trong nhà thì người chồng làm chủ. Chú tôi thường đánh đập thím ấy tàn nhẫn vì những tội như vậy. Và lần này cũng có thể thấy rõ ràng chú đã điên tiết lắm rồi.

– Thôi đi, đồ đàn bà ! – Chú vừa quát tháo vừa leo lên. – Bà làm chủ trong nhà này từ bao giờ đấy, bà bắt đầu chỉ huy từ bao giờ thế hả ? Bớt ba hoa đi mà làm nhiều vào. Còn con ông Tastanbek kia, anh cứ đem con bé đi, muốn dạy nó học thì dạy, muốn làm gì nó thì làm. Thôi cút đi !

– A, thế ra con bé sẽ đi lêu lổng ngoài trường học, còn công việc ở nhà thì ai làm cho ? Để đồn cá tôi à ?
– Thím tôi vừa hé miệng, chú tôi đã chặn ngay:

– Thôi, không lôi thôi gì nữa !

Chẳng có việc gì mà lại không có một phần may. Chuyện tôi được đi học lần đầu là như thế đấy.

Từ hôm đó sáng nào thầy Duysen cũng đến từng nhà để gọi chúng tôi.

Lần đầu tiên chúng tôi tới trường, thầy giáo sắp xếp cho chúng tôi ngồi trên các ổ rơm trải giữa sàn nhà rồi phát cho mỗi đứa một quyển vở nhỏ, một cái bút chì và một chiếc băng con.

- Các em tỳ bãng lên đầu gối mà viết cho dễ,
- thầy Đuysen giảng giải.

Rồi thầy chỉ lên bức chân dung của một người
Nga dán trên vách nói:

- Đây là Lênin !

Suốt đời tôi vẫn nhớ bức chân dung ấy. Không
hiếu tại sao về sau tôi không thấy nơi nào có bức đó
nữa và trong thâm tâm tôi vẫn thầm gọi là bức chân
dung Lênin “của Đuysen”. Lênin trên bức ảnh mặc
chiếc áo dài quân nhân hơi rộng, má gầy hóp, bộ râu
cầm lồm chồm. Cánh tay bị thương của người treo
bằng trước ngực đầu đội mũ lưỡi trai hơi hất ra sau,
đôi mắt chăm chú của người nhìn xuống một cách
điềm đạm. Cái nhìn dịu dàng làm ấm lòng người
đường như nói với chúng tôi: “Các cháu ơi, giá các
cháu biết một tương lai đẹp đẽ đến nhường nào đang
chờ các cháu !”. Trong phút yên lặng ấy tôi cảm thấy
như Người quả đang nghĩ đến tương lai của tôi thật.
Bức chân dung in trên loại giấy áp phích thường,
những đường gấp đã sờn và mép giấy đã nát bươm,
chứng tỏ rằng Đuysen giữ bức ảnh đã lâu. Nhưng
ngoài tấm chân dung ấy ra, trên bốn bức vách của lớp
học không còn gì nữa.

Thầy Đuysen nói:

- Thầy sẽ dạy các em biết đọc, biết đếm, hướng dẫn các em viết chữ cái, chữ số. Thầy sẽ dạy các em tất cả những điều mà thầy biết...

Và quả nhiên thầy đã dạy chúng tôi tất cả những gì thầy biết và trong khi dạy bảo chúng tôi, thầy đã tỏ ra kiên nhẫn lạ thường. Cuối xuống sát từng học sinh một, thầy chỉ bảo từng cách cầm bút chì, rồi về sau lại say sưa giảng cho chúng tôi những chữ khó.

Giờ đây nghĩ lại tôi không khỏi ngạc nhiên tự hỏi: làm thế nào người thanh niên biết không được bao nhiêu chữ nghĩa, khi đọc còn phải đánh vần một cách chậm chạp, trong tay không có lấy một quyển sách giáo khoa, ngay đến cả sách vở lòng cũng không có, mà lại dám đảm nhận một công việc thật là to lớn như vậy ? Dạy những đứa trẻ từ đời ông, đời cụ bay tặc tổ tiên đều không biết lấy một chữ cần đòi có phải chuyện đùa đâu ! Và tất nhiên Duyesen cũng không hề có một khái niệm con con nào về chương trình, về phương pháp giảng dạy. Nói cho đúng hơn, Duyesen cũng không hề ngờ rằng trên đời có những thứ đó.

Duyesen đã đem hết năng lực dạy cho chúng tôi, biết được bao nhiêu, thầy dạy bấy nhiêu, dạy tất cả những gì thầy tự cho là cần thiết theo trực giác. Nhưng tôi tin chắc như đinh đóng cột rằng lòng nhiệt tình chân thành của thầy trong công việc dạy dỗ đã chống phí hoài.

Thầy Duysen đã lập một chiến công mà không hề biết. Thật vậy, đó là một chiến công, bởi vì chính hồi đó, dưới mái trường này, hay nói cho đúng hơn dưới mái nhà tranh vách đất hờ hoác đến nỗi ngời trong lớp lúc nào cũng nhìn thấy những đỉnh núi tuyết phủ, một thế giới mới, chưa bao giờ nghe nói đến, chưa bao giờ nhìn thấy, đã mở ra trước mắt chúng tôi, những đứa trẻ của xứ Kirghizi chưa hề bước chân ra khỏi làng.

Chính khi ấy chúng tôi được biết là thành phố Matxcova, nơi Lênin đang sống, lớn hơn Auliat rất nhiều, lớn hơn cả Tasken nữa và trên mặt đất còn có những biển cả rộng hơn cả bình nguyên Talax, trên mặt bể có những chiếc tàu thủy qua lại to như những quả núi. Chúng tôi còn được biết rằng dầu hỏa mà người ta mua ở chợ về là phải lấy từ dưới đất lên. Và chúng tôi đã tin tưởng chắc chắn rằng sau này, khi dân ta đã giàu có hơn, trường chúng tôi sẽ được đặt trong một tòa nhà lớn quét vôi trắng có những cửa sổ rộng và các em học sinh sẽ có bàn ngồi học.

Chúng tôi mới biết qua loa vắn chữ cái, còn chưa biết viết những chữ “mẹ”, “bố”, đã viết được chữ “Lênin” lên giấy. Vốn từ chính trị của chúng tôi gồm có những khái niệm như “phú nông”, “cố nông”, “Xô-viết”. Và, thầy Duysen hứa một năm sau sẽ dạy chúng tôi viết từ “cách mạng”.

Nghe thầy Duysen kể chuyện, chúng tôi ngỡ như mình đang cùng thầy đánh đồng đẹp bắc tiểu trừ quân

bạch vệ. Còn khi kể về Lênin, thầy bồi hồi xúc động như thể chính mắt thầy đã được thấy Người. Bây giờ thì tôi đã hiểu rằng nhiều điều thầy kể lại là những chuyện truyền khẩu đã hình thành trong dân gian về vị lãnh tụ vĩ đại, nhưng đối với chúng tôi, những người học trò của thầy Đuyxen hồi ấy, thì đó là những sự thật hiển nhiên, như thể sữa bao giờ cũng trắng.

Có lần chúng tôi hỏi thầy một câu hoàn toàn không có ân ý gì bên trong cả:

Thưa thầy, thầy vẫn thường được bắt tay Lênin chứ ạ ?

Thầy buồn bã lắc đầu đáp:

- Không, các em ạ, thầy chưa được nhìn thấy Lênin bao giờ cả.

Thầy thờ dài ân hận như người có lỗi - thầy thầy ngượng với chúng tôi.

Cứ cuối mỗi tháng thầy Đuyxen lại lên huyện có việc. Thầy đi bộ và thường hai ba ngày sau mới về.

Trong những ngày đó, chúng tôi buồn lắm. Dù là anh ruột tôi, có lẽ tôi cũng chẳng nóng lòng mong ngóng như mong thầy Đuyxen về trong những ngày ấy. Tôi lên trốn thím tôi chạy ra sau nhà và đứng hồi lâu nhìn về phía con đường cái chạy qua thảo nguyên: bao giờ bóng thầy Đuyxen với chiếc dây vải sau lưng mới hiện ra, bao giờ tôi mới được nhìn thấy nụ cười

ấm áp của thầy, bao giờ mới được nghe những lời lẽ vẫn đem lại cho chúng tôi những hiểu biết mới mẻ ?

Trong số học sinh của thầy tôi là đứa lớn nhất. Có lẽ vì thế nên tôi học khá hơn những học sinh khác, mặc dù tôi vẫn nghĩ đó không phải là những nguyên nhân duy nhất. Mỗi lời thầy giảng, mỗi chữ thầy viết – tất cả đối với tôi đều thiêng liêng. Và trên đời này tôi không hề biết có gì quan trọng hơn là hiểu cho được những điều thầy dạy. Tôi muốn gìn giữ quyển vở của thầy, cho nên tôi đã lấy mũi liềm tập viết những chữ cái ra đất, dùng than viết trên vách, lấy que viết trên mặt tuyết, trên bụi đường. Tôi cảm thấy trên đời này không có ai học rộng và thông minh hơn thầy Đuysen.

Tiết trời đã sắp sang đông.

Trước những trận mưa tuyết đầu mùa, mỗi khi đi học chúng tôi phải lội qua một con suối lòng đá chảy róc rách dưới chân đồi. Nhưng về sau không thể nào lội qua được nữa, vì nước băng lạnh buốt còng cả chân. Khó nhất là những em nhỏ, thậm chí chúng phải phát khóc lên. Những lúc ấy, thầy Đuysen đã bế các em qua suối. Lưng thì còng, tay thì bế và cứ như thế thầy lần lượt đưa hết các em sang.

Giờ đây nhớ lại cảnh xưa, thấy khó lòng mà tin được rằng tất cả những điều đó là có thực. Nhưng lúc bấy giờ, không biết vì ngu dốt hay vì nông nổi, người

ta đã cười thấy Duysen, nhất là bọn nhà giàu thường trú qua mùa đông ở trên núi và chỉ xuống làng khi cần xay thóc. Đã nhiều lần gặp chúng tôi ở chỗ lội qua suối, bọn họ, đầu đội mũ lông cáo màu đỏ, mình mặc những chiếc áo lông cừu quý, nghêu ngẩn trên những con ngựa hung dữ no căng, giương mắt nhìn thấy Duysen rồi bỏ đi. Một tên trong bọn cười nắc nẻ lên và huých tay tên đi bên cạnh nói:

- Đưa thì công, đưa thì bế, trông đã hay chưa !

Và tên kia ghim con ngựa đang thở phì phì, nói thêm:

- Ôi, thật đáng tiếc, sao mình không biết trước, lấy vợ lẽ là phải chọn những người như thế !

Rồi chúng quát cho ngựa chạy làm nước và bùn bắn tung tóe lên chúng tôi, cười phá lên rồi đi khuất.

Sao lúc đó tôi muốn đuổi theo những con người ngu xuẩn ấy thế, muốn nắm lấy cương ngựa và quát thẳng vào những bộ mặt láo xược của họ: "Các người không được nói thầy giáo của chúng tôi như thế ! Các người ngu lắm, các người tồi lắm".

Nhưng liệu có ai chịu nghe lời một con bé thơ đại như tôi ?

Và tôi chỉ còn biết nuốt những giọt lệ căm uất đang trào lên, nóng hổi. Còn thấy Duysen thì dường như không để ý đến những lời lăng mạ đó, coi như không nghe thấy gì hết. Thường là thầy nghĩ ra một

câu chuyện vui nào đó khiến lũ chúng tôi phá lên cười, quên mất mọi sự.

Thầy Duysen cố cố gắng bao nhiêu cũng vẫn chưa kiếm đủ gỗ để bắc một chiếc cầu nhỏ qua suối. Có lần ở trường về, sau khi đã đưa hết các em nhỏ sang, tôi cùng với thầy Duysen dừng lại bên bờ suối. Chúng tôi quyết định lấy đá và những tảng đất cỏ đắp thành các ụ nhỏ trên lòng suối để bước qua cho khỏi bị ướt chân.

Thật ra thì bà con trong làng chỉ cần tập hợp lại và cùng nhau bắc qua suối đôi ba cây gỗ là trong nháy mắt đã có chiếc cầu cho các em đi học. Nhưng số là vì hồi ấy người ta vẫn còn ụ mê nên coi nhẹ việc học hành và khá ra thì cũng chỉ cho thầy Duysen là một con người hết sức gàn dở không biết làm gì khác nên phải bày trò nhì nhăng với bọn trẻ con. Thích thì dạy, không thích thì đuổi chúng về nhà. Bản thân họ bao giờ cũng đi ngựa nên chẳng cần đến cầu. Nhưng dù sao dân làng chúng tôi tất nhiên rồi cũng phải suy nghĩ vì đâu người thanh niên ấy, vốn chẳng thua kém gì ai và cũng không ngu ngốc hơn những người khác, lại phải chịu khó, chịu thiệt, phải nghe những lời châm chọc, nhạo báng để dạy cho con cái họ học, mà lại dạy với một ý chí kiên trì hiếm có, với một quyết tâm phi thường như thế ?

Hôm chúng tôi xếp đá qua dòng nước, tuyết đã phủ đầy trên mặt đất và nước buốt đến chết cứng đi được. Tôi không tưởng được thầy Duysen làm thế nào

chịu nổi – vì thấy tôi đi chân không, làm không ngại tay. Tôi chắt vạt đặt chân xuống suối, tưởng chừng như lòng suối rải đầy than hồng nóng bỏng. Bỗng đứng đến giữa suối tôi bị chuột rút ở chân, người co rúm lại. Tôi không thể kêu lên một tiếng, cũng không thể đứng thẳng lên được nữa và từ từ ngã xuống nước. Duysen lẳng tảng đá đi, nhẩy ngay lại bên tôi, đỡ tôi lên tay, rồi bế tôi chạy lên bờ và lột chiếc áo choàng đặt tôi ngồi vào đấy. Thấy hết xoa hai chân đã tím bầm, cứng đờ như gỗ của tôi, lại bóp chặt đôi tay lạnh cóng của tôi trong lòng bàn tay mình, rồi đưa lên miệng hà hơi ấm cho tôi.

Thầy Duysen khẽ nói:

– Antunai, em ngồi đây cho ấm, đừng xuống nữa. Một mình thầy làm cũng đủ...

Cuối cùng khi những chỗ đặt chân xếp đã xong. Duysen vừa xỏ chân vào ủng, vừa nhìn nét mặt ỉu xìu, tái mét của tôi và mỉm cười hỏi:

· Thế nào, cô em giúp việc, đã đỡ rét chưa ? Khoác cái áo choàng lên, thế... thế ! – Thầy yên lặng một lát rồi hỏi: – Antunai, lần ấy có phải em trút lại *kigiắc* ở trường không ?

– Vâng ạ, – tôi đáp.

Thầy hơi nhếch mép mỉm cười, như thế tự nhủ: “Mình đoán đúng mà !”.

Tôi còn nhớ lúc ấy máu dồn lên má tôi nóng ran: như vậy nghĩa là thầy đã biết và chưa quên một điều tưởng như nhỏ mọn ấy. Tôi sung sướng quá, lịm cả người đi và Duysen cũng hiểu niềm hoan của tôi.

- Dòng suối trong trẻo của thầy, - thầy âu yếm nhìn tôi nói, - em thông minh lắm... Ôi, ước gì thầy được gửi em ra thành phố lớn. Em còn sẽ khá hơn biết chừng nào ?

Duysen bước nhanh lên bờ.

Và giờ đây tôi mừng tượng thấy thầy đang đứng trước mặt tôi, như lúc bấy giờ thầy đã đứng giữa dòng suối đá đang réo lên âm âm, hai tay để sau gáy và đôi mắt long lanh đăm đăm nhìn theo những đám mây trắng xa tít đang bị gió thổi cuốn qua các ngọn núi.

Thầy nghĩ gì khi ấy ? Có thể thầy đang mơ tưởng cho tôi ra một thành phố lớn học thật chẳng ? Còn tôi, lúc bấy giờ cuộn tròn trong chiếc áo choàng của thầy Duysen, tôi thầm nghĩ: "Ước gì thầy là anh ruột của tôi ! Ước gì tôi được bá cổ thầy, nhắm nghiền mắt lại và thủ thi với thầy những lời đẹp đẽ nhất ! Trời ơi, ước gì thầy Duysen là anh ruột tôi !".

Chắc chắn tất cả đám học sinh chúng tôi đứa nào cũng yêu mến thầy vì tấm lòng nhân từ, vì những ý nghĩ tốt lành, vì những ước mơ của thầy về tương lai chúng tôi. Tuy chúng tôi còn bé, nhưng tôi nghĩ rằng lúc đó chúng tôi đều đã hiểu được những điều ấy. Còn

có cái gì khác bất chúng tôi ngày nào cũng đi xa, leo đồi lội suối, bạt hơi vì gió rét, chân ngập trong những cơn tuyết như vậy được nữa ? Chúng tôi tự nguyện đến trường, không ai phải xua chúng tôi đến cả. Không ai có thể buộc chúng tôi phải chịu công trong căn nhà kho lạnh lẽo: tuy ngồi trong nhà, mà mỗi khi thở ra là hơi giá bám trắng xóa cả mặt mũi, tay chân, quần áo. Chúng tôi chỉ dám thay phiên nhau đứng sưởi cạnh lò, còn tất cả dành ngồi tại chỗ nghe thầy Duysen giảng bài.

Vào một trong những ngày giá buốt ấy – tôi còn nhớ là khoảng cuối tháng giêng. – Duysen, vẫn như thường lệ, đến từng nhà tập hợp tất cả chúng tôi lại và dẫn tới trường. Thầy lặng lẽ bước đi, không nói một lời, vẻ nghiêm nghị, đôi lông mày nhíu lại như đôi cánh chim ưng và nét mặt sắt lại như luyện bằng thép. Chưa bao giờ chúng tôi nom thấy thầy như vậy. Chúng tôi liếc nhìn thầy rồi cũng đều im lặng: chúng tôi cảm thấy có điều gì không lành.

Mỗi khi trên đường đi có những đồng tuyết lớn là thầy Duysen thường đi trước để mở đường, tôi đi theo sau thầy, rồi đến các bạn khác. Lần này cũng thế; ở chỗ chân gò đèo qua tuyết xuống nhiều nên Duysen lại đi trước. Đôi khi chỉ cần nhìn vào lưng một người nào ta đã có thể đoán biết ngay được tâm trạng họ ra sao, có những cảm xúc gì đang diễn ra trong lòng họ. Lúc đó cũng vậy, có thể thấy rõ thầy Duysen đang có

điều gì đau buồn vô hạn. Đầu thầy cúi gằm xuống, hai chân lê đi một cách khó nhọc. Cho đến bây giờ tôi vẫn còn nhớ mãi cái cảnh khủng khiếp của những màu đen, màu trắng lẫn lộn tiếp theo nhau trước mắt tôi. Chúng tôi nối đuôi nhau leo lên đồi. Dưới chiếc áo choàng màu đen, lưng thầy Duysen khom hằn lại và trên đỉnh dốc nhấp nhô những đồng tuyết trắng trông như những cái bướu lạc đà, gió vẫn cuộn cuộn thổi hát tuyết từ các ụ đó xuống. Và cao hơn nữa – trên bầu trời trắng nhờ nhờ lơ lửng một đám mây đen cô độc.

Khi chúng tôi tới trường thầy Duysen không nhóm lò sưởi.

Thầy nói:

- Các em đứng đây !

Chúng tôi đứng đây.

Bỏ mũ xuống.

Chúng tôi ngoan ngoãn nghe theo và thầy cũng bỏ chiếc mũ kỵ binh ở trên đầu xuống. Chúng tôi không hiểu tại sao phải làm như thế. Lúc đó thầy cất giọng khàn khàn nói dứt quãng:

- Lênin đã mất. Giờ đây trên khắp quả đất đang mặc niệm Người. Các em cũng hãy đứng tại chỗ và yên lặng. Các em hãy nhìn lên đây, nhìn bức chân dung này. Các em hãy ghi nhớ lấy ngày hôm nay.

Toàn trường chúng tôi lặng ngắt đi, tưởng chừng như đã bị vùi kín dưới tuyết. Có thể nghe thấy tiếng gió lùa qua các kẽ hở. Có thể nghe thấy cả tiếng những bông tuyết rơi nhẹ nhẹ xuống mái rơm.

Trong giờ phút ấy, trong khi tất cả các thành phố vốn nhộn nhịp đều đã lặng đi, trong khi những công xưởng đã làm rung chuyển cả mặt đất đã im bất tiếng máy, trong khi những đoàn tàu lăn bánh âm ỉm bỗng đứng lặng yên trên các đường sắt, trong khi toàn thể giới đang chìm sâu trong tang tóc, trong giờ phút đau thương đó thấy rõ chúng tôi, một bộ phận nhỏ bé của toàn dân, cũng đang nín thở, nghiêm trang đứng mặc niệm trong căn nhà kho lạnh giá không hề ai biết tới, được gọi là trường học ấy, để vinh biệt Lênin, thậm chí cho mình là những kẻ thân thuộc nhất của Người và thương tiếc Người hơn ai hết. Còn Lênin của chúng tôi vẫn vận chiếc áo dài quần nhàn hơi rộng với cánh tay bị thương treo ngang trên ngực, vẫn từ trên vách nhìn xuống chúng tôi, cái nhìn trong sáng vẫn như nói với chúng tôi: “Các cháu ơi, giá các cháu biết một tương lai đẹp để nhường nào đang chờ các cháu !” Và tôi có cảm giác rằng trong giây phút yên lặng đó Người đang nghĩ về tương lai của tôi thật.

Sau đó thấy Đuysen đưa ống tay áo lên lau nước mắt và nói:

– Hôm nay thầy phải lên huyện. Thầy đi để gia nhập Đảng. Ba ngày nữa thầy sẽ về.

Đối với tôi ba ngày đó mãi mãi là những ngày lặng lẽ nhất trong những ngày đông tháng giá mà tôi phải chịu đựng. Đường như có những sức mạnh hùng vĩ nào của thiên nhiên đang muốn ra sức thay thế trên mặt đất con người vĩ đại vừa đi khỏi thế giới của chúng ta: gió không ngừng thổi ráo lên từng cơn, bão tuyết cứ quay cuồng không ngừng, băng giá kêu lạnh lạnh như tiếng sắt... Sức mạnh của thiên nhiên không sao yên được: nó lỏng lẻo, vật vờ trên mặt đất, khóc than nức nở.

Làng tôi chìm lặng dưới chân những ngọn núi lơ mờ tối sẫm giữa các tầng mây mù bay là là sát đất. Những làn khói trắng nhỏ tỏa ra từ các ống khói ngòi ngòi. Không một ai lộ ra khỏi nhà. Hơn nữa lũ chó sói đói bỗng trở nên liêu linh. Ban ngày chúng trắng trợn hoành hành trên các ngã đường, tối đến chúng sục sạo ở ngay cạnh làng và suốt đêm cho tới sáng cứ tru lên đói khát, điên dại.

Không hiểu sao tôi cứ lo thay cho thấy chúng tôi: không có áo lông, chỉ mặc phong phanh chiếc áo choàng bộ đội ấy thì thấy làm sao chịu được cơn rét này ? Và đến ngày Duyxen phải về, tâm can tôi cứ như lửa đốt: lòng tôi đã cảm thấy có điều gì chẳng lành. Chốc chốc tôi lại chạy ra sân, nhìn ra cánh thảo nguyên vắng vẻ phủ đầy tuyết trắng xem thấy giáo có xuất hiện trên đường cái không. Nhưng vẫn không có lấy một bóng người.

“Thầy ơi, thầy ở đâu ? Em van thầy, thầy đừng về khuya đấy, về nhanh lên thầy ! Chúng em đang đợi thầy đây, thầy có nghe thấy không ? chúng em đang mong ngóng thầy về”.

Nhưng thảo nguyên không hề đáp lại tiếng gọi, thăm lặng của tôi và không hiểu sao tôi òa lên khóc nức nở.

Thím tôi đã phải bực mình vì tôi cứ ra vào mãi. Rồi thím giờ ngón tay lên đe tôi:

Hôm nay mày có để cho cái cửa được yên không nào ? Ngồi ngay vào một chỗ, cầm lấy ống sợi mà quay. Mày làm cho mấy đứa trẻ chết công lên rồi đấy. Có giới cứ nhảy ra ngoài một lần nữa tao xem nào !
Và thím không cho tôi ra khỏi nhà nữa.

Trời đã sẩm tối, thế là tôi không được biết thầy đã về hay chưa. Vì thế tôi không thể nào ngồi yên được. Khi thì tôi tự an ủi rằng Đuysen chắc đã về đến làng rồi vì chưa lần nào thầy trở về lỡ hẹn cả. Khi thì tôi lại chợt nghĩ hay thầy bị ốm nên phải đi chậm, hễ trời nổi cơn bão tuyết lên là đêm hôm thế này chẳng mấy chốc thầy sẽ bị lạc trên thảo nguyên. Tôi không sao làm việc được nữa không sao điều khiển nổi hai cánh tay, sợi cứ đứt luôn, làm cho thím tôi điên tiết lên.

Hôm nay mày làm sao thế ? Tay mày là tay gỗ hay sao ? – thím tôi càng nói càng nổi xung, mắt lườm

tôi. Cuối cùng không sao chịu được nữa, thím quát: – Ô, sao mày không chết quách đi cho rảnh ! Tốt hơn hết là mày xéo đi, mang trả cho bà cụ Xaikan cái bao tải.

Thiếu chút nữa tôi đã nhảy cẫng lên vì vui sướng. Thấy Duysen lại ở ngay nhà bà cụ Xaikan. Hai ông bà Kartanbai và Xaikan vốn có họ xa với mẹ tôi. Trước đây tôi vẫn thường lui tới chỗ hai cụ, đôi khi tôi còn ngủ lại đấy nữa. Không hiểu thím tôi có nhớ tới chuyện đó hay trời xui khiến thím ấy. Thím vừa dúi cái bao tải vào tay tôi vừa nói thêm:

– Hôm nay mày làm tao phát ngấy lên, như trong những năm đói cụ phải ăn cám mãi ấy. Cút đi ngay, nếu ông cụ bà cụ cho ngủ thì ở quách lại đằng ấy. Đi cho khuất mắt tao ..

Tôi chạy vụt ra sân. Gió cứ điên cuồng lồng lộng như một lão phù thủy hung dữ: nó sặc sụa một lát, rồi phẫn phật thổi hất tung những nắm tuyết lạnh buốt vào khuôn mặt nóng bừng của tôi. Tôi cặp chặt chiếc bao tải vào nách và chạy một mạch theo những vết chân ngựa thừa thớt còn mới nguyên đến cuối làng. Trong đầu tôi bấy giờ chỉ có một ý nghĩ duy nhất: “Đã về chưa, thầy giáo đã về chưa ?”.

Tôi chạy tới nơi, nhưng không thấy thầy đâu. Thấy tôi im thin thít đứng ngoài ngưỡng cửa, thở hổn hển, bà cụ Xaikan lo sợ hỏi:

– Cháu làm sao thế ? Sao cháu phải chạy học tốc thế ? Có chuyện gì chẳng lành phải không ?

– Không ạ, chẳng sao đâu ạ. Cháu mang cái bao tải đến đây này. Bà cho cháu ở lại đây tối nay được không ?

– Cháu quý của bà, cháu cứ ở lại đây. Trời ơi, con ranh này làm cho hoảng cả lên, sao từ mùa thu đến giờ chả thấy cháu thò mặt đến ? Cháu ngồi lại gần lửa mà sưởi cho ấm.

Ông cụ Kartanbai đang ngồi cạnh cửa sổ và mấy chiếc ủng cũ nói vọng ra:

Này, bà nó này, đem thịt rang lại cho cháu gái nó ăn đi. May ra Duysen cũng sắp về rồi đấy. Lẽ ra anh ấy phải về từ lâu rồi, nhưng không sao, anh ấy sắp về đấy, cũng mới bắt đầu tối thôi. Con ngựa nhà này phóng nước mã hồi nhanh lắm.

Ngoài cửa sổ trời đã tối sẫm lại từ lúc nào không biết. Trong lòng tôi cứ thấp thỏm không yên. Mỗi khi nghe thấy tiếng chó sủa hay tiếng người nói vọng vắng là tôi im lặng đi. Nhưng thấy Duysen vẫn chưa về. May sao bà cụ Xaikan luôn miệng nói chuyện này chuyện nọ, thành thử cũng đỡ sốt ruột.

Chúng tôi cứ thế đợi thấy Duysen hết giờ này sang giờ khác, nhưng tới gần nửa đêm ông cụ Kartanbai cũng đã mệt và bảo bà cụ:

Thôi, bà nó trái giường đi. Anh ấy chả về tới nay đâu khuya rồi. Các ông lãnh đạo ấy khỏi việc ra, chắc lại giữ anh ta lại thôi, không thì anh ấy đã về đến nhà từ lâu rồi.

Ông cụ lên giường ngủ.

Bà cụ dọn chỗ nằm cho tôi trong góc nhà sau lò sưởi. Nhưng tôi không tài nào chợp mắt được. Ông cụ cứ ho húng hắng, trở mình thì thắm độc kinh, rồi lo lắng lắm lắm:

Chả hiểu con ngựa của mình ra sao ? Đến năm cô cũng chẳng ai cho không, còn lúa thì dù có tiền cũng chẳng mua được cho nó ăn.

Chả mấy chốc cụ Kartanbai đã ngủ say. Nhưng ngoài trời gió vẫn không dịu xuống. Gió sục sạo trên mái nhà, lùa những đuôi mái tranh ở đầu hồi bay lất phất, quất từng trận vào cửa kính. Nghe thấy cả tiếng tuyết rơi đập vào tường ở mé ngoài.

Lời nói của ông cụ cũng chẳng làm tôi yên tâm được. Tôi cứ có cảm tưởng là thấy giáo sắp về đến nơi và tôi cứ nghi mãi về thầy, hình dung thấy thầy đang trên đường về, ở giữa cánh đồng tuyết phủ mênh mông. Tôi cũng không hiểu tôi chợp mắt ngủ được bao lâu, nhưng bỗng có cái gì khiến tôi phải cất đầu lên khỏi mặt gối. Có tiếng tru ú ở chườn đi trên mặt đất rồi mất hút trong thinh không. Chó sói ! Và không phai chỉ một con, mà cả một bầy. Lũ chó sói gọi nhau

ở từ phía, rồi dồn lại rất nhanh. Những tiếng tru của bầy sói quyện lại với nhau thành một tiếng rống kéo dài hòa theo gió vang đi khắp thảo nguyên, khi xa dần, khi gần lại. Có khi tương chừng luẩn quẩn đầu đây, ngay bên cạnh, ngay ngoài đầu làng.

– Tiếng sói gọi bão đấy ! – Bà cụ thì thầm.

Ông cụ im lặng lắng tai nghe, rồi nhảy từ trên giường xuống.

– Không, bà nó à, không phải chỉ có thế đâu ! Chó sói đang rượt theo ai. Chúng nó vây người hay ngựa đấy. Thấy không ? Cầu chúa phù hộ cho Duysen tai qua nạn khỏi. Anh ấy chẳng biết lo nghĩ gì cả, anh ấy còn trẻ người non dạ quá thôi ! – Ông cụ Kartanbai đứng phắt dậy, tìm cái áo lông trong bóng tối. – Đèn đâu, bà nó ơi, thắp cái đèn lên ! Trời ơi nhanh lên !

Chúng tôi run cầm cập vì sợ hãi và choàng dậy. Trong lúc bà cụ Xaikan tìm được đèn, đang thắp lên thì tiếng chó sói rống bỗng cầm bật, như bị cắt ngang.

Lũ sói chết tiệt chộp được mồi rồi. – Ông cụ Kartanbai thét to lên, vớ lấy chiếc gậy toan chạy ra cửa, nhưng vừa lúc ấy lại có tiếng chó sủa. Có tiếng đế giày bước lạo xạo trên mặt tuyết, có ai chạy qua dưới các cửa sổ, rồi có tiếng gõ mạnh, dồn dập vào cánh cửa.

Hơi lạnh ở bên ngoài lùa vào phòng thành một đám mây dày đặc. Khi đám mây đó đã tan hết, chúng

tôi mới nhìn thấy Duysen. Mặt xám ngắt, thờ hớn hển, thầy lão đạo bước qua ngưỡng cửa, rồi ngã lưng dựa vào tường.

- Súng ! - Duysen nói trong tiếng thờ phào. Nhưng chúng tôi hầu như không hiểu thầy định nói gì. Mắt tôi tối sầm lại, rồi tôi chỉ còn nghe thấy hai cụ vừa khóc vừa than-thở.

- Xin cúng một con cừ đen, xin cúng một con cừ trắng ! Thôi nhờ đức Baubêdin phù hộ cho anh. Có phải anh đấy không ?

- Súng, đưa súng đây cho tôi ! - Thầy Duysen nhắc lại.

- Không có, anh định làm gì đấy, anh đi đâu ?

Ông cụ và bà cụ mỗi người bám lấy một bên vai thầy Duysen.

- Đưa cho tôi cái gậy vậy !

Nhưng hai cụ khẩn khoản nói:

- Chúng nào chúng tôi còn sống, anh không được đi đâu cả, không đi đâu nữa. Thà anh giết chúng tôi ngay tại chỗ còn hơn.

Tôi bỗng thấy người mệt lả rã rời, đành lặng lẽ nằm xuống giường.

- Tôi không kịp... chúng đã đuổi sát đến tận nhà thầy Duysen vừa thờ hớn hển vừa nói rồi lẳng chiếc

roi da vào góc nhà. – Dọc đường về ngựa đã kiệt sức, rồi lại bị chó sói đuổi nó vừa chạy đến đầu làng thì ngã gục xuống. Lũ chó sói nhảy xổ ngay tới.

– Thôi kệ xác nó, quý hồ anh còn sống là được rồi. Con ngựa mà không quy xuống thì chúng nó cũng chẳng tha cho anh về đâu. May mà đức Baubêdin phù hộ cho nên mới được như thế. Bây giờ cởi áo ra, ngồi lại gần lửa mà sưởi. Đưa tôi thảo ung cho cụ Kartanbai lãng xãng bên cạnh Duysen nói, – còn bà lão xem có gì ăn đem ra hâm lại đi.

Họ ngồi xuống cạnh lửa và bây giờ cụ Kartanbai mới thở phào nhẹ nhõm.

– Thôi, cái gì trời đã định là không sao tránh khỏi. Nhưng sao anh lại ra về muộn thế ?

Thưa bác, hội nghị ở ủy ban huyện bị kéo dài. Cháu vào Đảng rồi.

– Hay lắm. Nhưng sáng hôm sau hãy về có phải hơn không, nào có ai bắt anh phải về ngay đâu.

– Cháu đã trót hứa với các em là sẽ về hôm nay.

– Thầy Duysen đáp. – Mai phải bắt đầu học rồi.

– Ôi, thật là ngặt ! – Cụ Kartanbai nhồm cả người dậy và bực dọc lắc đầu. – Này, bà già nó ơi, thử nghe xem: anh ấy đã trót hứa với lũ trẻ con, với cái bọn nhãi ấy mất rồi ! Thế nhờ mệnh hệ nào thì sao há ! Mà anh có hiểu là anh đang nói gì không ?

- Đây là bốn phần của cháu, nhiệm vụ của cháu bác ạ. Nhưng còn cái này bác thử nghĩ xem: thường cháu vẫn đi bộ, thế mà lần này, không biết ma quỷ nào xui khiến cháu mượn của bác con ngựa để đem cúng cho lù sồi...

Cụ Kartanbai cúi kinh nói:

- Nhưng tôi không nói chuyện ấy. Con ngựa chết tiệt ấy mất đi thì mặc xác nó. Coi như nó hiến thân để chuộc mạng cho anh ! Trước kia hàng bao nhiêu năm tôi không có ngựa, thì bây giờ mất ngựa cũng chẳng sao. Chính quyền Xô-viết còn thì tôi còn làm ra được.

- Ông già nói phải đấy. - bà cụ Xaikan tiếp lời, giọng đầy nước mắt. Chính quyền Xô-viết còn là ta sẽ còn làm ăn được... Nay, ăn đi con, kéo ngựa mất.

Họ yên lặng. Một lát sau cụ Kartanbai vừa cời than hồng ra, vừa nói, vẻ trầm ngâm:

Anh Duysen, tôi xem anh cũng không đến nỗi dấn dộn mà lại còn thông minh nữa là khác. Nhưng tôi vẫn không hiểu được tại sao anh cứ bịn rịn với cái trường này, với bọn trẻ con khờ dại ấy ? Hay anh không kiếm được nghề nào khác ? Anh cứ đi chân cừu thuê cho người ta cũng sẽ được no ấm chán...

Bác ạ, cháu hiểu rằng bác chỉ mong điều lành cho cháu. Nhưng nếu những trẻ thơ dại kia sau này cũng cứ nói như bác cần gì trường học, cần gì phải đi học, thì sự nghiệp của nhà nước Xô-viết sẽ chẳng

nhích đi được bao xa. Thế nhưng bác lại muốn sao cho chính quyền Xô-viết đứng vững, sao cho nó sống mãi. Chính vì vậy nên đối với cháu trường học không phải là gánh nặng bác ạ, giá cháu dạy được cho các em học thật tốt thì cháu không còn mơ ước gì hơn nữa. Chính Lênin đã từng nói...

- Ừ thì tiện anh nói... - Cụ Kartanbai chặn lời Đuysen, yên lặng một lát rồi nói tiếp: - Đấy, anh cứ đau buồn thương tiếc mãi. Nhưng nước mắt cũng chẳng làm cho Lênin sống lại được ! Hừ, giá có được phép lạ ấy ! Hay là anh tưởng những người khác không hề buồn, không hề đau khổ chẳng ?... Anh thử nhìn vào tận trong lồng ngực tôi mà xem tìm tôi cũng ứa máu ra chứ có phải không đâu. Tôi không biết làm như vậy có hợp với cái chính trị của anh không, chứ mặc dầu Lênin là người khác tín ngưỡng, tôi cứ mỗi ngày năm lần cầu nguyện cho Người. Anh Đuysen ạ, có khi tôi lại nghĩ rằng dẫu chúng ta khóc Người bao nhiêu chẳng nữa cũng chẳng được ích gì. Anh Đuysen ạ, tôi cứ tự phán đoán theo lối các cụ thế này: Lênin bao giờ cũng sống mãi trong nhân dân và cứ theo dòng máu lưu truyền từ đời cha đến đời con...

- Thật cháu xin cảm ơn những lời bác nói. Bác nghĩ đúng lắm, Lênin tuy mất rồi, nhưng chúng ta sẽ noi gương Người mà sống.

Trong khi nghe cụ Kartanbai và Đuysen nói chuyện với nhau tôi hoàn hồn dần: hồn vía tôi từ một

nơi nào xa lắm từ từ trở lại. Thoạt đầu tất cả những việc xảy ra hết như một giấc mơ. Mãi tôi vẫn chưa tin được rằng Duysen đã về, vẫn còn sống và vẫn lành lặn. Rồi một nguồn vui bùng bật, chan hòa như dòng nước lũ mùa xuân tràn vào tâm hồn tôi, rồi dường như chìm ngập trong dòng tình cảm nóng hổi đó, tôi òa lên khóc nức nở. Có lẽ chưa có ai qua những phút mừng rỡ như tôi lúc bấy giờ. Trong giây phút đó đối với tôi không còn gì tồn tại nữa: kể cả túp lều vách đất, cả đêm bão tuyết ngoài sân, cả đàn sói đang xâu xé con ngựa duy nhất của cụ Kartanbai ở đầu làng. Không có gì nữa hết ! Tất cả tâm hồn, ý nghĩ, cả con người tôi đều tràn ngập một niềm hạnh phúc phi thường, không lường hết được, vô tận, vô cùng như vũ trụ. Tôi trùm chăn kín đầu và bịt chặt miệng lại để đừng ai nghe thấy tiếng khóc của tôi. Nhưng thầy Duysen đã hỏi:

Ai khóc thút thít sau lò sưởi thế ?

Bà cụ Xaikan đáp:

- Antunai đấy mà, lúc này nó sợ quá nên đang khóc đấy.

- Antunai à ? Em ấy ở đâu đến đây ? -- Thầy Duysen đứng phắt dậy chạy lại quỳ xuống đất ngay cạnh đầu giường tôi rồi khẽ chạm tay vào vai tôi:

- Antunai làm sao thế ? Tại sao em khóc ?

Tôi quay mặt vào tường và càng khóc to hơn trước.

Sao thế, sao em sợ đến thế ? Em đã lớn rồi kia mà, sao lại thế... nào, nhìn thấy này...

Tôi ôm chặt lấy thầy Duysen, áp chặt đôi má nóng bừng, ướt đẫm nước mắt vào vai thầy giáo và khóc nức nở, không tài nào tự chủ được nữa. Niềm vui sướng tràn ngập tâm hồn tôi, tôi run lên như trong cơn sốt và không còn đủ sức để kìm lại nữa.

- Ủ... hân là con bé hồn xiêu phách lạc đi đâu hết. Cụ Kartanbai cũng đâm lo và đứng dậy. - Kìa, bà khấn khứa cho nó một tí, nhanh lên nào...

Và cả hai cụ bỗng tíu tít cả lên. Bà cụ Xaikan thì thậm mấy câu thần chú, rồi vấy hết nước lạnh đến nước nóng vào mặt tôi, xông hơi cho tôi và cũng khóc òa lên cùng với tôi.

Trời ơi, giá các cụ hiểu được rằng tôi “hồn xiêu phách lạc” vì một niềm hạnh phúc lớn lao mà tôi không đủ sức để kể ra có lẽ cũng không tài nào diễn tả nổi.

Thầy Duysen vẫn ngồi cạnh tôi, đưa bàn tay mát lạnh vuốt nhẹ lên vầng trán nóng hổi của tôi cho đến lúc tôi nín hân và ngủ thiếp đi.



... Mùa đông đã du mục sang bên kia đèo. Mùa xuân đang lửa những đàn gia súc màu xanh của nó đến. Trên những cánh đồng bằng, tuyết đã tan, mặt đất ướt như sừng phủ lên từng chỗ. Từ miền ấy, những luồng hơi ẩm bốc lên lửa vào núi, mang theo hơi thơ mùa xuân của đất đai, hương vị của sữa đang lên hơi. Các cồn tuyết cũng xẹp xuống, những tảng băng trên núi đã chuyển mình và các dòng suối đóng băng cũng nứt nẻ, vỡ toác ra, rồi tràn lên, cuộn cuộn chảy thành những thác nước dưng mãnh réo ầm ầm trong các thung lũng.

Có lẽ đó chính là mùa xuân đầu tiên trong thời niên thiếu của tôi. Dù sao đối với tôi nó cũng vẫn đẹp hơn tất cả các mùa xuân trước. Đứng ở trường chúng tôi, từ trên đỉnh đồi, có thể nhìn thấy cả thế giới tươi đẹp của mùa xuân mở rộng ra trước mắt. Mặt đất dường như dang tay chạy từ trên núi xuống và không đủ sức dừng lại nữa, cứ lao vùn vụt vào các vùng xa tắp của cánh thảo nguyên đang lấp lánh như bạc dưới ánh nắng, bao phủ trong một làn hơi huyền ảo. Ở một nơi nào xa tít tận góc biển chân trời có những hồ nước bằng tan xanh biếc, ở một nơi nào xa tít tận góc biển chân trời có những bầy ngựa đang hí lên, trên nền trời xanh đàn sếu bay qua cánh nắng những làn mây trắng. Đàn sếu bay từ đâu tới và gọi lòng người về đâu mà cất tiếng kêu lạnh lạnh buồn buồn như vậy ?

Mùa xuân tới, gieo vui vào lòng chúng tôi. Chúng tôi bày đủ các trò chơi, luôn cất tiếng cười vô cố, cứ đến giờ tan học, suốt dọc đường về làng, chúng tôi vừa chạy vừa gọi nhau ầm ĩ. Thím tôi rất ghét cái lối ấy và không bỏ lỡ dịp mắng mọ tôi:

– Con đi, mày làm gì mà cứ tốn tác lên thế ? Mày làm bà có thể mãi mà không biết dơ à ? Con nhà có phúc như người ta mà bằng tuổi mày thì cũng đã có chồng có con vui nhà vui cửa từ lâu rồi, còn mày thì... Đàng này lại thích đi học cơ ! Nhưng cứ đợi đấy... bà sẽ cai quản mày...

Thật ra thì tôi cũng chẳng để tâm đến những lời dọa nạt của thím ấy lắm, vì đó không phải chuyện lạ – suốt đời thím ấy chỉ chửi mắng. Còn nói rằng tôi làm bà có thì thật không đúng chút nào. Có điều là mùa xuân năm nay tôi lớn như thổi.

Thầy Duysen nói đùa tôi:

– Em còn là một cô bé đầu bù tóc rối, mà hình như tóc em lại còn đỏ nữa kia chứ !

Những lời của thầy không làm tôi chạnh lòng chút nào cả. Tôi trầm nghĩ: “tất nhiên mình đầu bù tóc rối thật đấy, nhưng tóc mình chẳng đỏ tí nào đâu. Rồi đến lúc mình lớn hơn ít nữa, mình sẽ là một cô gái đến tuổi đi lấy chồng, mình chẳng đầu bù tóc rối thế này nữa đâu. Lúc đó thím cứ thử nhìn xem mình có

xinh không”. Thầy Duysen vẫn nói tôi có đôi mắt sáng như sao, có khuôn mặt cười mở thật thà.

Có một lần, khi chạy ở trường về, tôi thấy hai con ngựa lạ đứng ngoài sân. Cứ trông yên ngựa, dây thừng, cũng biết chủ của chúng là những người ở trên núi xuống. Và trước đây cũng có khi họ đã ghé vào nhà chú tôi mỗi khi đi chợ về hay mang thóc xuống xay.

Đứng ngoài ngưỡng cửa tôi đã nhói lên vì tiếng cười thiếu tự nhiên của thím tôi:

- Gớm, thôi, đừng lo anh ạ, không nghèo đi đâu mà sợ. Rồi sau này khi con chim non đã cầm chắc trong tay rồi, anh sẽ thăm cảm ơn tôi cho mà xem - hi hi hi ! - Đáp lại lời thím tôi có tiếng văng vẳng rồi rít và những tiếng cười ha hả. Đến khi tôi bước vào cửa thì mọi người im bật. Cảnh đồng ní phủ chiếc khăn trải bàn có một người đàn ông to béo phục phịch, mặt đỏ, ngồi chênh ềnh như khúc gỗ. Đầu hấn đội mũ lông chồn che kín cả cái trán nhể nhại mồ hôi. Hấn đưa mắt liếc tôi rồi dang hắng một cái và cụp mắt xuống.

Thím tôi nhoen miệng cười âu yếm, nói:

- Ô, con đã về đấy à, vào đây con !

Chú tôi cũng ngồi cạnh đồng ní với một người lạ mặt. Hai người vừa đánh bài, vừa nhấp rượu với bánh ô mạch. Cả hai đều ngà ngà say và mỗi khi họ quặt bài xuống, đầu họ cứ lắc lư đến kỳ quặc.

Con mèo mượn bò lên chỗ khăn trải bàn, nhưng lão mặt đỏ gập đốt ngón tay cốc mạnh vào đầu nó một cái, khiến nó kêu thét lên, rồi nhảy vọt sang một bên và chúi đầu vào xó nhà. Khổ thân con mèo, nó đau quá ! Tôi muốn bỏ đi ngay, nhưng không biết làm thế nào. May vừa lúc ấy thím tôi nói:

- Con ạ, thức ăn ở trong chảo ấy, con ăn đi kẻo nguội.

Tôi bước ra khỏi phòng, trong lòng rất khó chịu với thái độ của thím tôi vừa rồi. Và tôi bắt đầu thấy chột dạ. Tôi bất giác để phòng.

Chỉ hai giờ sau, hai người khách lên ngựa trở về núi. Lập tức thím tôi lại bắt đầu chửi mắng tôi như thường lệ và tôi thấy đỡ lo. Tôi nghĩ thầm: "tê ra thím có vẻ ôn tồn như vậy chẳng qua vì say rượu thôi".

Ít lâu sau có lần bà cụ Xaikan ghé qua nhà chú tôi. Lúc đó tôi ở ngoài sân, nghe thấy bà cụ nói:

- Lạy trời, mợ làm gì vậy ! Mợ giết nó thôi.

Bà cụ Xaikan và thím tôi lấp cả lời nhau, tranh cãi kịch liệt điều gì và lát sau cụ Xaikan bước ra khỏi nhà, vẻ rất tức giận. Bà cụ nhìn tôi bằng đôi mắt vừa giận dữ vừa thương xót và lặng lẽ ra về. Tôi bỗng thấy bứt rứt trong người. Tại sao cụ lại nhìn tôi như vậy, tôi đã làm gì đến nỗi cụ không hài lòng ?

Ngày hôm sau đến trường tôi nhận thấy ngay thấy Duysen vẻ mặt sa sầm, như đang có điều gì lo nghĩ.

mặc dầu thầy cố giấu đi. Tôi còn nhận thấy một điều nữa là không hiểu tại sao thầy không hề nhìn về phía tôi. Sau buổi học, khi chúng tôi ào ào chạy ra khỏi trường như ong vỡ tổ, thầy Duyxen gọi giật tôi lại:

- Antumai, đứng lại thầy bảo. - Thấy bước lại gần tôi, nhìn chăm chăm vào mắt rồi đặt tay lên vai tôi. - Em đừng về nhà nữa. Antumai, em có hiểu thầy không ?

Tôi lặng người đi vì kinh hãi. Bây giờ tôi mới hiểu thím tôi định làm gì tôi.

Thầy Duyxen nói:

- Thầy sẽ chịu trách nhiệm về em. Em ở tạm nhà bác Kartanbai với thầy. Và lúc nào cũng phải đi theo thầy.

Chắc hẳn lúc ấy tôi không còn chút máu mặt nào nữa. Thầy Duyxen lấy tay nâng cằm tôi lên, nhìn thẳng vào mắt tôi và mỉm cười như mọi khi:

- Antumai, em đừng sợ ! - Thầy vừa cười vừa nói.

Thầy còn ở bên em, thì em không phải sợ ai cả. Em cứ học đi, cứ đến trường như cũ và đừng nghĩ ngợi gì... Vì thầy vẫn biết là em nhất lăm. Và nhân đây thầy kể cho Antumai nghe một câu chuyện mà thầy đã định kể từ lâu - thầy Duyxen lại phì cười, hẳn đang nhớ lại điều gì ngộ nghĩnh. Chắc em còn nhớ có lần cụ Kartanbai dậy thật sớm và biến đi mất ấy. Té ra cụ đi mời... cụ dẫn ai về nhà em có biết không ? - dẫn bà

lang Giainakôva về. Thấy hỏi: “Làm gì thế bác?”. Cụ trả lời là: “Ấy để cho bà ấy cùng bán một chút đi gọi hồn nó về, không thì con bé sợ quá hồn xiêu phách lạc đi đâu mất”. Thấy nói: “Mời bà ấy ra đi, không lại phải cúng cho bà ấy một con cừu mất thôi. Mà nào nhà mình có giàu có gì cho cam. Ngựa cũng chẳng có mà cúng, có mỗi con thì cúng bầy chó sói mất rồi...”. Còn em thì lúc đó đang ngủ say. Thế là thầy đuổi cổ được mẹ thầy cúng ra khỏi nhà. Về sau cụ Kartanbai giận thầy suốt một tuần lễ, không thèm trò chuyện với thầy. Ông cụ nói: “Tôi già cả thế này mà anh còn chơi khăm tôi”. Nhưng ông cụ, bà cụ là những người phúc hậu, hiếm có những người tốt như thế. Thôi bây giờ ta về đi, Antumai...

Dù tôi có cố gắng can đảm lên bao nhiêu cho thầy Duysen khỏi bận tâm, những ý nghĩ lo sợ cũng vẫn không buông tha tôi. Vì bất thần lúc nào thím tôi cũng có thể đến cường bức tôi đi. Rồi ở nhà họ muốn làm gì thì làm, không ai ở trong làng cấm được họ cả. Suốt đêm tôi trần trọc không ngủ được vì mãi lo nghĩ tới tai họa sắp đến.

Tất nhiên thầy Duysen hiểu rõ tâm trạng tôi. Cũng có thể vì muốn xoa dịu những ý nghĩ đen tối đó của tôi nên ngày hôm sau thầy mang về trường hai cây phong nhỏ. Sau buổi học, thầy cầm tay tôi dẫn sang một bên.

Thầy mỉm một nụ cười bí ẩn và bảo tôi:

- Antumai, bây giờ thầy với em cùng làm chung một việc. Hai cây phong này thầy mang về cho em đấy. Chúng ta sẽ cùng trồng. Và trong khi chúng lớn lên, ngày một thêm sức sống, em cũng sẽ trưởng thành, em sẽ là một người tốt. Em có một tâm hồn đẹp và một đầu óc ham học. Thầy bao giờ cũng nghĩ rằng em sẽ trở thành người thông thái. Thầy tin như vậy, em ạ, số phận em nhất định sẽ như thế. Em bây giờ trẻ măng như một thân cây non, như đôi cây phong nhỏ này. Antumai ạ, ta sẽ tự tay trồng lấy hai cây phong này. Và mong sao em sẽ tìm thấy hạnh phúc trong học tập, ngôi sao nhỏ trong sáng của thầy ạ...

Hai cây phong ấy còn non, vừa cao bằng người tôi, thân biêng biếc. Và khi hai chúng tôi đã trồng xuống khoảng đất cạnh trường, từ chân núi đưa lên một làn gió nhẹ, lần đầu tiên chạm vào những khóm lá bé lăn tăn như thổi một luồng sinh khí vào chúng. Mấy khóm lá run rẩy, hai cây phong bắt đầu lay động, đung đưa...

- Em trông, đẹp chưa kia ! - Duysen cười, lùi lại ngắm. - Bây giờ ta hãy đào một đường dẫn nước ở ngọn suối đằng kia về. Rồi em sẽ thấy hai cây phong của chúng ta đẹp đến nhường nào ! Chúng nó sẽ đứng trên ngọn đồi này, sát cánh nhau như hai anh em. Và mọi người sẽ luôn luôn nhìn thấy chúng và những người lành sẽ thấy lòng vui lên khi nhìn thấy chúng.

Đến khi ấy cả cuộc sống cũng sẽ khác, Antunai ạ. Tất cả những gì đẹp nhất đều hãy còn ở phía trước...

Ngay cả bây giờ tôi cũng không sao tìm được những lời lẽ có thể nói lên ít nhiều lòng cảm kích của tôi trước tâm hồn cao thượng của Đuysen. Còn khi ấy, tôi chỉ đứng yên nhìn thấy. Tôi nhìn Đuysen như thể lần đầu tiên tôi được thấy hết vẻ đẹp sáng ngời trên gương mặt thấy, tấm lòng trù mẫn và trung hậu ánh lên trong đôi mắt thấy, dường như trước kia tôi chưa từng biết đôi bàn tay của thầy mạnh mẽ và khéo léo như thế nào trong lao động, nụ cười trong sáng của thầy có sức sưởi ấm lòng người đến nhường nào. Và trong lòng tôi, như một đợt sóng nồng nàn, bỗng cuộn lên một tình cảm mới mẽ mà tôi chưa hề biết, từ một thế giới xa lạ nào lan tới. Và cả tâm hồn tôi như vươn mạnh đến Đuysen, để nói với Người: “Thầy ơi, em cảm ơn thầy đã sinh ra với một tâm hồn đẹp đẽ như vậy... Em muốn ôm hôn thầy!”. Nhưng tôi e ngại không dám nói lên những lời ấy. Đáng lẽ tôi nói ra mới phải...

Lúc ấy chúng tôi chỉ đứng yên dưới vòm trời trong sáng giữa vùng đồi xuân xanh mơn mẫm, mỗi người theo đuổi một ước mơ riêng. Và giờ phút ấy tôi quên bẵng mối nguy cơ đang lơ lửng trên đời tôi. Thậm chí tôi cũng không hề nghĩ xem ngày mai đây cái gì đang chờ đợi tôi và cũng không nghĩ xem tại sao đã hai ngày nay thím tôi không đi tìm tôi. Có lẽ

họ đã quên tôi chẳng, hay họ đã đành chịu để mặc tôi. Nhưng thật ra Duyssen lại đang nghĩ đến điều đó.

Em đừng buồn, Antunai ạ, ta sẽ tìm ra lối thoát, – Duyssen nói khi chúng tôi trở về thôn, – Ngày kia thầy sẽ lên huyện. Thầy sẽ bàn việc của em với các đồng chí trên ấy. Có lẽ họ sẽ nghe thầy mà cho em lên tỉnh học. Em có muốn không ?

– Thầy đã nói sao, em cũng xin vâng lời, tôi đáp.

Tuy tôi không hình dung được trên tỉnh ra sao, nhưng những lời của Duyssen nói cũng đủ để tôi ước mơ cuộc sống ở thành thị. Có khi tôi thấy sợ hãi trước cảnh sống xa lạ nơi đất khách quê người, có khi tôi lại quyết tâm ra đi – nói tóm lại bấy giờ trong trí óc tôi không lúc nào không lờn vờn những tính với thành.

Và hôm sau, trong khi ngồi học, tôi cũng chỉ nghĩ đến việc ấy: tôi sẽ sống ở tỉnh ra sao và biết ở nhà ai ? Nếu có ai cho tôi ở nhờ, tôi sẽ bố củi, xách nước, giặt giũ, họ sai gì tôi cũng làm. Tôi đang suy nghĩ liên miên như thế trong khi ngồi học thì bỗng giật mình thảng thốt khi chợt nghe tiếng vó ngựa dồn dập đập sau mấy bức vách ọp ọp của ngôi trường chúng tôi. Những tiếng động ấy đột ngột quá và mấy con ngựa phi nhanh quá, đến nỗi tưởng như chúng sắp xéo bừa lên ngôi trường. Chúng tôi ai nấy đều nín thở, chờ đợi.

- Các em đừng để ý, cứ lo việc của các em đi,
- Duysen nói nhanh.

Nhưng lúc ấy cánh cửa bỗng mở toang nghe đánh sầm một tiếng và trên ngưỡng cửa thím tôi hiện ra, trên môi nở một nụ cười hả hê nanh ác, đẩy về thách thức. Duysen bước ra cửa.

- Bà đến có việc gì ?

- Đến có việc chẳng đáng gì đến vậy. Tao đem con tao đi gả chồng. Ê ! Cái con cầu bơ cầu bất kia ! - Thím chồm về phía tôi, nhưng Duysen đã chặn lối.

- Ở đây toàn là nữ sinh cả, chưa có em nào gả chồng được ! - Duysen nói, giọng rần rói và điềm tĩnh.

- Để rồi xem. Ê ! Bọn đàn ông ! Bắt lấy con chó chết ấy, lôi nó ra ! Thím tôi giơ tay vẫy một tên trong bọn cuối ngựa. Đó chính là cái lão mặt đỏ đôi mù da cáo. Thêm hai tên nữa cầm những chiếc gậy nặng vót nhọn xuống ngựa theo sau lão ta.

- Đồ chó lợn nòi, sao mày lại dám tự tiện xem con gái nhà người ta như vợ mày thế hả ? Thôi rút đi !

Nói đoạn tên mặt đỏ xông vào Duysen như một con gấu.

- Các người không có quyền vào đây, đây là trường học ! Duyсен nói, hai tay nắm chặt lấy thanh cửa.

- Tôi đã báo mà ! - Thím tôi rít lên - Hấn hú hí với con ấy đã lâu. Hấn rủ rê con chó đẻ ấy đến đây để hương không !

- Tao nhổ toẹt vào cái trường học của mày ! Lão mặt đỏ găm lên, tay hoa chiếc roi da.

Nhưng Duyсен đã nhanh tay hơn hẳn. Thấy giờ chao đập mạnh vào bụng hẳn. Hấn kêu lên một tiếng và ngã xuống. Ngay lúc ấy hai tên cầm gậy nhọn xông vào Duyсен. Lũ trẻ con kêu rú lên và chạy bỏ về phía tôi. Cánh cửa bị xô mạnh vỡ ra từng mảnh. Tôi lao vào đám đánh nhau, lôi theo cả lũ trẻ đang bấu vào người tôi.

- Buông thầy giáo ra ! Không được đánh ! Tôi đây, bắt tôi đi chứ không được đánh thầy giáo !

Duyсен quay lại nhìn. Mình thấy Duyсен máu me bết bết, vẻ căm giận trông rất khủng khiếp. Thấy cúi xuống đất lấy một tấm vải khoa lên, quất:

- Chạy đi các em, chạy về làng ! Antumai, chạy đi ! Tiếng kêu của Duyсен nghẹn ngào thành tiếng nức.

Chúng nó đã đánh gãy tay Duyсен: thấy ép cánh tay vào ngực, bước lùi lại, còn bọn kia thấy thầy

không còn sức chống cự, liền xông vào đánh thầy, rống lên như một đàn bò đại.

Đánh ! Đánh ! Đập vỡ đầu nó ra ! Đánh chết nó đi !

Thím tôi và lão mặt đỏ hăm hè xông vào tôi. Họ lấy bím tóc của tôi quấn quanh cổ tôi và lôi xềnh xệch ra sân. Tôi cố sức vùng dậy và thoáng một giây tôi trông thấy đám trẻ em dò người ra gào thét và Duysen đứng cạnh tường, mình đầy những vết máu đen thẫm.

– Thầy ơi !

Nhưng Duysen không thể có cách gì cứu tôi được. Thầy hầy còn đứng được, nhưng loạng choạng như người say rượu dưới trận đòn của lũ ác ôn. Mái đầu Duysen gục xuống ngực, thầy cố ngẩng lên trong khi bọn vô lại ra sức đánh thầy. Bọn chúng vật tôi xuống và trói tay tôi lại. Trong lúc đó Duysen lăn lộn trên mặt đất.

– Thầy ơi !

Nhưng bọn chúng đã bịt mồm tôi lại và xóc tôi nằm vát ngang trên yên ngựa.

Lão mặt đỏ đã lên ngựa, hai tay và ngực lão đè lên người tôi. Hai tên đang đánh Duysen cũng lên yên. Thím tôi thì chạy bên cạnh và nện vào đầu tôi.

- Thấy chưa ! Thấy chưa ! Tao tổng tiền mày đi nữa thế đấy ! Còn tháng thấy mày thì hết kiếp rồi...

Nhưng không, thấy tôi chưa hết kiếp. Từ phía sau bỗng vang lên một tiếng kêu tuyệt vọng:

- Antónia-a-ai !

Tôi chột vật ngừng mái đầu đang buông thõng bên yên ngựa và nhìn lại, Đuysen đang chạy theo sau. Bị đánh gần chết, máu me bê bết, thấy cảm một hòn đá lớn đuổi theo. Và sau lưng thấy, cả lớp cũng vừa kêu khóc vừa chạy theo.

- Đứng lại ! Đồ thú dữ ! Đứng lại ! Buông nó ra, buông ra ! Antónai ! - Đuysen đuổi kịp quát lên.

Bọn hung đồ kìm ngựa, hai tên kia cho ngựa quay lại kèm hai bên Đuysen. Đuysen cần lấy ống tay áo cho cánh tay khỏi vướng, nhắm đích và ném hòn đá, nhưng không trúng. Hai tên kia liền đâm hai nhát gậy nhọn vào Đuysen, khiến thấy ngã xuống một vùng nước. Mất tối hoa lên, tôi chỉ kịp nhận thấy lũ trẻ trường chúng tôi chạy lại chỗ thấy, về sợ hãi.

Tôi không nhớ chúng đem tôi đến đâu và như thế nào. Tôi tỉnh dậy trong một căn lều vải. Những ngôi sao đầu hôm, trầm tĩnh, không chút ưu tư, dòm qua chóp lều để hơ. Gắn đầu đầy một con sông chảy róc rách và nghe văng vẳng có tiếng nói chuyện của những người chân cừu đêm. Bên bếp lửa đã tàn lụi có một bà già lẩm lè, người khô đét như que củi đang

ngôi yên. Mặt bà ta đen xạm như màu đất. Tôi ngoảnh đầu sang phía bên kia. Ôi, giá cái nhìn của tôi có thể giết chết được lão ấy !

- Mụ đen, đỡ nó dậy. - Lão mặt đỏ ra lệnh.

Người đàn bà đen cúi đến bên cạnh tôi và đưa bàn tay khẳng kheo lay vai tôi.

- Mụ bảo con bạn mụ cho nó biết điều, không nghe cũng không xong đâu: ta sẽ không nhiều lời với nó.

Hắn ra khỏi lều. Còn người đàn bà, mặt đen xạm thậm chí cũng chẳng buồn nhúc nhích và chẳng nói lấy nửa lời. Có lẽ bà ta cảm chẳng ?... Đôi mắt đỏ dần như màu tro lạnh của bà ta nhìn thần thờ, không biểu lộ một cảm xúc gì hết. Có những con chó bị đánh đập liên miên từ khi còn bé. Những con người độc ác luôn luôn hạ gục vợ nấy đánh vào đầu chúng và chúng cũng quen dần đi. Nhưng trong khóe nhìn của chúng có một vẻ gì âm thầm, trống trải đến nỗi trông mà ghê người. Tôi nhìn vào đôi mắt không hồn của người đàn bà mặt đen xạm và có cảm giác như chính tôi bây giờ cũng không còn sống nữa, tôi đang nằm dưới mộ. Tôi đã sẵn sàng tin như vậy, nếu không có tiếng nước róc rách từ ngoài sông đưa lại. Dòng nước cuộn cuộn vỗ vào các ghềnh đá - nước nó được tự do...

Thím ơi, tâm hồn thím sao mà đen tối đến thế, thím thật đáng muôn đời nguyên rửa ! Hãy chết sặc

trong nước mắt và máu của tôi !... đêm hôm ấy mới mười lăm tuổi đầu, tôi đã không còn là một người con gái trinh trắng nữa... Tôi còn ít tuổi hơn con cái tên hung đồ...

Đến đêm thứ ba tôi nhất quyết trốn đi, dù có sao cũng mặc. Dù có lạc đường hay bị bọn hung đồ đuổi kịp, tôi cũng sẽ chống cự cho đến hơi thở cuối cùng như Duysen thấy tôi.

Trong đêm tối, tôi lặng lẽ lần ra phía cửa lều. Tôi sờ lên cửa thì thấy nó đã bị buộc chặt bằng một sợi dây thừng tết bằng lông đuôi ngựa. Nút dây xiết cứng rắc rối, tôi mịt thế này không thể mở ra được. Tôi bèn cố vén thành lều lên để tìm cách bò ra ngoài. Nhưng dù tôi cố sức bao nhiêu cũng không sao vén được: ở phía ngoài cũng có những sợi chèo căng sát vách lều xuống đất.

Chỉ còn cách tìm một cái gì sắc cạnh để cắt những sợi dây buộc cửa. Tôi bắt đầu lục lọi chung quanh, nhưng không tìm thấy gì ngoài một cọc gỗ nhọn. Trong cơn tuyệt vọng tôi bắt đầu lấy cọc đào đất dưới vách lều. Dĩ nhiên làm như vậy cũng chỉ uống công, nhưng lúc bấy giờ tôi không còn hay biết gì nữa. Trong đầu tôi chỉ còn một ý nghĩ vô hy vọng -cò thoát ra khỏi chốn này hay là chết, miễn sao đừng phải ở lại đây; có chết thì cũng chết tự do, chết trong khi chống chọi với chúng, chứ không thể chịu khuất phục.

Tókôn nghĩa là vợ lẽ. Ôi, sao tôi căm thù hai tiếng này đến thế ! Ai đã nghĩ ra hai tiếng ấy, nó sinh ra từ những thời quái gở nào ? Còn gì có thể ô nhục hơn tình cảnh của người vợ lẽ, bị ép buộc một bề, một kẻ tôi mọi cả về thể xác lẫn linh hồn ? Hồi những người khốn khổ kia, hãy từ đây mộ đứng lên, hồi oan hồn của những người đàn bà bị chà đạp, bị lăng mạ, bị tước hết phẩm cách làm người ! Hãy đứng lên, hồi những người bị đọa đày hành hạ, hãy lay chuyển bóng tối đen đặc của thời xưa ấy ! Hãy nghe tôi, người cuối cùng trong những người đã bước qua số kiếp ấy !

Đêm ấy tôi có hay đâu rằng sau này tôi sẽ thốt lên những lời kia. Tôi cứ ham hở, mê mải đào đất dưới vách lều. Một đất ở chỗ ấy lóm chồm những đá không sao đào được. Tôi cào bằng móng tay, mấy ngón tay tôi toạc rách rớm máu. Và đến khi lỗ đào đã vừa rộng để thò tay ra ngoài lều thì trời đã lừng sáng. Chỗ sủa rân, người ở các lều bên đã bắt đàn thực dậy. Có tiếng vỗ rầm rập của một đàn ngựa phi qua lều xuống sông uống nước. Những đàn cừu ngái ngủ kéo qua, thở phì phò. Rồi có ai đến cạnh lều, thao cời những sợi chảo căng ở ngoài và bắt đầu dỡ các tấm ni lợp lều. Đó là người đàn bà mặt đen trầm lặng.

Thế nghĩa là thôn du mục này sắp rời đi nơi khác. Tôi chợt nhớ ra rằng hôm qua tôi tình cờ nghe loáng choáng họ nói sáng nay sẽ dời đến camp lều ở

trên đèo, tới chỗ chân tha mới rồi sẽ sang bên kia đèo, đi sâu vào vùng núi ở suốt mùa hè trong ấy. Và tâm hồn tôi lại càng nặng trĩu: từ đây trốn đi còn khó gấp trăm lần.

Lúc này tôi ngồi cạnh lỗ đào ra sao thì bấy giờ tôi cũng vẫn ngồi yên như thế, thậm chí chẳng buồn nhích sang bên nữa. Tôi còn giấu giếm làm gì cơ chứ... Người đàn bà mặt đen có trông thấy chỗ đất bị đào lên dưới vách, nhưng cũng chẳng nói chẳng rằng, tiếp tục làm công việc mình. Và nói chung bà ta luôn có vẻ như không có việc gì dính dáng đến mình cả, như thể không có gì trên đời này có thể gọi lên trong lòng bà ta một máy may cảm xúc. Thậm chí bà ta cũng không muốn đánh thức chồng dậy, không dám xin hẩn giúp mình một tay để thu vén lên đường. Hẩn đang ngáy như một con gấu, mình ngấp dưới đồng chân và áo khoác.

Những tấm dạ đều đã cuộn lại, lều chỉ còn lại một cái sườn và tôi như ngồi trong một cái lồng nhìn ra ngoài: cách đây không xa, bên kia sông có mấy người đang thắt yên ngựa và xếp đồ đạc lên lưng bò. Rồi tôi thấy ba người cưỡi ngựa từ đầu bồng phi về phía đám người kia và sau khi hỏi họ mấy câu, lại đi về phía lều tôi đang ngồi. Thoạt tiên tôi tưởng họ đi tập hợp mọi người lên đường, nhưng khi nhìn kỹ lại tôi choáng người đi. Đó là Duyssen, còn hai người kia thì đội mũ lưỡi trai công an, mặc áo khoác dính dải khuy đồ.

Tôi ngồi thừ ra như người chết rồi, thậm chí cũng không kêu lên được nữa. Tôi mừng quýnh lên: thấy tôi vẫn sống ! - và đồng thời tôi bỗng thấy lòng tôi như trống hoác ra: nay tôi đã là một kẻ bỏ đi, một con người ô uế...

Đầu Duysen quán băng, tay cũng đeo băng. Thấy nhảy xuống ngựa, giơ chân đạp sập cửa, chạy vào lều và kéo phất tẩm chân đạp trên người lão mặt đỏ.

- Dậy ! - Duysen giận dữ quát.

Lão kia nhấc đầu lên, dụi mắt rồi toan chồm lên người Duysen, nhưng lập tức phải chịu im khi thấy hai khẩu súng lục của hai người công an chìa vào mặt. Duysen túm lấy cổ áo hấn lay mạnh rồi kéo đầu hấn vào sát mặt mình.

- Đồ hèn mặt ! - Duysen nói thì tháo qua đôi môi trắng bệch. - Bây giờ phải đi theo ta ! Đi !

Lão kia ngoan ngoãn cất bước. Nhưng Duysen lại nắm chặt lấy vai hấn rồi nhìn thẳng vào tận mặt hấn nói, giọng dứt quãng:

- Mày tưởng đã giày xéo lên Antumai như xéo lên đám cỏ dại hấn, mày tưởng đã hãm hại được Antumai ?... Mày lầm ! Thời của mày đã hết, bây giờ đến thời của Antumai, cái thời mà mày đã mặt kiếp rồi !...

Họ để cho tên mặt đỏ đi ủng, trối tay hấn lại và xốc lên ngựa. Một trong hai người công an cầm cương

ngựa dắt đi, còn người kia cười ngựa theo sau. Tôi ngồi lên ngựa của Duysen, còn thấy đi bộ bên cạnh.

Khi chúng tôi cất bước, ở phía sau bỗng vang lên một tiếng rú man rợ, nghe không còn ra tiếng người nữa: người đàn bà mặt đen đang chạy theo chúng tôi. Như một người điên, bà ta nhảy chồm vào chồng, tay cầm một hòn đá ra sức đánh vào chiếc mũ da cáo đội trên đầu hắn, miệng hét thất thanh:

- Mày đã uống máu tao, đồ sát nhân ! Mày đã dầy dụa thân tao suốt đời ! Quân giết người ! Tao không để cho mày sống mà đi khỏi nơi này đâu !

Chắc hẳn bốn mươi năm nay bà ta không ngừng đầu lên. Và tất cả những gì bấy lâu chồng chất lại, sôi sục trong lòng bà ta, những gì vẫn dẫu độc đời bà như một loài cỏ đắng, giờ đây đã bùng nổ ra. Những tiếng rú the thé của người đàn bà vang dội khắp các vách đá trong thung lũng. Bà ta lỏng lộn quanh lão mặt đỏ đang sợ sệt co rúm người lại, ném vào lão ta nào đá, nào phân ngựa, nào những cục đất sét, vớ được gì cũng ném, lớn tiếng nguyên rủa:

- Sao cho cò đừng mọc ở những chỗ chân mày bước qua ! Sao cho xương mày phơi trên đồng nội, sao cho quạ mò mắt mày đi ! Cầu trời đừng bắt tao thấy lại mặt mày lần nữa ! Mày chết đi cho khuất mắt tao, đồ quái vật, mày chết đi, chết đi, chết đi ! - Bà ta thét, rồi im bặt, vừa kêu gào vừa bỏ chạy. Có thể

tương như bà muốn trốn thoát khỏi mớ tóc đang bay từ tay trước gió đuổi theo mình.

Máy người láng giềng vừa đến liền lên ngựa rượt theo.

Như một cơn ác mộng, đầu tôi cứ văng lên. Mình máy ề ầm, tôi đỡ dần ngồi trên lưng ngựa. Duysen cầm cương đi trước một quãng. Thấy lặng thinh, mái đầu quán bằng cúi gằm.

Đi mãi hồi lâu chúng tôi mới ra khỏi cái thung lũng ghê rợn kia. Hai anh công an vượt lên trước, cách chúng tôi khá xa. Duysen cho ngựa dừng lại và lần đầu tiên nhìn tôi, đôi mắt buồn rười rượi.

- Antunai ơi, thấy không bảo vệ được em, em tha thứ cho thầy nhé. - Duysen nói, đoạn cầm lấy tay tôi áp lên má. - Nhưng dù em có tha thứ đi nữa thì thầy cũng không đời nào có thể tự tha thứ cho mình việc này được...

Tôi khóc nức lên và gục xuống bờm ngựa, Duysen đứng cạnh, lặng lẽ vuốt tóc tôi và đợi tôi nín khóc. Cuối cùng thầy nói:

- Em bình tâm lại, Antunai ạ, ta đi đi. Em nghe thầy nhé. Hôm kia thầy vừa lên huyện. Em sẽ lên tỉnh học. Em nghe thầy không ?

Khi chúng tôi dừng lại bên một ngọn suối trong veo tuôn chảy róc rách. Duysen nói:

- Antunai, em xuống ngựa mà tắm một chút.
- Thầy rút trong túi ra một miếng xà phòng nhỏ.
- Cầm lấy, Antunai, cứ tha hồ dùng cho hết. Thầy sẽ ra kia cho ngựa ăn cỏ một lát, em cởi áo quần xuống tắm đi. Và em hãy quên hết những chuyện đã xảy ra, đừng bao giờ nhớ đến nữa. Tắm đi, Antunai, em sẽ thấy dễ chịu hơn. Được chứ ?

Tôi gạt đầu. Và khi Duysen đã dắt ngựa đi khuất, tôi cởi áo quần, thận trọng bước xuống suối. Những viên sỏi trắng, tím, xanh, đổ từ dưới lòng suối nhìn tôi. Làn nước xanh lơ chảy xiết réo lên quanh mắt cá tôi. Tôi lấy tay vốc nước vỗ lên ngực. Những dòng nước mát rượi chảy trên thân thể tôi. Và tôi bất giác cất tiếng cười, lần đầu tiên trong suốt mấy ngày hôm ấy. Được cười, thích biết bao nhiêu ! Tôi luôn tay vốc nước phả lên người rồi gieo mình xuống làn nước sâu. Dòng suối băng băng cuốn tôi đến một cồn cát. Tôi đứng lên rồi ngụp xuống dòng nước chảy cuộn cuộn, tung bọt trắng xóa.

- Nước ơi, hãy cuốn đi tất cả những bùn nhơ, những nỗi ô nhục của mấy ngày hôm nay ! Hãy làm cho tôi trong sạch như nước suối này ! - Tôi thì thầm rồi cất tiếng cười vô cớ.

Tại sao vết chân con người không còn lại mãi mãi ở những nơi thân thiết, đáng ghi nhớ đối với lòng họ ? Giá giờ đây tôi có thể tìm lại con đường mòn mà Duysen đã đưa tôi xuống núi, tôi sẽ phục xuống đất và

hôn lên những vết chân của thầy tôi. Đối với tôi con đường mòn ấy là con đường dẫn tới mọi con đường. Thiêng liêng và diễm phúc thay ngày hôm ấy, con đường mòn ấy, con đường đã dẫn tôi trở về với cuộc sống, với niềm tin mới vào bản thân mình, với những niềm hy vọng mới, với ánh sáng... Cảm ơn ánh sáng mặt trời, cảm ơn mảnh đất ngày hôm ấy...

Hai hôm sau Duysen đưa tôi ra ga.

Sau tất cả sự việc xảy ra, tôi không muốn ở lại trong thôn nữa. Phải bắt đầu cuộc sống mới ở một chốn mới. Và chẳng mọi người cùng đều thấy tôi nghĩ đúng. Hai vợ chồng bà cụ Xaikan theo tiễn tôi, cuống quýt, khóc lóc như trẻ con, dúi vào tay tôi những gói giấy, những bọc vải đựng thức ăn đường. Những người láng giềng khác đến từ biệt tôi, ngay cả ông cụ Xatımkun – hay cãi cũng tới.

Thôi, Thượng đế phù hộ con, – ông ta nói, – cho đường đi của con sáng sủa. Con đừng sợ, con hãy sống theo lời dạy của thầy Duysen tất sẽ nên người. Thôi, chúng ta đây cũng bắt đầu hiểu biết ít nhiều rồi.

Các học sinh trường chúng tôi chạy mãi theo chiếc xe ngựa và vẫy tay từ biệt tôi.

Tôi ra đi cùng với mấy em nữa, cũng được đưa lên nhà nuôi trẻ ở Tasken. Ở sân ga có một người đàn bà Nga mặc áo va-rơ-ri da đợi chúng tôi.

Về sau đã bao lần tôi đi xe lửa qua ngôi nhà ga vùng núi nấp dưới bóng phong dương này ! Tôi thường có cảm giác như đã vĩnh viễn để lại một nửa trái tim tôi ở nhà ga ấy.

Trong ánh sáng loang loáng màu tím nhạt của buổi chiều xuân hôm ấy có một cái gì buồn hiu hắt, tưởng chừng như ánh hoàng hôn cũng hiểu thấu nỗi buồn chia ly của chúng tôi. Duysen cố gắng không để lộ cho ai thấy thấy đau lòng đến nhường nào, tâm hồn thầy đang buồn khổ đến nhường nào, nhưng tối thì tôi biết cũng chính nỗi đau buồn ấy đang ghen ngào trong cô tôi. Duysen nhìn chăm chăm vào mắt tôi, thầy lấy tay vuốt tóc, vuốt má tôi, mân mê cả những chiếc khuy trên áo tôi:

- Antunai ạ, lẽ ra không bao giờ thầy để em xa thầy một bước - Duysen nói - Nhưng thầy không có quyền cản trở em. Em phải học. Vì thật ra thầy cũng chẳng biết được bao nhiêu chữ nghĩa. Em đi đi, như vậy tốt hơn... Có lẽ rồi em sẽ thành một người giáo viên thật sự và đến khi nhớ lại ngôi trường của chúng ta, em sẽ cười cũng nên... thầy chỉ mong thế... chỉ mong được thế.

Xa xa có tiếng còi tàu hỏa rúc lên, vang dội khắp thung lũng quanh ga. Đã trông thấy những ánh đèn trên các toa xe. Mọi người nhón nháo trên sân ga.

– Thôi thế là em sắp đi, – Đuysen siết tay tôi nói, giọng run run, – chúc em hạnh phúc, Antunai nhé. Và cái chính là em phải học, phải học...

Tôi không đáp, nước mắt trào lên nghẹn ngào không sao nói được.

– Đừng khóc Antunai ạ. – Đuysen lau nước mắt cho tôi, rồi bỗng như sức nhớ ra, thầy nói: – Còn hai cây phong mà thầy với em đã trồng, thầy sẽ tự chăm bón lấy. Và khi em đã trưởng thành trở về đây, em sẽ thấy chúng đẹp nhường nào.

Giữa lúc ấy xe hỏa đã vào ga. Bánh xe lăn ầm ầm, các toa xe xô vào nhau lịch kịch rồi dừng lại.

– Thôi, chúng ta hãy chia tay nhau đi ! – Đuysen ôm chặt tôi và hôn lên trán. – Chúc em khỏe, lên đường may mắn nhé, từ biệt em, Antunai của thầy... Em đừng sợ, hãy mạnh dạn lên mà đi.

Tôi nhảy lên bậc toa và ngoái cổ lại nhìn. Không bao giờ tôi có thể quên hình ảnh Đuysen, tay treo băng, đứng nhìn tôi với đôi mắt nhòa lệ, rồi vươn người tới như muốn đến với tôi. Vừa lúc ấy đoàn tàu chuyển bánh.

– Từ biệt Antunai ! Từ biệt em, ngọn lửa nhỏ của thầy ! – Đuysen kêu lên !

– Từ biệt thầy ! Từ biệt thầy kính mến của em !

Đuysen chạy bên toa xe, dừng lại, rồi bỗng chồm lên gọi lớn:

– An-tư-ư-na-ai !

Đuysen gọi như thế vừa quên nói với tôi một điều gì vô cùng quan trọng bỗng sức nhớ ra, tuy biết rằng bây giờ đã muộn mất rồi... cho đến nay trong tai tôi vẫn còn văng vẳng tiếng gọi ấy, thốt lên tự đáy lòng, từ những nơi sâu kín nhất của tâm hồn Đuysen...

Xe hỏa chạy qua đoạn đường hầm rồi đổ ra đường thẳng tăng tốc độ đưa tôi băng qua những cánh thảo nguyên của miền Kazakh, tiến tới một cuộc sống mới, một cuộc đấu tranh mới, những lao động mới.

Từ biệt thầy, từ biệt ngôi trường đầu tiên của tôi, từ biệt thời thơ ấu, từ biệt mối tình đầu của tôi, mối tình không hề thổ lộ với ai...

Phải, tôi đã được học trong một thành phố lớn như Đuysen vẫn ước mơ, trong những nhà trường lớn, có những khung cửa sổ rộng như thầy vẫn tả. Rồi sau khi thi tốt nghiệp trường dự bị đại học công nhân, tôi được gửi đi Matxcơva, vào viện Mác-Lênin.

Tôi đã trải qua bao nhiêu khó khăn trong những năm học dài đằng đẳng, đã bao nhiêu lần tôi tuyệt vọng tưởng chừng không sao vươn được đến đỉnh chóp cao siêu của khoa học và cứ mỗi lần như vậy, trong những phút gay go nhất tôi lại thầm giữ trách nhiệm đối với người thầy đầu tiên của tôi và không dám lùi

bước. Những điều mà người khác học được ngay thì tôi phải chắt vặt lắm mới hấp thụ nổi. Bởi vì cái gì tôi cũng bắt đầu từ a, b, c.

Trong khi còn học ở trường dự bị đại học công nhân, tôi có viết cho Đuysen một bức thư thú nhận rằng tôi yêu Đuysen và chờ đợi. Đuysen không trả lời. Đến đấy chúng tôi không còn trao đổi thư từ gì với nhau nữa. Tôi nghĩ rằng Đuysen cường lại tình cảm của tôi và của Đuysen là vì không muốn cản trở việc học tập của tôi. Có lẽ Đuysen nghĩ đúng... Hay cũng có thể vì những nguyên nhân nào khác chăng ? Đạo ấy tôi đã đau khổ và băn khoăn biết mấy về việc này...

Tôi bảo vệ luận án đầu tiên của tôi ở Matxcova. Đối với tôi đó là một thắng lợi lớn, một thắng lợi quan trọng. Suốt mấy năm ấy tôi không có dịp về thăm làng, rồi chiến tranh bùng nổ. Cuối mùa thu năm ấy, trong khi rời Matxcova và tản cư đi Frunze, tôi ghé xuống nhà ga mà thấy tôi đã tiễn tôi lên đường. May sao gặp ngay được một chiếc xe ngựa đi về nông trường quốc doanh qua thôn chúng tôi.

Ôi, quê hương tôi. Trong thời chiến tranh gian khổ tôi đã ghé về thăm Người. Tuy nhìn mảnh đất thân yêu đã đổi mới tôi vui mừng khôn xiết – những thôn ở mới đã mọc lên, nhiều cánh đồng được cày thêm, nhiều đường sá và cầu cống mới được xây,

– nhưng chiến tranh đã gieo màu sắc thê lương vào chuyến gặp gỡ này.

Đi đến gần làng, tôi thấy lòng bồi hồi xúc động. Từ xa tôi đưa mắt ngắm những con đường làng trước kia không có, những ngôi nhà và những thửa vườn mới, rồi nhìn lên ngọn đồi trước đây có ngôi trường cũ của chúng tôi và hồi hộp nghẹn thở: trên đồi, hai cây phong lớn mọc sát cạnh nhau, đang rung đưa trước gió. Và lần đầu tiên tôi đã cất tiếng gọi tên người mà suốt đời tôi đã gọi bằng “thầy”, Duysen.

– Duysen ! tôi thì thầm – Cảm ơn anh về tất cả những gì anh đã làm cho em, anh Duysen ! Anh không quên, tức là anh vẫn nghĩ đến... Em biết anh không thể khác được !...

Thấy mặt tôi ướt đầm nước mắt, người thanh niên đánh xe ngựa lo lắng hỏi:

Chị làm sao thế ?

– Không, có sao đâu. Anh có biết ai trong nông trường này không ?

– Biết chứ. Ở đây toàn người quen cả.

– Thế anh có biết Duysen không, trước kia làm thầy học ấy mà ?

– Duysen ? Anh đi bộ đội rồi. Chính tôi chở anh ấy từ nông trường lên ủy ban tuyển binh, cũng trên chiếc xe này.

Sắp vào làng, tôi bảo anh thanh niên dừng lại, rồi xuống xe. Tôi xuống xe và ngẫm nghĩ một lát. Bây giờ mà đi nhà này nhà nọ, thời buổi chiến chinh này mà đi tìm người quen, hỏi người này người khác xem họ có nhớ mình không, tự xưng mình là người làng đây, tôi không sao làm được. Duysen thì đã đi bộ đội rồi. Vả chăng tôi đã thể sẽ không bao giờ đến nơi chú thím tôi ở. Người ta có thể tha thứ nhiều điều cho người khác, nhưng một hành động tàn ác như vậy thì tôi nghĩ không ai có thể tha thứ cho nhau được. Thậm chí tôi cũng không muốn họ biết tôi có về làng. Tôi rời đường cái đi lên phía hai cây phong trên ngọn đồi.

Ôi, hai cây phong, hai cây phong ! Bao nhiêu nước suối đã trôi đi từ dạo chúng mày hãy còn là hai cây non còn bé, thân xanh biếc. Xin cúi chào hai cây phong, hai người bạn, hai giọt máu thân thuộc, hai chị em ruột thịt của tôi ! Tất cả những gì mà người trồng cây lên và chăm bón cho cây lớn bằng mơ ước, bằng tiên đoán, nay đều đã thành sự thật. Thời ấy đã đến. Nhưng quân thù đã xâm lấn bờ cõi chúng ta, người ấy lại cầm vũ khí bảo vệ những mơ ước của mình.

Sao cây rì rào buồn bã như vậy, cây có điều gì sầu muộn mà nỉ non rầu rĩ như vậy ? Hay cây than vãn về nỗi mùa đông sắp đến và những cơn gió lạnh sẽ tía trụi lá trên cành cây ? Hay nỗi đau buồn của dân ta đang rên rỉ trong thân cây ?

Phải, mùa đông sẽ lại đến với những cơn giá rét cùng trận bão tuyết hải hùng, nhưng rồi xuân sẽ lại sang...

Tôi đứng hồi lâu nghe tiếng lá thu xào xạc. Máng nước ở chân hai cây phong được ai dọn sạch cách đây không lâu; trên mặt đất hãy còn thấy những vết thương sâu, trông còn mới. Làn nước trong treo đầy ấp trong máng chỉ thoáng gợn lên một chút và trên mặt nước rung rinh những chiếc lá phong vàng.

Thầy ơi, chắc phút cuối cùng thầy đã đến đây... Đây là vết thương của thầy... Thầy hãy sớm chiến thắng trở về, hãy về đây yên lành, khỏe mạnh. Hai cây phong ơi, hãy cầu nguyện cho thầy.

Đứng trên gò tôi có thể trông thấy nóc mái đỏ của ngôi trường mới, còn trường chúng tôi thì chẳng còn bóng dáng đâu nữa.

Sau đó tôi xuống đường cái, đón một chiếc xe ngựa đi qua và lên ga.



Chiến tranh tiếp diễn, rồi kết thúc thắng lợi. Bao nhiêu hạnh phúc được mùi đăng cay đã đến với mọi người: lũ trẻ chạy đến trường lưng đeo những chiếc xà-cò đã chiến của cha chúng, những cánh tay đàn ông lại trở về với công việc đồng áng, những người vợ khóc rạo hét nước mắt rồi lặng lẽ dần lòng chịu đựng cuộc

sống góa bụa. Cũng có những người dai dẳng đợi chờ người thân. Vì không phải ai cũng trở về ngay được.

Riêng tôi, tôi cũng không biết Duysen ra sao. Những người làng tôi lên tỉnh nói rằng Duysen bị mất tích, ủy ban xã đã nhận được giấy báo tin như thế.

- Có lẽ anh ta chết rồi cũng nên - họ phỏng đoán, - thời gian cứ trôi qua, mà anh ta vẫn biệt vô âm tín.

"Thế nghĩa là thấy tôi không còn về nữa rồi, - tôi thường nghĩ. - Thế là thấy và em không còn được gặp lại nhau kể từ cái ngày đáng ghi nhớ khi chúng ta từ biệt nhau trên sân ga..."

Đôi khi ngẫm nhớ lại dĩ vãng, tôi cũng không ngờ rằng hóa ra bao nhiêu buồn tủi đã tích lại trong lòng tôi.

Năm bốn mươi sáu, vào cuối mùa thu tôi lên đường đi công tác khoa học ở trường đại học Tômxxki. Lần đầu tiên tôi đi qua Xibêri. Vào tiết cuối thu năm ấy, miền Xibêri thật khắc khổ và ảm đạm. Những cánh rừng già hàng thế kỷ chạy vùn vụt ngoài cửa xe như một bức tường tối sẫm. Ở những khoảng rừng thưa thấp thoáng những mái nhà đen ngòm của các làng mạc với những làn khói trắng từ các ống khói bốc lên. Trên những cánh đồng lạnh lẽo, tuyết đầu mùa đã phủ xuống. Những đàn quạ xơ xác bay vọt vờ trên tuyết. Trời lúc nào cũng xám xịt.

Nhưng ngồi trong toa xe, tôi vui lắm. Người ngồi cạnh tôi trong ngăn toa là một cựu chiến binh, một anh thương binh đi nặng gỗ; anh ta kể những chuyện vui, những mẫu giai thoại ở bộ đội làm chúng tôi cười như nắc nẻ. Tôi không khỏi ngạc nhiên vì cái tài bịa chuyện không cùng của anh ta và ở sau tiếng cười chát phác không hề có ác ý ấy bao giờ cũng cảm thấy một sự thật sâu sắc. Trong toa ai cũng mến anh ấy lắm.

Qua Nôvôximbirsk, đoàn xe của chúng tôi phải dừng lại một phút ở ngã ba đường sắt nào đấy. Tôi đứng nhìn ra cửa sổ và đang cười vì một câu đùa mới của anh bạn đường.

Đoàn xe chuyển bánh, tăng tốc độ; một ngôi nhà ga nhỏ cô đơn lướt qua cửa sổ và đến khi xe đi qua chỗ bẻ ghi tôi bỗng vụt né người lại rồi ghé sát mặt vào tấm kính. Duysen đang đứng đấy: Anh ấy đứng cạnh chiếc chòi canh, tay cầm cờ tín hiệu. Tôi không biết trong lòng tôi đã diễn ra những gì.

Đứng lại ! – tôi hét vang cả toa xe và lao ra cửa toa, tự mình cũng không biết làm gì, nhưng tôi chợt trông thấy cái dây khóa ống hơi hâm xe, liền lấy hết sức giật ra khỏi dấu niêm phong bằng chì.

Các toa xô mạnh vào nhau, đoàn tàu đột ngột bị hâm lại và đột ngột lùi về phía sau. Hành lý để trên giá đổ xuống ầm ầm, cốc chén rơi loảng xoảng, đàn bà và trẻ con kêu ới ới. Có tiếng ai hét thất thanh:

- Tàu nghiêng phải người rồi !

Tôi chạy ra bậc toa, nhảy xuống đất mà không trông thấy mặt đất ở dưới chân, như nhảy xuống vực thẳm, rồi vẫn thế, không trông thấy gì ở trước mặt, không hay biết gì nữa, tôi lao người chạy về phía chòi canh của người bê ghi, về phía Duysen. Sau lưng tôi có những tiếng còi tới tấp của các nhân viên coi toa. Nhiều hành khách cũng nhảy xuống xe và chạy theo tôi.

Tôi chạy một hơi dọc đoàn tàu, Duysen cũng đã chạy ngược về phía tôi.

- Duysen, thay ! tôi vừa gọi vừa lao về phía Duysen.

Người bê ghi đứng lại, ngơ ngàng nhìn tôi. Đó chính là Duysen, chính khuôn mặt ấy, chính đôi mắt ấy, chỉ có điều là bây giờ Duysen để ria và trông hơi già đi.

- Chị làm sao thế, chị ! - người bê ghi ân cần hỏi bằng tiếng Kadakh. - Chắc chị nhầm, tôi là người bê ghi Giagazin, tên tôi là Báyneu.

- Báyneu ?

Tôi không biết làm sao tôi lại có thể kịp nghiêng rặng lại để đừng kêu lên vì buồn khổ, vì đau đớn và hổ thẹn. Tôi đã làm gì thế này ? Tôi giơ hai tay bưng mặt và cúi đầu. Tại sao đất ở dưới chân tôi không sụt xuống ? Lý ra tôi phải xin lỗi người bê ghi, xin lỗi

hành khách, nhưng tôi cứ đứng im lặng như một tảng đá. Đám hành khách vây quanh, không hiểu tại sao, cũng im lặng. Tôi biết thế nào họ cũng sắp quát mắng, chửi bới tôi. Nhưng mọi người đều im lặng. Và trong còi im lặng ghê rợn ấy chợt có tiếng nấc của người đàn bà nào không rõ.

Khó thân, cô ấy tưởng tìm được chồng hay anh gì đấy, hóa ra không phải.

Đám người xôn xao lên.

- Sao lại thế nhỉ, - có ai nói giọng trầm trầm.

Lạ gì, trong chiến tranh chúng ta đã phải chịu đựng bao nhiêu và cũng còn lại bao nhiêu cánh éo le cay đắng... một giọng đàn bà ghen ngào đáp.

Người bé ghi gở hai tay tôi đang bưng mặt và nói:

- Ta đi đi, tôi đưa chị về toa nhé, ở đây lạnh lắm.

Anh ấy khoác lấy tay tôi. Ở phía bên kia, một người sĩ quan nào đó cũng khoác tay tôi giắt đi.

- Ta đi thôi chị ạ, chúng tôi hiểu hết, - người sĩ quan nói.

Hành khách dân ra và họ dìu tôi đi như đi đưa đám ma. Chúng tôi chậm rãi đi ở phía trước và mọi người bước theo sau. Những hành khách từ phía tàu đi lại cũng lặng lẽ nhập vào đám đông. Có ai khoác lên vai tôi một chiếc khăn choàng lòng. Anh bạn cùng toa

của tôi khấp khểnh trên đôi nạng gỗ, đi vượt lên phía trước một chút và nhìn vào mặt tôi. Con người vui tính, hay đùa bỡn, tốt bụng và can đảm ấy không hiểu sao búi ngùi để đầu trần đi bên cạnh tôi. Hình như anh đang khóc. Tôi cũng khóc. Và trong tiếng chân bước chậm rãi của đoàn người đi dọc các toa xe, trong tiếng gió rít qua các hàng dây thép tôi ngỡ chừng nghe thấy những âm thanh của một khúc điệu ca “Không, mình sẽ không bao giờ còn gặp lại anh ấy nữa”.

Bên toa xe của chúng tôi, viên xa trưởng chặn chúng tôi lại. Ông ta quát tháo, giơ ngón tay lên dọa tôi nói những gì nào là vi phạm luật pháp nào là phạt vì canh, nhưng tôi lặng thinh không đáp. Tôi còn thiết gì nữa. Ông ta dúi vào tay tôi một tờ biên bản, bảo tôi phải ký vào, nhưng tôi không còn hơi sức cầm lấy cây bút chì nữa.

Lúc bấy giờ anh bạn cùng toa giật lấy tờ giấy trong tay viên xa trưởng, chống nạng tiến đến sát và quát vào mặt ông ta:

- Ông để cho cô ấy yên ! Tôi sẽ ký. Chính tôi đã giật cái khóa hơi, tôi sẽ chịu trách nhiệm...

Trên đất Xibêri, mảnh đất cổ truyền của dân Nga, đoàn tàu vội vã cướp lại thời gian đã mất. Tiếng đàn ghi-ta của anh bạn cùng toa ni non buồn bã trong đêm. Tôi cứ mang theo trong lòng dư âm bí hiểm sau lần đụng mặt với cuộc chiến tranh đã kết thúc từ lâu

ấy như một khúc ca lời rền rĩ của những người phụ nữ Nga góa bụa.

Năm qua tháng lại, dĩ vãng đã xa xăm, mà hiện tại thì luôn cất tiếng gọi trở về với cuộc sống, với những nỗi lo âu bận rộn lớn nhỏ hàng ngày. Tôi lấy chồng muộn. Nhưng tôi đã gặp được một người tốt. Chúng tôi có mấy đứa con, gia đình chúng tôi sống rất hòa thuận. Bây giờ tôi đã là tiến sĩ triết học. Tôi thường phải đi công tác luôn. Tôi đã qua nhiều nước. Thế nhưng chưa bao giờ tôi về làng. Dĩ nhiên có nhiều lý do, nhưng tôi không có ý định thanh minh. Dù sao tôi cũng đã cắt đứt liên hệ với người làng – đó là một điều không tốt, không thể tha thứ được. Nhưng số phận tôi nó thế. Không phải tôi quên dĩ vãng, không, tôi không thể quên được – tôi chỉ xa lánh dĩ vãng mà thôi.

Trên núi có những dòng suối như vậy: một con đường mới được đắp lên, người ta quên bằng con đường mòn dẫn đến suối và ngọn suối kia dần dần phủ kín dưới lau lách, bụi bờ. Đứng xa mà nhìn chẳng còn thấy suối đâu nữa. Và ít khi có ai nhớ đến dòng suối cũ mà từ đường cái rẽ về bên suối vào một ngày nông nực để uống cho đỡ khát. Nhưng rồi một hôm có người tìm thấy nơi vắng vẻ ấy, rẽ đám lau lách ra và khi thốt lên: dòng nước mát mẻ, trong trẻo lạ lùng đã từ lâu không ai đến khuấy động làm vẩn đục, đang cháy lạnh lẽo, sâu thẳm, khiến cho khách phải ngạc

nhiên. Khách nhìn xuống nước và trông thấy mình, thấy ánh thái dương, bầu trời, những rặng núi. Và khách nghĩ rằng không biết đến những nơi như thế này thật là có tội, phải kể lại cho các bạn bè cùng biết. Khách nghĩ thế rồi quên băng đi cho đến ngày thấy lại dòng suối lần nữa.

Trong cuộc sống đôi khi cũng như vậy. Nhưng có lẽ chính như thế nó mới là cuộc sống.

Tôi sức nhớ đến những ngọn suối ấy cách đây không lâu sau khi ghé về thăm làng.

Chắc anh ngạc nhiên không hiểu sao dạo ấy tôi bỏ Kurkureu ra đi một cách đột ngột như vậy. Phải chăng không thể kể cho mọi người ở đây nghe tất cả những điều mà tôi đang kể cho anh nghe ? Không phải. Lúc bấy giờ tôi bối rối quá, tôi xấu hổ, tôi thẹn cho mình quá, nên phải bỏ đi ngay. Tôi đã hiểu ra rằng tôi sẽ không tài nào gặp lại Duysen, không thể nào dám nhìn thẳng vào mắt Duysen được. Tôi cần phải bình tâm lại, sắp xếp lại những ý nghĩ đang rối tung, dọc đường suy nghĩ lại tất cả những điều tôi muốn nói không những với các bạn cùng quê mà còn nói với nhiều người khác nữa.

Tôi còn thấy mình có tội nữa vì tôi không phải là người có quyền được trọng vọng đủ điều như vậy, được ngồi ở chỗ danh dự trong buổi lễ khánh thành trường mới. Đó trước hết là quyền của Người thầy đầu tiên

của chúng ta, người cộng sản đầu tiên trong làng của chúng ta – thầy Duysen già cả. Thế nhưng sự việc đã diễn ra trái hẳn. Chúng ta ngồi quanh bàn tiệc, còn con người vàng ngọc ấy thì đang hối hả chạy đi đưa thư, vội vã chuyển những bức điện chúc mừng của học trò cũ mình về cho kịp lễ khánh thành.

Mà đây không phải là một trường hợp duy nhất. Tôi đã nhiều lần thấy như vậy. Cho nên tôi thường tự hỏi: chúng ta đã bó mắt cách biết trân trọng con người bình thường như Lênin từng trân trọng tự bao giờ?... May thay, giờ đây chúng ta nói lên những điều như thế một cách thẳng thắn không kèm theo chút đạo đức giả nào. Cũng rất hay là ngay cả trong việc này chúng ta đã cùng đến sát với Lênin hơn.

Lớp thanh niên không biết rõ Duysen trước kia là một người thầy như thế nào. Còn thế hệ cũ thì đã nhiều người không còn nữa. Không ít học trò cũ của Duysen đã hy sinh trong chiến tranh, họ đã là những chiến sĩ Xô-viết chân chính. Lẽ ra tôi phải nói cho thanh niên hiểu rõ thầy Duysen. Ai ở địa vị tôi đều có nhiệm vụ làm vậy. Nhưng tôi lại không về làng, tôi không hề biết gì về Duysen và với thời gian, hình ảnh của thầy tôi đối với tôi đã dường như biến thành một thành tích vô giá, được giữ gìn trân trọng trong cõi tinh mịch của một viện bảo tàng.

Tôi sẽ trở về gặp thầy tôi và sẽ chịu tội trước thầy. Tôi sẽ xin người tha thứ.

Tôi định khi nào đi Matxcơva về, sẽ đến Kurkurêu và đề nghị với dân làng đặt tên cho nhà trường ký túc mới là “Trường Duysen”. Phải, trường phải mang tên người nhân viên nông trường gián điệp ngày nay làm nghề đưa thư ấy. Tôi hy vọng rằng với tư cách là một người cùng quê, anh sẽ ủng hộ đề nghị của tôi. Tôi xin anh làm như vậy.

Ở Matxcơva bây giờ đã hơn một giờ đêm. Tôi đứng trên bao lơn tòa khách sạn, nhìn những ánh đèn lấp lánh tỏa rộng trên thủ đô và nghĩ đến lúc tôi sẽ trở về làng, tìm gặp Duysen và hôn lên chòm râu bạc của thầy...



Tôi mở tung các cửa sổ. Một luồng gió mát lùa vào phòng. Trong ánh lờ mờ xanh nhạt đang sáng dần tôi nhìn kỹ những bản nghiên cứu phác thảo của bức tranh tôi vừa khởi công làm. Những bức vẽ ấy nhiều lắm. Tôi đã nhiều lần vẽ đi vẽ lại từ đầu. Nhưng bây giờ mà nói về toàn bộ bức tranh thì hãy còn sớm. Tôi vẫn chưa tìm ra cái chính... Tôi đi đi lại lại trong cảnh tĩnh mịch của buổi lờ mờ và cứ suy nghĩ suy nghĩ mãi. Và lần nào cũng đều như thế. Lần nào tôi cũng lại thấy rõ ràng bức tranh của tôi chỉ mới là một ý đồ.

Tuy vậy tôi vẫn muốn nói với các bạn về tác phẩm dở dang của tôi. Tôi muốn hỏi ý kiến các bạn. Chắc các bạn cũng đã đoán ra rằng bức tranh của tôi dành cho người thầy giáo đầu tiên của làng chúng tôi, người cộng sản đầu tiên – ông già Duysen.

Nhưng tôi chưa hình dung được rõ liệu tôi có thể dùng thuốc vẽ mà thể hiện được cuộc sống phức tạp, đầy dấu tranh ấy, những nẻo đường đời và những tình cảm muôn màu muôn vẻ của con người ấy không. Làm sao cho khỏi sánh mất bát nước đầy: làm sao trao được đến tận tay các bạn, những người cùng thời đại với tôi ? Làm thế nào cho ý đồ của tôi không phải chỉ thấu đến các bạn, mà còn trở thành một công trình sáng tạo chung của chúng ta ? Tôi không thể không vẽ bức tranh này, nhưng sao tôi thấy bần khoản, lo lắng quá ! Có khi tôi tưởng chừng rồi sẽ chẳng ra gì hết. Và những lúc ấy tôi lại nghĩ: tại sao số phận lại trở trêu đặt cây bút vẽ vào tay tôi làm gì ? Thật là một cuộc sống khổ ải ! Lại có khi tôi cảm thấy mình dưng mảnh đến nỗi dù có phải chuyển núi dời sông tôi cũng sẵn sàng. Và những khi ấy tôi nghĩ: hãy nhìn đi, hãy nghiên cứu, chọn lọc. Hãy vẽ hai cây phong của Duysen và Antunai, chính hai cây phong đã cho tuổi thơ của mày bấy nhiêu giây phút sướng vui, mặc dù mày không biết rõ sự tích của chúng. Hãy vẽ một đứa bé đi chân không, da rám nắng. Nó trèo lên cao, thật là cao và ngồi lên một cành phong, đôi mắt hân hoan nhìn vào cõi xa xăm kỳ ảo.

Hãy là vẽ một bức tranh để là “Người thầy đầu tiên”. Đó có thể là lúc Duyssen bế trẻ em qua con suối và cạnh đấy, trên những con ngựa no nê hung dữ, những con người dẫn độn, mũ da cáo đỏ đi qua đang chế giễu ông...

Nếu không, thì hãy vẽ người thầy giáo tiền Antunai lên tỉnh. Mày còn nhớ khi ông cất tiếng gọi Antunai lần cuối cùng ! Hãy vẽ một bức tranh như thế, sao cho bức tranh ấy giống như tiếng gọi của Duyssen mà đến nay Antunai vẫn còn nghe văng lại, sẽ vang dội mãi trong lòng mỗi người.

Tôi tự nhủ như vậy. Tôi tự nhủ điều này điều nọ khá nhiều, nhưng không phải bao giờ cũng làm được... ngay giờ đây tôi cũng chưa biết bức tranh tôi vẽ sẽ ra sao. Nhưng có một điều tôi biết chắc: tôi sẽ tìm tòi.

NGUYỄN NGỌC BẰNG
CAO XUÂN HẠO
BỒ XUÂN TIẾN dịch

CÂY SỎI MÙA ĐÔNG

Tuyết xuống ban đêm đã lấp kín con đường nhỏ hẹp từ Uvarôpka đến trường học. Muốn nhận ra đường, chỉ có thể căn cứ vào cái vệt bóng đen đứt đoạn hiện lên mờ mờ trên tuyết. Cô giáo đi đôi giày nhô viền da lông thú, thận trọng đặt chân xuống, sẵn sàng rút lại ngay nếu tuyết đánh lừa cô.

Đường đến trường vốn vốn có nửa cây sỏi, cô giáo chỉ choàng lên vai chiếc áo khoác ngắn bằng lông và quàng vội lên đầu chiếc khăn len mỏng. Nhưng tiết trời rét dữ, đã thế gió lại ào ào thốc tới, cuốn tung lên lớp tuyết mới xuống trên mặt tuyết đã đóng băng, bóng tuyết bay toí tả trùm khắp người cô. Cô giáo hai mươi tư tuổi, cảnh tượng đó làm cho cô thích thú, cô thích thú vì gió rét như kim châm vào mũi và má, vì gió lùa vào tấm áo lông khiến toàn thân cô tê cứng. Mỗi khi quay mặt đi tránh gió, cô nhìn thấy ở phía sau những vết liền liền do đôi giày mũi nhọn của cô

để lại, nom giống vết chân một con thú nhỏ, điều đó cũng làm cô thích thú.

Cái tươi tắn của buổi sáng tháng giêng chan hòa ánh sáng gợi lên những ý nghĩ vui sướng về cuộc sống, về bản thân. Cô rời ghế trường đại học về đây mới có hai năm, vậy mà đã được tiếng là một cô giáo giỏi, giàu kinh nghiệm (*cô dạy tiếng Nga*). Ở Uvarôpka cũng như ở Kudominki và Secuila cũng như ở thị trấn than bùn và trại nuôi ngựa, đâu đâu người ta cũng biết cô, quý trọng cô và gọi cô một cách trân trọng là Anna Vaxiliepna.

Bên trên dải rừng thông ở đằng xa nom như bức tường khắp khểnh, mặt trời đã nhô cao, làm cho những bóng đêm ngả dài trên mặt tuyết nhuộm màu xanh đậm. Bóng in trên tuyết khiến cho những vết rất xa nhau xích lại gần nhau: cái nóc nhọn của tháp chuông nhà thờ vươn tới tận bậc tam cấp của xô – viết xã Uvarôpka. Những cây thông ở bờ bên kia ngả xuống thành dãy trên sườn dốc bên này: chong chóng chỉ chiều gió ở trạm khí tượng của trường xoay đi xoay lại giữa cánh đồng ngay dưới chân Anna Vaxiliepna.

Có một người vượt qua cánh đồng đi về phía cô. “Ngộ nhỡ người ấy không chịu nhường đường thì sao?” – Anna Vaxiliepna nghĩ thầm, vừa vui vừa lo. Không thể tránh nhau trên con đường mòn được, mà bước chệch ra ngoài là trượt xuống tuyết ngay. Nhưng trong

thâm tâm cô biết rằng khắp vùng không có người nào không nhường đường cho cô giáo Uvarôpka.

Hai người gặp nhau. Đây là Frôlôp, người luyện ngựa của trại nuôi ngựa giống.

– Chào cô Anna Vaxiliepna – Frôlôp nhích chiếc mù Cu-băng lên một chút, để lộ ra cái đầu rắn chắc, húi ngắn.

– Nay thôi, xin anh đội mũ vào ngay cho, trời rét kinh khủng thế này !

Hắn là chính Frôlôp cũng muốn mau mau chụp mũ lên đầu, nhưng bây giờ anh cố tình lẩn tránh, muốn tỏ ra mình không coi giá rét vào đâu. Tấm áo cộc bằng da lông ôm khít lấy thân hình cân đối thanh thoát của anh, tay anh cầm chiếc roi da mảnh giống như con rắn, thỉnh thoảng anh lại quất roi vào chiếc ủng dạ trắng gấp ống cao chưa đến đầu gối.

Thưa cô, thằng Léska nhà tôi thế nào, nó có nghịch ngợm không ạ ? – Frôlôp hỏi bằng giọng kính trọng.

Tất nhiên là nghịch ngợm ! Trẻ bình thường đứa nào chẳng nghịch. Miễn là đừng quá đáng thì thôi.

Có ý thức về kinh nghiệm sư phạm của mình, Anna Vaxiliepna đáp.

Frôlôp nhếch mép cười.

– Thằng Lêska nhà tôi hiền lắm, hết tính bố !

Anh tránh sang bên, thụt ngay xuống tuyết ngập đến đầu gối, bây giờ anh chỉ cao bằng cậu học trò lớp năm, Anna Vaxiliepna gật đầu với anh một cách độ lượng và tiếp tục đi.

Ngôi trường hai tầng có những cửa sổ rộng được tô điểm bằng tuyết đóng băng, trường nằm ngay sát đường cái, sau bức tường thấp, ánh sáng từ những bức tường đỏ hắt ra làm cho tuyết nhuộm màu hồng cho đến tận đường. Trường xây ngay cạnh đường cái, cách Uvarôpka một quãng bởi vì trẻ em ở khắp các vùng lân cận đều đến đây học: ở các làng xung quanh, ở khu nhà của trại nuôi ngựa, ở khu an dưỡng của công nhân dầu mỏ cũng như ở thị trấn than bùn xa xôi. Lúc này, từ hai ngã đường, những chiếc mũ bỏ đai và khăn choàng đầu, mũ cát kết và mũ trùm ấm, mũ có tai và mũ dạ lông lượt tuôn về cổng trường như những dòng suối.

Em chào cô ạ ? – chốc chốc lại có tiếng chào khi thì lạnh lạnh và rành rọt, khi thì khàn khàn và lí nhí thốt ra từ dưới những tấm khăn quàng và khăn trùm đầu quần đến tận mắt.

Anna Vaxiliepna có tiết đầu ở lớp năm “A”. Tiếng chuông inh ỏi báo giờ vào học chưa dứt thì Anna Vaxiliepna đã vào lớp. Các em đứng cả dãy chào cô, rồi ngồi xuống. Trong lớp không yên lặng ngay. Có tiếng nấp bàn đập lạch cạch, tiếng cọt két của những

ghế băng, có em nào thở dài rõ to, có lẽ để vĩnh biệt tâm trạng thanh thần buổi sáng.

– Hôm nay chúng ta tiếp tục phân tích các loại từ...

Lớp học trở nên yên lặng, nghe rõ tiếng một chiếc cam nhông nặng nề ì ạch bò trên đường, chốc chốc lại trượt bánh.

Anna Vaxiliepnna nhớ lại năm ngoái cô hồi hộp như thế nào trước khi lên lớp và giống như một nữ sinh phổ thông trong kỳ thi, cô nhăm đi nhăm lại: “danh từ là một loại từ... danh từ là một loại từ...”, cô còn nhớ cô đã khổ sở vì một nỗi sợ kỳ cục: ngộ nhớ giảng thế nào các em cũng không hiểu thì sao?

Nhớ đến chuyện đó, Anna Vaxiliepnna mỉm cười, cô sửa lại cái trâm cài trong lọn tóc nặng và cảm thấy lòng bình tĩnh như cảm thấy sức ấm trong toàn thân, cô bắt đầu nói bằng giọng đều đều, điềm đạm:

Danh từ là một loại từ chỉ đối tượng. Trong ngữ pháp, đối tượng là cái mà ta có thể đặt câu hỏi: ai hay cái gì? Chẳng hạn: ai? Học sinh. Hay cái gì? Quyển sách...

– Thưa cô cho em vào lớp ạ?

Một dáng hình nhỏ nhắn đứng bên cánh cửa hé mở, chân đi đôi ủng dẹt đã doãng ra, trên ủng những hạt băng đang tan, mắt dần ánh lấp lánh. Khuôn mặt tròn trĩnh phơi lâu trong giá rét đỏ bừng lên như được chà xát bằng củ cải, lông mày xám lại vì hạt băng đọng.

– Em lại đi học muộn ư ? Xavuskin ? – Như phần lớn các cô giáo trẻ, Anna Vaxiliepna thích tỏ ra nghiêm khắc, nhưng lúc này câu hỏi của cô nghe có phần rầu rĩ.

Được cô cho phép vào lớp, Xavuskin lỉnh nhanh về chỗ, Anna Vaxiliepna thấy thằng bé cất túi sách bằng vải sơn vào ngăn bàn, hỏi đứa ngồi cạnh cái gì không rõ, nhưng không ngoảnh sang phía bạn, chắc là hỏi xem cô giảng bài gì.

Anna Vaxiliepna phiền lòng về việc Xavuskin vào lớp muộn, cô coi đó là sự loạc choạc đáng bực làm hỏng cả một ngày đã khởi đầu tốt đẹp. Bà giáo dạy địa lý, một bà giáo già, vóc người nhỏ bé gầy dẹt, nom giống con bướm đêm, cũng phàn nàn với cô rằng Xavuskin hay đi muộn giờ. Nói chung bà ta hay kêu ca, khi thì kêu lớp ồn, khi thì kêu học sinh thiếu chú ý “Dạy tiết đầu bao giờ cũng rất khó !” – Bà giáo thở dài. “Vâng, khó với những người không biết lật cuốn học sinh, không biết làm cho giờ dạy của mình thành giờ học lý thú” – hồi ấy Anna Vaxiliepna có ý nghĩ tự tin như vậy và cô ngỡ ý muốn đổi giờ cho bà giáo. Bây giờ cô cảm thấy mình có lỗi với bà giáo già: bà đủ tỉnh để thấy cái nhây ý của cô chứa đựng sự thách thức và trách móc.

– Các em hiểu cả chứ ? – Anna Vaxiliepna nói với lớp.

– Hiểu ạ... hiểu ạ... – Các em đồng thanh trả lời.

- Tốt lắm. Thế thì cho ví dụ đi.

Cả lớp im phăng phắc mấy giây, rồi có em nào đó ngập ngừng thốt lên:

- Con mèo...

- Đúng - Anna Vaxiliepna nói, cô nhớ ngay rằng năm ngoái, ví dụ đầu tiên cũng là "con mèo". Tiếp đó trong lớp như nước vỡ bờ:

- Cửa sổ ! Bàn ! Nhà ! Con đường !

- Đúng - Anna Vaxiliepna nói. Lớp học sôi động hẳn lên, vui sướng Anna Vaxiliepna ngạc nhiên thấy các em vui sướng như thế khi gọi tên những vật quen thuộc, như thể các em nhận ra những vật đó có một ý nghĩa mới mẻ khác thường. Phạm vi dẫn chứng mở rộng dần, nhưng lúc đầu các em vẫn chỉ quanh quẩn với những vật gần gũi nhất, có thể sờ mó thấy: bánh xe... máy kéo... chuồng chim...

Còn ở bàn sau (*chú bé Vaxiata béo mập ngồi ở đó*), một giọng thanh thanh vang lên dai dẳng:

- Cái đình... cái đình... cái đình.

Nhưng có em rụt rè lên tiếng:

Thành phố...

- Thành phố, khá lắm ! - Anna Vaxiliepna khuyến khích. Thế là bỗng rào rào như chim vỡ tổ.

- Đường phố... xe điện ngầm, xe điện, bộ phim...

- Thôi được, Anna Vaxiliepna nói - Cô thấy các em hiểu bài rồi đấy.

Tiếng lao xao ngừng lặng, xem ra có nhiều miễn cưỡng, riêng chú Vaxiata béo mập vẫn lăm nhăm từ "cái đỉnh" chưa được thừa nhận của mình. Bỗng nhiên, như choàng tỉnh cơn mơ, Xavuskin nhòm dậy sau bàn và lớn tiếng nói oang oang:

- Cây sồi mùa đông...

Các em bật cười.

- Yên lặng Anna Vaxiliepna đập tay xuống bàn.

Cây sồi mùa đông !... Xavuskin nhắc lại, không để ý đến tiếng cười của các bạn cũng như tiếng găt của cô giáo. Chú nói mấy tiếng đó bằng một giọng không như các bạn khác. Mấy tiếng đó buột ra từ tâm hồn chú như một lời thú nhận, như một điều bí mật sung sướng mà trái tim tràn đầy hạnh phúc không cách gì kìm giữ lại được. Không hiểu sự xúc động lạ lùng của em, Anna Vaxiliepna cố nén giận, nói:

Sao lại cây sồi mùa đông ? "Cây sồi" thôi.

- Cây sồi thôi thì đáng nói làm gì ? Cây sồi mùa đông, đấy mới là một danh từ.

- Em ngồi xuống, Xavuskin, đi muộn giờ là thế đấy ! "Cây sồi" là danh từ, còn mùa đông ở đây là loại từ gì thì chúng ta chưa học. Giờ ra chơi em lên phòng giáo viên nhé.

Hi, cây sồi mùa đông của mày đấy ! – Có em nào cười khúc khích ở bàn sau.

Xavuskin ngồi xuống, mỉm cười với những ý nghĩ riêng tư của mình và không hề chột dạ về lời đe dọa của cô giáo. “Em này thuộc loại khó răn bảo đấy”.
– Anna Vaxiliepna trầm nghĩ.

Giờ học tiếp tục.

Em ngồi xuống chỗ này – Anna Vaxiliepna nói, khi Xavuskin vào phòng giáo viên. Thăng bé ngồi xuống ghế bành mềm với vẻ thích thú và nhún nhảy mấy cái trên đệm lò xo.

Em hãy vui lòng nói rõ cho cô biết vì sao em thường xuyên đi học muộn ?

– Thưa cô, em cũng chẳng biết nữa – Em giang hai tay ra như người lớn – Em đi bộ suốt một giờ đấy chứ ạ.

Tìm cho ra sự thật ngay trong một việc hết sức nhỏ nhặt cũng khó lắm thay ! Nhiều em ở xa hơn Xavuskin nhiều, vậy mà không em nào đi mất hơn một tiếng.

– Nhà em ở Kudominki phải không ?

Không ạ, nhà em ở khu an dưỡng.

– Vậy mà em báo là em đi mất một tiếng đồng hồ, nói như vậy em không biết thẹn sao ? Từ khu an

đường đến đường nhựa mất mười lăm phút và đi trên đường nhựa chỉ nửa tiếng nữa là cùng.

– Nhưng em không đi đường nhựa, em đi đường tắt đàng thẳng qua rừng – Xavuskin nói, như thể chính em cũng khá ngạc nhiên về chuyện đó.

– Thẳng qua rừng, chứ không phải là đàng thẳng – theo thói quen Anna Vaxiliepnà chữa lại. Cô bối rối và buồn: bao giờ cô cũng có cảm giác như thế mỗi khi thấy trẻ em nói dối. Cô im lặng, cô hy vọng Xavuskin sẽ nói: “Cô Anna Vaxiliepnà, cô tha lỗi cho em, em cùng các bạn chơi ném tuyết” hay một câu gì cũng gián dị và thực thà như thế. Nhưng em chỉ ngược đôi mắt to, xám nhìn cô, cái nhìn như muốn nói: “Mọi việc thế là rõ cả rồi, cô còn cần gì ở em nữa?”.

– Đáng buồn, đáng buồn lắm, Xavuskin ạ, cô đành phải nói chuyện với bố mẹ em vậy.

– Nhưng thưa cô, em chỉ còn mẹ thôi – Xavuskin mỉm cười...

Anna Vaxiliepnà hơi đỏ mặt. Cô nhớ tới mẹ Xavuskin. Cậu con trai vẫn gọi bà là “Bà hộ lý ở nhà tắm hương sen”. Bà làm việc ở cơ sở thủy liệu pháp của khu an dưỡng. Đây là một người đàn bà gầy gò, đáng bộ mệt mỏi, tay trắng bệch và mềm nhũn vì thường xuyên tiếp xúc với nước nóng, nom như đôi tay bằng vải. Bà sống một mình, chồng chết trong chiến tranh giữ nước, ngoài Kôlyá, bà còn nuôi dạy ba đứa trẻ nữa.

Đúng là không có chuyện này thì mẹ Xavuskin cũng có chán mỗi lo rồi. Nhưng dù sao, Anna Vaxiliepnà vẫn phải gặp bà.

- Cô phải đến gặp mẹ em thôi.

- Vâng, mời cô đến, mẹ em sẽ mừng lắm đấy !

- Tiếc rằng cô không có câu chuyện gì đáng cho mẹ em vui mừng. Mẹ em làm việc buổi sáng phải không ?

- Không ạ, mẹ em làm ca hai, từ ba giờ.

- Thế thì hay lắm. Hai giờ cô hết tiết dạy. Tan học em đưa cô về nhà em.

... Con đường mòn Xavuskin đưa Anna Vaxiliepnà đi bất đầu ngay từ phía sau khu vực của nhà trường. Cô giáo và chú học trò vừa bước chân vào đến rừng và những cành vân sam tuyết bám nặng trĩu vừa khép lại sau lưng họ thì lập tức họ đã lọt vào một thế giới khác, cái vương quốc huyền ảo của sự yên ả và vắng lặng. Chim ác là và quạ bay từ cây này sang cây khác làm cho cành lá lay động, quả thông rụng lộp độp, đôi khi cánh chim làm gãy những cành nhỏ khô giòn. Nhưng ở đây không có cái gì phát ra âm thanh.

Bốn bề trắng xóa. Duy ở trên cao hiện lên những mảng đen đen, ngọn những cây bạch dương cao lớn tằm mình trong gió và những cành mảnh mai nom như vẽ mực tàu trên nền trời xanh lam phẳng lì.

Con đường mòn chạy dọc bờ suối, khi thì ngang tầm con suối, ngoan ngoãn uốn theo từng khúc ngoặt của lòng suối, khi thì chạy lên cao, lượn ngoằn ngoèo trên bờ dốc đứng.

Đôi khi cây cối giãn ra, cho thấy những bãi trống tươi vui, chan hòa ánh nắng, vết chân thỏ kéo liền một dải như sợi dây đeo đồng hồ. Có lần còn gặp cả những vết lớn hình cò ba lá, vết chân của một con thú lớn không rõ là con gì. Vết chân đi vào giữa rừng sâu, nơi có nhiều cây bị gió bão quật đổ.

- Một con thú có sừng đã đi qua đây - Thấy Anna Vaxiliepna quan tâm đến vết chân thú, Xavuskin nói như nhắc tới một người quen tốt bụng - Nhưng cô đừng sợ - Thành bé nói thêm để trả lời cái nhìn của cô về phía giữa rừng - Đây là con nai thôi, nó hiền lắm cô ạ.

- Em nhìn thấy nó rồi ư ? - Anna Vaxiliepna hỏi bằng giọng say mê.

- Nhìn thấy chính nó, chính con nai bằng xương bằng thịt ấy ạ ? - Xavuskin thở dài - Không, em chưa được thấy. Có những quả hồ đào kia nhìn thấy nó kia.

- Cái gì ?

- Những cục nhỏ tròn tròn đấy - Xavuskin bèn lên giải thích.

Con đường luôn qua dưới cái cổng tò vò kết bằng cành liễu trắng uốn cong và lại chạy ra suối. Có chỗ, suối bị trùn kín dưới tấm chăn tuyết rất dày, có chỗ nó đóng bộ áo giáp bằng băng sạch tinh, đôi khi ở chỗ giữa băng là tuyết, nước tràn trề sức sống ngó nhìn ra bằng con mắt sẫm tối, hần học.

- Tại sao suối không đóng băng hết nhĩ ? - Annan Vaxiliepna hỏi.

- Trong suối có những mạch nước ấm cuộn cuộn, cô nhìn thấy tia nước kia không ạ ?

Anna Vaxiliepna cúi xuống trên bụi ngải, nhìn kỹ cái sợi chỉ mỏng manh từ đáy nước giăng lên; chưa đến mặt nước nó đã vỡ tung thành những hạt nhỏ. Cái cọng mỏng dính, ở đầu có bọt bong bóng ấy giống như cây linh lan.

- Ở đây có vô số mạch nước như thế ! - Xavuskin nói một cách say sưa - Suối vẫn sống ngay cả dưới lớp tuyết !

Thằng bé gạt tuyết sang một bên và trước mắt hiện ra làn nước đen như hắc ín nhưng vẫn trong suốt.

Anna Vaxiliepna nhận thấy tuyết rơi xuống nước không tan ngay, mà lập tức đặc quánh lại, chảy thông xuống, nom như đám rong tảo đông lạnh màu lục nhạt. Cô ưa thích cảnh tượng ấy, đến nỗi cô dùng mũi giày hất tuyết xuống nước, vui sướng khi thấy một

tầng tuyết lớn được nhào nặn thành một hình đặc biệt rắc rối. Cô mãi mê với trò chơi ấy và không nhận ra rằng Xavuskin đã vượt lên trước, giờ đây đang ngồi vắt vẻo trên cái chạc cây lơ lửng trên suối, đợi cô. Anna Vaxiliepnà vội theo cho kịp Xavuskin. Ở đây, những mạch nước ấm đã hết hiệu lực, suối phủ một mảng băng mỏng. Trên mặt băng trắng mịn như cẩm thạch, những bóng đen nhanh nhẹn, nhẹ nhõm vùn vụt lướt đi.

- Xem kìa, băng mỏng quá, trông thấy cả dòng chảy !

- Không phải đâu, cô Anna Vaxiliepnà ! Ấy là em đừng đưa cái cành, bóng của nó lướt đi như thế đấy chứ...

Anna Vaxiliepnà bậm môi làm thinh. Ở đây, trong rừng, có lẽ cô nên im lặng là hơn cả.

Xavuskin lại tiến bước, vượt lên trước cô giáo, dáng đi hơi lom khom và chăm chú nhìn xung quanh.

Rừng tiếp tục dẫn cô giáo và em học sinh vào những lối đi quanh co, rắc rối của nó. Tưởng chừng như rừng cây này, những đồng tuyết này, cái yên lặng này và cảnh sắc lơ mơ có ánh mặt trời chiếu xuyên qua này sẽ không có chỗ tận cùng.

Đột nhiên, ở đằng xa hừng lên một khe hở màu khói lam. Rừng thưa thay thế cho rừng rậm, xung quanh trở nên rộng rãi và tươi mới. Bây giờ ở phía trước không còn là một khe hở, mà đã xuất hiện một khoảng trống rộng rãi, tràn ngập ánh mặt trời, ở đấy

có cái gì lấp lánh, lóe sáng, ánh băng nhấp nháy như những chòm sao.

Con đường mòn chạy vòng qua bụi phi tử và rừng lập tức tán ra: giữa một bãi trống, một cây sồi khổng lồ mặc bộ y phục trắng tinh, lấp lánh, nom uy nghi như một nhà thờ lớn. Đường như cây cối kính cẩn dạt ra nhường chỗ cho bậc đàn anh bậc lộ hết sức vóc tráng sĩ của mình. Những cành cây phía dưới xòe rộng thành một mái lều bên trên bãi trống. Tuyết lấp đầy những nếp nhăn hoắm sâu trong vỏ cây và cái thân cây ba trăm người ôm được gộp bằng những sợi chì bạc. Lá khô héo qua mùa thu hầu như chưa rụng, cây sồi vẫn xum xuê cho đến tận ngọn, mỗi phiến lá đều mang tấm vỏ bao bằng tuyết.

- Nó đây này, cây sồi mùa đông !

Anna Vaxiliepnà rút rè bước một bước về phía cây sồi và người canh rừng hùng vĩ, độ lượng khe khua động một cành cây đón chào cô.

Không hề biết những gì đang diễn ra trong tâm hồn cô giáo, Xavuskin loay hoay dưới gốc cây sồi, cư xử một cách tự nhiên với người quen cũ của mình.

- Cô Anna Vaxiliepnà, cô nhìn xem này !

Nó gắng sức vãn một tảng tuyết bên dướiбет những đất cùng với đám cỏ mục nát vẫn còn sót lại. Ở đây, trong một cái hố, có một cục tròn bọc trong những tấm lá đã mủn nát mỏng dính như mạng nhện.

Qua lớp lá thò ra những đầu kim nhọn hoắt. Anna Vaxiliepna đoán ra đây là con nhím.

– Nó tự ủ ấm mới khéo chứ ! – Xavuskin ân cần đắp cho con nhím tấm chăn mộc mạc của nó. Rồi thằng bé bới tuyết cạnh một khúc rễ khác. Trước mắt là một cái hang nhỏ xíu, trên vòm có những trụ bằng rễ xuống như tua viên. Trong hang, một con nhái màu nâu nom như bằng bìa cứng ngồi chồm hổm, làn da căng dính xương bóng như đánh vec-ni, Xavuskin sờ vào con nhái, nó không động dây.

– Vờ vĩnh ! – Xavuskin bật cười – Làm như đã chết rồi. Thế mà nằng ăm lên là nó nhảy ngay đi cho mà xem, ôi chao, cứ là như chơi chơi ấy !

Thằng bé tiếp tục đưa Anna Vaxiliepna đi thăm cái thế giới bé nhỏ của mình. Dưới gốc sồi còn nhiều khách trọ khác: bọ dừa, thần lằn, rệp cây. Một số ẩn kín dưới các nhánh rễ, số khác rúc vào những kẽ vỏ cây. Con nào cũng gầy nhom, dường như bèn trong rỗng tuếch, chùng ngũ vùi cho qua mùa đông. Cái cây cường tráng, tràn trề nhựa sống tích tụ quanh nó nhiều sinh lực ăm áp đến nỗi loài thú đáng thương không thể tìm đầu ra căn nhà tốt hơn. Lòng rộn ràng vui thích, Anna Vaxiliepna mãi mê quan sát đời sống bí mật của rừng, trước nay cô chưa từng biết đến cuộc sống như thế, bỗng nhiên cô chợt nghe thấy tiếng kêu lo lắng của Xavuskin:

– Chết thôi, cô sẽ không gặp được mẹ em nữa rồi !

Anna Vaxiliepna vội đưa đồng hồ lên sát tận mắt. Ba giờ mười lăm. Cô có cảm giác như mình bị sa bẫy. Và trong thâm tâm, thầm xin cây sồi tha thứ cho cái mưu mẹo nhỏ mọn hợp tình người của mình, cô nói:

– Thế đấy, Xavuskin ạ, điều đó chỉ có nghĩa rằng con đường tắt vẫn chưa phải là con đường đúng nhất. Em sẽ phải đi học bằng đường nhựa thôi.

Xavuskin không đáp lại gì hết, chỉ cúi đầu xuống.

“Trời ơi – Anna Vaxiliepna nghĩ, không khỏi cảm thấy đau đớn trong lòng – Có cách nào thú nhận sự bất lực của mình rõ rệt hơn thế không?”. Cô nhớ đến bài giảng hôm nay và tất cả những bài giảng khác của mình; cô đã giảng một cách nghèo nàn, khô khan, lạnh nhạt làm sao về từ ngữ và tiếng nói, cái mà thiếu nó thì con người trở nên câm lặng trước thế giới, bất lực trong tình cảm, về tiếng mẹ đẻ, cái tiếng nói cùng tươi mát, mỹ lệ và giàu có như cuộc sống phong phú và tươi đẹp.

Ấy vậy mà cô vẫn tự coi mình là một cô giáo dạy giỏi đấy ! Có lẽ cô chưa tiến nổi một bước trên con đường mà một đời người chưa đủ để đi cho hết. Và chẳng, con đường ấy ở đâu kia chứ ? Tìm ra nó cũng gay go và không dễ gì hơn tìm chiếc chìa khóa mở hộp

đựng vật báu của Kasây⁽¹⁾. Nhưng qua niềm vui sướng của các em học sinh khi các em reo lên: “máy kéo... giồng... chuồng chim”, niềm vui sướng mà cô không hiểu nổi, cô đã thấy lơ mờ ló ra cái cột mốc đầu tiên.

– Xavuskin ạ, cảm ơn em đã đưa cô đi dạo chơi. Tất nhiên là em vẫn có thể cứ đi con đường này.

– Em cảm ơn cô, cô Anna Vaxiliepna !...

Xavuskin đỏ mặt, em rất muốn nói với cô giáo rằng em sẽ không bao giờ đi học muộn nữa, nhưng em sợ rằng em không làm được như lời. Em dựng cao cổ áo blu-dông, ấn xẹp cái mũ có tai xuống.

– Em đưa cô đi.

– Không cần, Xavuskin ạ, cô về một mình cũng được.

Thằng bé nhìn cô giáo với vẻ ngờ vực, rồi nhặt dưới đất lên một cái gậy, bẻ gập cái đầu cong của nó và đưa cho cô giáo.

– Nếu cô gặp con thú có sừng, cô cứ quật vào lưng nó một cái, nó sẽ bỏ chạy ngay. Hay cô chỉ cần giơ gậy lên dọa cũng đủ làm nó sợ rồi ! Kẻo không nó giận và sẽ bỏ rừng đi biệt mất.

– Được, Xavuskin ạ, cô sẽ không đánh nó đâu !

(1) Nhân vật trong chuyện cổ Nga, có những kho báu và bí quyết trường sinh (N.D)

Đi được một quãng, Anna Vaxiliepna ngoảnh lại nhìn cây sồi lan cuối, cái cây màu trắng hồng trong ánh hoàng hôn và cô thấy một dáng hình nhỏ nhắn màu tối thẫm dưới gốc cây. Xavuskin chưa đi, em vẫn đứng đằng xa bảo vệ cô giáo của mình. Và Anna Vaxiliepna bỗng hiểu rằng cái kỳ diệu nhất trong khu rừng này không phải là cây sồi mùa đông, mà là con người nhỏ bé đi đôi ủng da đã doãng ra kia, mặc bộ quần áo đơn sơ chữa lại của người lớn, con trai của người lính đã hy sinh vì Tổ quốc và của “người hộ lý của nhà tắm hương sen”, chú bé công dân tuyệt diệu và bí ẩn của tương lai.

Cô giơ tay vẫy em và thông thả đi tiếp con đường ngoằn ngoèo.

Phạm Mạnh Hùng dịch

KỶ THI

- Tại sao anh đến muộn ? - Giáo sư hỏi một cách nghiêm khắc.

- Tôi.... hừm, em xin lỗi... Em từ chỗ làm việc đến thẳng đây... một công việc khẩn cấp...

Học viên, một chàng trai cao lớn, khuôn mặt chân thật và thẳng thắn, ngáp ngừng đứng trước cửa giảng đường. Đôi mắt anh ánh lên vẻ thật thà mà không hề có dấu vết khờ khạo.

Chọn một phiếu câu hỏi và báo tôi biết số.

- Số mười bảy ạ.

Câu hỏi là gì ?

- Thưa thầy câu thứ nhất là Bài ca về đạo quân Igo, câu thứ hai...

Phiếu đó hay đấy - Giáo sư cảm thấy hơi ngượng vì đã tỏ ra quá nghiêm khắc - Chuẩn bị câu trả lời đi !

Người học viên cúi gập xuống tờ giấy, suy nghĩ.

Giáo sư nhìn anh một lúc lâu. Trong cuộc đời dài dặc của mình ông đã gặp hàng nghìn người trẻ như thế này. Ông đã quen nghĩ tới họ như là những học viên đơn thuần nhưng thực ra trong đoàn quân khổng lồ ấy, không ai giống ai lấy một chút. Họ rất khác nhau.

Cuộc đời cứ trôi đi và mọi sự đều thay đổi, ông nghĩ. Những người dạy học thời xưa có thể tự gọi mình là thầy... nhưng ngày nay chúng ta chỉ là những cán bộ giảng dạy.

- Anh muốn hỏi thêm gì không ?

- Không... Không, cảm ơn.

Giáo sư đi tới cửa sổ và đốt một điếu thuốc. Ông muốn nghĩ tiếp cái ý nghĩ về những thầy giáo đời xưa nhưng thay vì vậy, sự chú ý của ông lại tập trung vào đường phố.

Hoàng hôn đang đến. Đường phố vẫn tấp nập. Một chiếc tàu điện vụt qua, những tia chớp đỏ lóe lên trên đầu cần nối điện khi con tàu ngoặt một góc phố. Một dãy xe hơi nối đuôi nhau đậu trước cột đèn giao thông. Ánh đèn chớp chớp và cả đoàn xe lại lao tới. Các vỉa hè đầy người. Vội vã.

Lạ thật, giáo sư nghĩ. Đi đâu mà lúc nào chúng ta cũng vội ? Hình như chẳng đi đâu cả. Nhưng chắc là...

- E hèm ! - Người học viên đánh tiếng.

- Xong rồi à ? Bắt đầu đi ! - Giáo sư quay khỏi cửa sổ - Tôi nghe đây.

Người học viên đang kẹp một mẫu giấy kẹp giữa các ngón tay mập và thô tháp, tờ giấy rung liên hồi.

Anh ta hơi yếu bóng vía, giáo sư nhận xét. Đừng lo, cũng không hại gì cho anh ta.

- *Bài ca về đạo quân Igo* là một tác phẩm nghệ thuật vĩ đại - Người học viên bắt đầu - Nó là... nó là một kiệt tác. Ra đời từ cuối thế kỷ mười hai... e hèm. Trong tác phẩm này, các tác giả đã bộc lộ những cảm hứng...

Nhìn người học viên, nhìn khuôn mặt được tạc một cách khắc khổ của anh, giáo sư bắt gặp mình đang nghĩ rằng tác giả của *Bài ca* phải là một người trẻ, một người rất trẻ. Đắng cay và rục rờ, như Lécmonôtóp.

... Các hoàng tử thời ấy không đoàn kết và thế là... Hừm, nói chung, nước Nga bị phân liệt. Vì thế nên khi Pôlôpxi tấn công nước Nga... - Người học viên cắn môi, nhíu mày. Tự anh đã nhận ra rằng câu trả lời của anh quá tồi, quá sơ lược và nhảm chán. Anh hơi đỏ mặt.

Anh ta chưa đọc tác phẩm, giáo sư ném cho người học viên một cái nhìn giận dữ, sắc lạnh. Không, anh ta chưa hề đọc tác phẩm. Chỉ đọc lời giới thiệu thôi. Quý tha ma bắt hết thầy thứ học viên ấy đi ! Kết quả

của các khóa học hàm thụ là thế đấy ! Giáo sư đã chống lại lối học hàm thụ, thậm chí ông đã từng gửi bài đăng báo đề phản đối nhưng người ta trả bài lại. Có người đã sưng sốt. Nhưng thế này không khiếp à ? Hãy nghe anh ta với những hoàng tử bị chia rẽ của anh ta mà xem !

Anh chưa đọc bài thơ à ?

- Em mới nhìn lướt qua... E hèm !

- Anh có xấu hổ về mình không ? - Giọng của giáo sư tỏ ra bình thản một cách khinh bỉ. Ông đợi câu trả lời.

Người học viên đỏ mặt đến tận chân tóc.

- Thưa thầy, tôi không có thì giờ. Công việc rất cấp bách. Đã có lệnh đặc biệt...

- Anh có lệnh gì đi nữa thì cũng chẳng can hệ gì đến tôi. Nếu anh muốn biết, thì cái làm tôi quan tâm là con người anh, một người Nga, một người không tìm đâu ra thì giờ để đọc tác phẩm vĩ đại nhất trong văn học của dân tộc mình. Cái đó mới làm tôi quan tâm sâu sắc. Giáo sư bắt đầu thấy ghét cay ghét đắng chàng trai to xác này.

- Có phải anh học khóa này theo nguyện vọng riêng của anh không ?

Người học viên bực dọc ngẩng lên nhìn ông.

– Tất nhiên.

Anh mong đợi được cái gì khi học xong ?

– Xong cái gì ạ ?

– Khóa học. Hay anh chỉ muốn tiến thân ?

Họ nhìn nhau một lúc.

– Không cần phải thế này. Người học viên nói
thâm và cúi đầu xuống.

– Không cần cái gì ?

Không cần phải như thế này...

– Hừm, hay đấy ! – Giáo sư kêu lên. Ông đập hai
đùi vào nhau và đứng dậy – Hay đấy ! Được rồi, tôi sẽ
không như thế này. Nhưng anh có xấu hổ về mình
không đấy ?

– Dạ có chứ.

Hừm, thế thì lạy Chúa.

Họ im lặng vài phút. Giáo sư đi qua đi lại trước
tám bảng đen, khi mùi bực bội và lúc lắc đầu. Trong
cơn giận dữ, trông ông trẻ hẳn ra.

Người học viên ngồi bất động, trừng trừng nhìn
tám phiếu câu hỏi “hay” của mình... Trong một
thoáng, mọi sự có vẻ như trò hề.

– Xin thầy hỏi thêm câu khác.

- Bài ca được viết vào thế kỷ nào ? - Khi đã nổi giận, giáo sư cũng có thể bướng bỉnh như một đứa trẻ.

Thế kỷ mười hai... Vào cuối thế kỷ mười hai.

- Đúng. Chuyện gì đã xảy ra với hoàng tử Igo ?

- Hoàng tử Igo bị bắt làm tù binh.

- Đúng. Hoàng tử Igo bị bắt làm tù binh. Ô, thật tệ hại ! - Giáo sư lại dập dùi và lúc lắc chòm râu. Ông rất hối hận vì hoàng tử Igo lại có thể bị bỏ tù và hơn nữa cuộc nói chuyện lại sa vào chỗ ngoặt ngu xuẩn như thế này.

Ông không quen đùa và ông đã giận thật sự. Ông nổi giận vì ông đã đưa mình và người học viên tham dự vào cái trò chơi "lớp học" này. Thật là lạ, nhưng ông vừa cảm thấy tức giận, vừa đồng tình với chàng trai.

- Phiền quá ! Làm thế nào ông ta lại dễ bị bắt làm tù binh ?

- Xin thấy cho em điểm số thích hợp và đừng nổi nóng nữa - Người học viên đột ngột lên tiếng và đứng dậy.

Sự vặn lại của người học viên đã khiến giáo sư dịu xuống. Ông trở lại ghế ngồi.

-- Hừm, chúng ta hãy nói tới hoàng tử Igo. Anh thư kể tôi nghe khi bị bắt làm tù binh ông ta đã cảm thấy thế nào ? Và hãy ngồi xuống đi !

Người học viên vẫn cứ đứng.

- Thầy hãy dành rớt em đi và kết thúc chuyện này.

Là một tù binh, hoàng tử Igo cảm thấy thế nào ?
 - Giáo sư hét lên và nổi giận trở lại - Một người Nga cảm thấy thế nào khi trở thành tù binh ? Thậm chí điều đó anh cũng không hiểu được à ?

Người học viên đứng một lúc, trừng trừng nhìn giáo sư một cách lạ lùng bằng đôi mắt xám trong veo.

Em hiểu điều đó - Anh đáp.

- Ồ, anh hiểu... Thật không ?

- Chính em đã từng là tù binh.

- Ồ... anh muốn nói gì ? Ở đâu ?

- Tù binh của bọn Đức.

Người giáo sư nhìn học viên với vẻ tò mò. Một lần nữa, ông chợt nghĩ rằng tác giả của Bài ca phải là một người trẻ, một chàng trai có đôi mắt xanh nhạt, trong veo.

- Anh bị giam lâu không ?

-- Ba tháng.

Rồi sau đó ?

- Sau cái gì ạ ?

Người học viên nhìn giáo sư, giáo sư lại nhìn học viên. Cả hai đều bối rối.

Ngồi xuống đi. Anh đứng để làm gì ? Giáo sư bảo Anh đã trốn thoát à ?

- Vâng - Người học viên ngồi xuống. Anh lại cầm lấy phiếu câu hỏi và trờng trờng nhìn nó. Anh phải thoát khỏi đây càng sớm càng tốt.

Anh đã trốn thoát như thế nào ? Kể tôi nghe xem.

- Vào ban đêm. Lúc chúng em bị giải đi.

- Hãy kể rõ hơn. Giáo sư nhấn mạnh - Hãy học cách kể chuyện, anh bạn trẻ ạ. Kể chuyện là việc mà mọi người đều phải làm được. Anh đã trốn thoát như thế nào ? Thực tình tôi không thích cái khía cạnh kỹ thuật của việc đó. Cái chính... cái chính là tôi muốn biết khía cạnh tâm lý kia. Anh đã cảm thấy thế nào ? Bị tù chắc là cay cực lắm, đúng chứ ? - Cái nhìn của giáo sư vừa nghiêm khắc vừa có vẻ thông cảm - Việc đó đã xảy ra cho anh như thế nào ? Anh bị thương hả ?

- Không. Chúng em chỉ bị bao vây... Thưa thầy, chuyện đó dài dòng lắm.

- Anh thật là một người bạn rợn biết bao !

- Không phải vì em bạn mà...

- Anh sợ à ?

- Tất nhiên.

Đúng rồi. Anh phải sợ thôi - Vì một lý do nào đó, giáo sư chợt thích câu trả lời ấy. Ông đốt một điếu thuốc - Đúng rồi. Tôi cho rằng anh nhớ làng anh chứ ? Nhớ mẹ anh chứ ? Lúc ấy anh bao nhiêu tuổi ?

- Mười tám.

- Anh có nghĩ về làng anh không ?

- Em ở thành phố.

Thật à ! Chẳng biết vì sao tôi lại nghĩ anh là dân vùng quê. Tôi thấy...

Họ lại im lặng. Người học viên tiếp tục nhìn chăm chăm vào tấm phiếu câu hỏi không may, giáo sư thì nắn cái tàu thuốc bằng ngà của mình vừa ngắm nghía người học viên.

Giữa các anh với nhau, anh thường nói chuyện gì ?

- Ở đâu cơ ? - Người học viên ngẩng lên. Rõ ràng anh đã nhận ra đề tài cuộc nói chuyện có tính chất thử thách.

- Ở trại tù ấy.

Không có chuyện gì cả. Ở đó có gì để nói đâu ?

- Tệ thật, nhưng điều đó lại hoàn toàn thật kia chứ ! - Giáo sư bỗng trở nên linh hoạt. Ông đứng dậy, chuyển cái tàu thuốc từ tay này sang tay kia và đi

bách bộ khắp giảng đường. Điều đó hoàn toàn có thật. Anh tên là gì ?

- Nikólai.

- Điều đó có thật, anh hiểu không ?

- Điều gì có thật ạ ? Người học viên mỉm cười lịch sự và đặt tám phiếu câu hỏi xuống. Cuộc nói chuyện đã đến một chỗ ngoặt bất ngờ, anh hoàn toàn không biết phải xử sự thế nào.

- Sự thật là các anh đã không trò chuyện. Ở đó có gì để nói đâu ? Điều đó là sự thật tuyệt đối. Tất nhiên khi nằm trong tay quán thù, mọi người phải giữ im lặng. Như thế cũng là thông minh. Anh đã ở Kiép bao giờ chưa ?

- Dạ chưa.

Ở đó có một quận tên là Pôdôn. Trong quận có một chỗ rất cao. Đứng ở đó nhìn ra xa anh sẽ thấy một cảnh tuyệt đẹp. Bất cứ lúc nào nhìn thấy nó, tôi đều cảm thấy dường như mình đã ở đó từ lâu. Không phải trong kiếp sống này mà hàng ngàn năm về trước kia. Anh có hiểu không ? - Khuôn mặt của giáo sư biểu lộ những tình cảm phức tạp gần như vô tình, ông đã cho phép mình nói ra những điều ông hằng ôm ấp. Và bây giờ ông vừa sợ người nghe không hiểu mình, vừa muốn mình đừng nói ra. Ông nhìn người học viên với vẻ lo ngại, cố gắng vừa tỏ ra nghiêm khắc lại vừa than mặt.

Người học viên nhún vai.

Cũng hơi phức tạp đấy, thầy ạ. – Anh thú nhận.

– Nhưng chuyện đó thì có gì là phức tạp ? – Giáo sư lại bách bộ qua giảng đường. Ông đang bực bội với chính mình nhưng không có gì ngăn được dòng từ ngữ. Ông nói to và rõ:

– Tôi cảm thấy dường như tôi đã đi dạo ở đó từ trước đây lâu lắm. Từ thời của Igo. Nếu như mãi bấy giờ tôi mới cảm thấy thế tôi sẽ cho đó là vì tuổi già đang đến. Nhưng tôi đã cảm thấy thế ngay khi còn là một chàng trai. Tại sao ?

Ông dừng lại vụng về. Hai người đăm đăm nhìn nhau. Cả hai đều như đã lạc ra ngoài cuộc tranh luận.

– Em không theo kịp – Người học viên thận trọng lên tiếng – Từ đâu mà quận Pôdôn lại xen vào những chuyện này ?

Bởi vì câu trả lời của anh về việc không trò chuyện đã khiến tôi sống sót với sự chính xác tuyệt vời. Tôi chưa từng là tù binh, thậm chí tôi chưa từng tham gia chiến tranh nhưng ở đó, trên đỉnh Pôdôn, bằng một cách thức kỳ lạ nào đó, tôi đã hiểu được mọi chuyện liên quan tới chiến tranh. Tôi đã nhận ra, chẳng hạn, khi anh là tù binh thì anh phải im lặng. Không phải chỉ im lặng trong các cuộc hỏi cung – Tôi đã đọc được tất cả việc đó – mà còn phải im lặng giữa các anh với nhau. Anh không cảm thấy muốn nói. Tôi

thường nghĩ tới vấn đề phải xử sự với bọn lính gác như thế nào. Tốt nhất là phải làm cho chúng hoảng sợ. Các anh sẽ bỏ tôi và hỏi một trong những tên gác, hỏi thật khế một câu hỏi nào đó. Ví dụ: “Ông làm ơn xem hộ mấy giờ rồi ?” Hắn sẽ giật nảy mình và lúc ấy các anh lao vào hắn...

Người học viên mỉm cười.

Tôi nói thế có phi lý không ? – Giáo sư nhìn tận mặt người học viên vẻ dò hỏi, chờ đợi. Ông khao khát muốn nghe một lời đáp to và phấn khởi: “Thưa thầy, tất nhiên là không. Chuyện đó thú vị lắm”.

Người học viên cũng đáp nhanh:

– Sao lại phi lý ? Em nghĩ rằng em hiểu những gì thầy muốn nói.

Giáo sư chợt nhận ra rằng người học viên chẳng hiểu gì cả. Ông thở hắt ra chán ngán nhưng vẫn thấy mình phải giải thích thêm:

– Lý do là đất nước chúng ta đã trải qua quá nhiều cuộc chiến tranh. Những cuộc chiến tranh tàn khốc. Gần như chúng đều là những cuộc chiến tranh nhân dân và đều mang lại những đau khổ lớn lao cho tất cả mọi người. Ngay những người không tham dự trực tiếp vào cuộc chiến tranh như thế cũng phải chia xẻ những tình cảm, những nỗi thống khổ với nhân dân mình. Tôi không học điều này từ sách vở nào, anh hiểu không. Tôi cảm thấy và tôi tin ở điều đó.

Sau khi giáo sư nói ra những điều ấy, cả hai người lại im lặng một lúc lâu nữa, chừng như để tính lại. Dầu thế nào họ cũng phải quay về với điểm khởi đầu, với *Bài ca về đạo quân Igo*, với cái sự kiện là tác phẩm vĩ đại này đã bị người học viên lãng quên một cách đáng xấu hổ. Nhưng giáo sư không thể không hỏi thêm hai câu sau cùng nữa:

- Anh trốn thoát một mình à ?

- Không, chúng em có bảy người.

- Tôi nghĩ rằng anh đang cho tôi là một ông lão tò mò, phải không ?

- Tất nhiên là không. Hoàn toàn không phải vậy.

- Người học viên đỏ bừng mặt như đó chính là điều anh ta đang nghĩ - Thật đấy, thưa thầy. Chuyện của thầy hay lắm.

Trái tim người thầy giáo già khẽ nhói lên.

- Chúc anh mọi điều tốt lành, anh lính ạ. Tôi vui mừng vì anh hiểu tôi. Tất nhiên là anh phải đọc *Bài ca*. Tôi sẽ tặng anh một quyển. Tôi còn thừa một quyển đây... - Giáo sư lấy trong cặp ra một tập *Bài ca về đạo quân Igo* và nghĩ ngợi một lát, ông mỉm cười nhìn người học viên.

- Anh có chắc rằng anh không cho tôi là một lão già không ?

- Tất nhiên là em không nghĩ thế, thưa thầy
- Người học viên khẳng định.

- Tốt ! - Giáo sư viết vội điều gì đó lên bìa sách rồi trao cho học trò. - Đừng đọc ngay bây giờ. Anh có thể đọc ở nhà. Nhưng có lẽ như anh đã thấy, hôm nay tôi đã run tay rồi, như một kẻ cầu hôn bất lực. Hậu quả về sau đôi lúc rất khó chịu.

Người học viên không nghĩ ra được câu gì để đáp lại nữa, anh mơ hồ nhún vai.

- Cả bảy anh đều trốn thoát an toàn chứ ?

- Dạ vâng ạ.

- Bây giờ các anh còn viết thư cho nhau nữa không ?

- Không, dù sao, thầy biết...

- Tất nhiên là tôi biết. Tất nhiên. Đó là kiểu của người Nga, anh bạn ạ. Và anh vẫn không muốn đọc *Bài ca*. Đó là tác phẩm tuyệt diệu nhất, Nga nhất trong mọi tác phẩm. “Đàn ngựa phì phò thở bên kia dòng Sula, những quả chuông vinh quang ngân vang khắp vùng Kiép, những cây kèn trombet thổi dậy vùng Nôpgôrôt, cờ bay rợp trời Puntivơ” thế nào anh bạn ? - Giáo sư đưa một ngón tay lên như muốn lắng nghe những âm vang cuối cùng đang lịm dần của *Bài ca tuyệt diệu*. - “đưa thẻ dự thi của anh đây” - Ông

cho điểm, xếp thẻ lại trả cho người học viên. – Thôi tạm biệt ! Ông nói một cách khô khan.

Người học viên rời giảng đường. Anh quẹt mồ hôi trán rồi dừng một lúc, dăm dăm nhìn cái hành lang trống trơn. Tay anh vẫn nắm chặt tấm thẻ dự thi, sợ phải nhìn vào đó, sợ nó ghi điểm “giỏi” hay tệ hơn nữa, điểm “xuất sắc”. Anh cảm thấy xấu hổ.

Điểm “đạt” là tốt rồi, anh nghĩ. Anh liếc nhìn lại cánh cửa giảng đường rồi mở tấm thẻ ra, dờ dẫm nhìn vào đó. Rồi anh chợt quay lại, nhìn cánh cửa giảng đường, mỉm cười lặng lẽ rồi bước đi. Trong thẻ ghi điểm “kém”.

Ra đến bên ngoài, anh chợt nhớ quyển sách. Anh mở sách ra và đọc lời đề tặng.

“Hãy học đi, anh lính trẻ. Học không phải là việc dễ dàng đâu. Giáo sư Grigôriép”.

Người học viên cố gắng nhìn lên những cánh cửa sổ của học viện và anh tưởng chừng như mình có thể nhìn thấy giáo sư ở một trong những khung cửa ấy.

Thật ra, giáo sư đang đứng cạnh cửa sổ. Ông đang nhìn xuống đường phố, những ngón tay thần thờ gõ nhịp lên khung cửa. Ông đang suy nghĩ.

HUỖNH VĂN HOA dịch

XIN CÔ THA LỖI CHO CHÚNG EM

Paven Ghêoócghiêvich Xaphônốp là một công trình sư nổi tiếng, công tác tại một nhà máy lớn. Năm tháng trôi đi, ông đã quá quen với sự nổi tiếng của mình và hình như thậm chí thấy mỗi một vì nó chút ít, cũng giống những người sớm đạt được vinh quang.

Năm nay, quá mệt vì một công việc phức tạp vừa làm mùa đông, ông đi nghỉ tại nhà an dưỡng ở bờ Nam Crưm. Và đây, đoàn tàu tốc hành tuyến phía Nam đưa Xaphônốp trở về Matxcơva đang đi qua vùng thảo nguyên quen thuộc, nơi Paven Ghêoócghiêvich sinh ra, lớn lên, mà đã lâu ông xa cách.

Đột nhiên ông rất muốn được ghé thăm thị trấn quê hương, đi dạo trong phố, đọc các tấm áp phích quảng cáo và tên đường phố cũ thử xem thị trấn đang sinh hoạt ra sao, thế nào cũng phải gặp lại những người quen ngày còn đi học, từ những năm tháng xa xôi, tưởng chừng như thời gian ấy chưa bao giờ có cả.

Và nguyện vọng ấy đã thắng. Ông đã làm các bạn đường vô cùng ngạc nhiên vì quyết định bất chợt xuống tàu của mình.

Suốt một ngày trời ông đã tha thẩn dạo chơi trong thành phố quê hương. Ông không nhận ra nó được nữa. Và thành phố cũng không nhận ra ông. Thị trấn thảo nguyên cổ xưa thực sự đã được xây dựng mới, dân cư đông đúc hơn trước nhiều.

Ông chậm rãi đi lại đến bên lần dọc theo đường phố nơi mình sinh ra và nơi trước đây có ngôi nhà một tầng thấp lẻ tẻ. Giờ đây, phố của ngôi nhà xưa đã là một đại lộ. Và đại lộ ấy chắc không nhớ và không hề biết đến tuổi thơ của Paven Ghêoócghiêvich.

Xaphônốp ngồi xuống chiếc ghế dài, nhìn quanh đại lộ rất lâu, lòng xao xuyến. Quá khứ, tuổi thơ nay đâu còn dấu vết, không có gì còn lại nữa... Và điều ấy vừa đáng tiếc, vừa khó hiểu. Ở thành phố này giờ đây không còn ai biết ông.

Ông lại đi dạo trong thành phố và thật bất ngờ, giữa các lùm cây, ông chợt trông thấy ngôi trường mình học ngày xưa. Ngôi trường vẫn đứng đó như thuở trước... Nó không hề thay đổi.

Mấy phút liền, ông không rời mắt ngắm nhìn ngôi trường. Rồi ông bước vào sân trường vắng ngắt. Ông ngồi xuống dưới cây phượng, nơi thuở xưa học sinh vẫn nô đùa trong giờ nghỉ, ông vuốt ve thân cây

và cười vang. Phải, giờ đây ông có cảm tưởng như mình được gặp lại người bạn cũ hiền lành biết rất kỹ về Paven Ghéoócghiêvich và Paven Ghéoócghiêvich cũng biết rất rõ về nó...

Bỗng ông nhìn thấy ngôi nhà nhỏ ở bên phải cạnh trường. Lập tức ông nhớ lại: Maria Pêtorópna... Đây là nhà Maria Pêtorópna, cô giáo dạy toán của ông - sao ông không nhớ đến cô ngay từ đầu nhỉ ? Ngày trước ông là học trò cưng của cô, chính cô đã nhìn thấy triển vọng toán học xuất sắc của ông tương tương lai... Đã bao nhiêu năm rồi, thấy trò chưa gặp nhau ! Liệu cô còn ở nhà này không ? Cô còn sống không ? Maria Pêtorópna ! Có biết bao nhiêu cái gắn bó với tên tuổi của cô ! “Cô Maria Pêtorópna bảo rằng...”, “Cô Maria Pêtorópna cho hai điểm...”.

Xaphônốp xúc động bước tới thêm cửa. Ông gõ cửa:

- Ai đấy ? - Một người đàn bà mảnh dẻ xuất hiện trong khung cửa và ông nhận ngay ra cô...

- Cô Maria Petorópna, - ông khẽ nói - Cô không nhận ra em à ?

Cô nhìn ông từ đầu đến chân trong vài giây.

- Pasa Xaphônốp phải không ? Pasa đấy à ? - Cô nói hơi hốt hoảng - Vào đây, vào đây đi em !

- Vâng ạ, vâng ạ, em vào đây - Xaphônốp đáp ứng, không hiểu vì lẽ gì mình là người lớn, một nhân vật có tiếng tăm mà lại đỏ mặt như một cậu học sinh ngày còn đi học.

- Ừ, thế là em đã về đây, Pasa... Em thứ lỗi, cô cứ gọi em như thế. Không còn nhận ra em được nữa... Em đi công tác qua, có việc à ?

- Em tạt qua thôi, cô Maria Pêtorốpna ạ - ông đáp nhưng không hiểu vì sao ông không nói rằng mình vừa mới ở miền Nam lên, ông nghĩ nói như vậy thì quá hơi hợt và bất tiện.

- Em sẽ uống trà với cô bây giờ... Em chờ một tí, cô xong ngay thôi.

Ông không muốn uống trà. Ông chỉ muốn nói và hỏi... Nhưng cô Maria Pêtorốpna vẫn bung trà vào và vui vẻ nói:

Nào, bây giờ em kể chuyện mình cho cô nghe đi, em sống thế nào ? Nhưng mà thôi, qua báo chí, cô biết khá nhiều về em, cô đã đọc những bài báo và những cuốn sách của em. Em đã lấy vợ chưa ? Cô hỏi vội ông.

- Thưa cô, đã ạ. - Xaphônốp đáp.

- Em hạnh phúc chứ ?

-- Thưa cô, có lẽ thế. Em được một cháu trai.

- Ừ thế thì tốt rồi, còn công tác thì sao ? Em đang làm việc gì ?

- Em đang thiết kế một mẫu mới, cô Maria Pêtrốpna ạ.

- Thế tình hình thế nào ? Có đạt kết quả không ?

- Hiện còn chưa rõ, cô ạ. Cô Maria Pêtrốpna ơi, ta hãy nói chuyện về quá khứ, về trường...

Cô Maria Pêtrốpna gật đầu, trầm tư nói:

- Cô nhớ rất rõ lớp các em. Đó là lớp trước chiến tranh. Toàn những em hiếu động, nghịch ngợm, có năng lực...

- Cô có nhớ cô cho em điểm hai về đại số không, cô Maria Pêtrốpna ?

- Có chứ. Vì em không chịu làm bài tập về nhà, trông chờ may rủi. Mà môn toán thì em học thật dễ dàng. Nhưng em lại lười học.

Cô Maria Pêtrốpna rót nước chè vào chén, cảm thía lên, suy nghĩ và hỏi:

- Em có nhớ Misa Sếchtxơ không ?

- Có chứ ạ ! Em vẫn thường ganh tị với nó mà lại ! Cả lớp em mê mệt vì những bài luận của Sếchtxơ viết về đề tài văn học. Còn em thì chẳng đầu vào đâu cả.

- Misa làm phóng viên - Cô Maria Pêtrốpna chậm rãi nói - Nó nay đây mai đó trong nước và cả

nước ngoài. Cô thường đọc bài của Misa. Và cô cũng hay nhớ lại.

- Misa có đến thăm cô không, cô ?

- Không.

Vâng - Xaphônốp nói - Mỗi người một ngả... Em nghe nói Vitca Xnégghiriốp bây giờ làm giám đốc một nhà máy ở Uran. Thật không ngờ ! Em có gặp Vitca ở Matxcơva. Bệ vệ lắm, trông không còn nhận ra được nữa ! Vitca có ghé qua đây không, cô ?

- Gì cơ ? Cô Maria Pêtorópna hỏi và đưa mắt nhìn xuống, khe lắc đầu. - Em uống nước chè đi, Pasa.

- Thưa cô, thế có ai đến thăm cô, cô còn gặp bạn nào trong lớp em nữa ạ ? - Paven Ghêoócghiêvich hỏi

Cô có gặp Grisa Xamôilốp không ? Nó làm diễn viên. Em nhớ ngày ấy cô nói với nó rằng nó có tài đấy ạ.

- Cô chỉ trông thấy Grisa trên màn ảnh thôi, Pasa ạ.

- Chẳng nhẽ Grisa cũng không đến ?

- Không, không đến...

- Thế còn Sêchtơơ ạ ?

- Gì cơ ? Không. Uống nước đi em, kéo nguội mát.

- Thưa cô, thế đã có ai viết thư cho cô chưa ? Biết được cũng hay. Chắc cô nhớ Vêlôdia Bôicốp, Nina

Vinôcurôva, Bôria Gômưria ? Cô có biết gì về mấy người này không ?

– Không, Pasa ạ – Cô giáo già chậm rãi nói – Có Côlia Xibirôxép hay đến nhà cô. Côlia làm việc ở nhà máy ngay tại đây. Cuộc sống của Côlia không được may mắn lắm. Côlia thường đến đây.

Hai người lặng im, Xaphônốp thấy rất khó chịu. Ông đẩy chén trà về phía mình, vung về thò tay lấy đường, chợt nhận thấy cô Maria Pêtorôpna nhìn lên tủ sách. Ông cũng nhìn lên và trông thấy ngay ở hàng đầu có gáy một cuốn sách quen thuộc mới nhất của ông về chế tạo máy bay.

Thưa cô Maria Pêtorôpna – Ông khẽ nói.

– Gì thế, Pasa ?

Cô có cuốn sách của em ạ, thưa cô Maria Pêtorôpna ? Ông khẽ hỏi và lập tức im bật.

– Ừ, cô đã đọc rồi.

Lúc bấy giờ, ông đứng dậy, cầm lấy cuốn sách của mình – “Cấu trúc các loại máy bay” – giờ qua vài trang và cảm thấy mình đang đổ mắt một cách khó chịu. Ông lúng túng nói:

Thưa cô, cô cho phép em đề tặng chứ ạ ?

Từ trong quyển sách bỗng rơi ra một mảnh giấy con và ông vội nhặt nó lên, nhìn rõ đấy là bức chân

dung của ông được cắt từ một tờ báo. Hiểu ra tất cả, ông ngược nhìn cô Maria Pêtrốpna, cô đang lấy thìa khuấy đường trong cốc nước. Cô nói nhanh:

– Một cuốn sách không đến nỗi tồi... Cô đã đọc một cách thích thú. Còn bức ảnh này là cô cắt từ báo Sự thật ra đấy, Pasa ạ. Khi trông thấy ảnh của em đăng báo, cô có đánh điện tới chúc mừng em.

Ông cũng vội vã như để giấu một điều gì khó chịu, giấu ngay mảnh giấy vào trong sách và trong lòng vô cùng xấu hổ, căm giận bản thân. Giờ đây ông nhớ ra rất rõ rằng mình quả là có nhận được bức điện đó cách đây hai năm trong số nhiều bức điện khác nhưng đã không trả lời, mặc dầu đã trả lời những bức điện khác.

Khi ông ra về, cô giáo tiễn ông.

Xaphônốp im lặng. Cô giáo Maria Pêtrốpna nhìn ông từ đầu đến chân và chợt hỏi:

– Pasa này, em thử nói trong công trình của em, có một chút gì là phần của cô truyền lại hay không ?

– Thưa cô Maria Pêtrốpna, sao cô lại nói vậy ?

- Paven Ghêoócghiêvich lúng búng nói – Nếu không có cô thì...

Cô giáo nhìn thẳng vào mắt ông, nói:

– Em tưởng cô không mừng sao ? Một vị khách cỡ nào đã đến thăm cô cơ chứ ! Em tưởng mai cô sẽ không kể cho các học sinh của mình biết chuyện này

hay sao ? Thôi, em đi đi, Pasa. Cô chúc em nhiều thành công to lớn...

Họ tạm biệt nhau. Ông bước vội trên đường nhỏ trong vườn trường. Rồi ông ngoái cổ nhìn lại. Cô giáo Maria Pêtorópna vẫn đứng đó bên thềm.

Suốt dọc đường cho đến tận Matxcova, Paven Ghêoócghiêvich đứng ngồi không yên, một cảm giác xấu hổ ghê gớm như thiêu đốt lòng ông. Ông nghĩ tới Vitca Xrêghiriốp, tới Séchtơơ, tới Xamôilốp. Ông nghĩ về tất cả những bạn học cũ ngày xưa và ông muốn kiếm cho được địa chỉ của họ, gửi cho họ những bức thư cảm phần phê phán nặng nề. Nhưng ông không biết địa chỉ của họ. Rồi ông viết cho cô Maria Pêtorópna một bức thư xin lỗi rất dài nhưng ông kinh hãi nghĩ mình quên không biết cả số nhà của cô.

Đến một ga lớn, Xaphônốp, nét mặt dăm dăm xúc động, xuống tàu. Ông đến nhà bưu điện và sau một phút phân vân, ông gửi một bức điện cho cô Maria Pêtorópna theo địa chỉ của trường. Bức điện vền vẹn chỉ có một câu: ***"Xin cô tha lỗi cho chúng em"***.

NGUYỄN HÀO dịch

In trong tập truyện

NỮ DIỄN VIÊN BA LẾ Hà Nội,

Nhà xuất bản Lao Động, 1983

BÀI HỌC TIẾNG PHÁP

Tặng Anaxtaxia Prôkôlepna Kôpylôva

*Thật lạ: không hiểu tại sao, cũng như cha anh ta, ta
thường cảm thấy có lợi đối với thầy cô.¹ Không phải
vì những chuyện xảy ra ở trường, không, mà vì những
gì đến với chúng ta sau này.*

Năm bốn mươi tám tôi được lên lớp năm hay nói đúng hơn là tôi được “du học” lớp năm, vì làng tôi chỉ có trường cấp một¹⁾ nên muốn học tiếp lên cấp hai tôi phải đi năm mươi cây số, tới một thị trấn nhỏ, nơi đặt huyện lỵ. Mẹ tôi đến đó trước một tuần, thu xếp cho tôi ở trọ lại nhà một người quen nào đó rồi vào ngày cuối tháng Tám, chú Vanya, người lái chiếc xe

¹⁾ Ở Liên Xô, trường cấp một chỉ có 4 lớp, từ lớp 1 đến lớp 4.

tải độc nhất của nông trang tập thể, bỏ tôi xuống phố Pôdkamennaya, nơi tôi sẽ sống, giúp tôi mang khăn gói vào, vồ nhẹ lên lưng tôi khích lệ rồi lái xe đi. Tôi mới mười một tuổi mà đã bắt đầu sống một mình.

Những năm đó vẫn còn đói kém lắm và mẹ tôi phải nuôi ba miệng ăn, tôi là con cả. Vào mùa xuân, khi đời sống đặc biệt khó khăn, tôi xúi em gái tôi cùng nuốt những mầm khoai, những hạt thóc và lúa mạch, hy vọng chúng sẽ mọc lên trong bụng chúng tôi và chúng tôi sẽ đỡ phải lo nghĩ thường xuyên về miếng ăn. Suốt mùa hè, chúng tôi tưới những hạt giống ấy bằng nước sông Angara nhưng không hiệu vì sao chúng tôi chẳng gặt hái được gì hoặc mùa màng quá ít ỏi đến nỗi chẳng bao giờ chúng tôi cảm giác được. Nhân đây, tôi nghĩ có lẽ thí nghiệm của chúng tôi không hoàn toàn vô ích và có thể một ngày nào đó người ta sẽ cần đến nó, nhưng chúng tôi lại thiếu kinh nghiệm và có lẽ đã phạm sai lầm ở đâu đó.

Thật khó nói tại sao mẹ tôi quyết định gửi tôi lên huyện học. Chúng tôi không còn cha, đời là cả một cuộc vật lộn và tôi nghĩ mẹ tôi quyết định thế vì cho rằng dù bà làm gì đi nữa thì mọi sự cũng không thể tồi tệ hơn bấy giờ được. Ở trường làng, tôi đã học tốt. Tôi ham học và học giỏi có tiếng. Tôi viết và đọc hộ thư cho người già, tôi đọc hết sách vở có trong cái thư viện rất đồi khiêm tốn của chúng tôi và tối tối lại kể

cho bọn trẻ nghe những câu chuyện trong sách, thêm thật khá nhiều.

Nhưng tôi có uy tín nhờ việc kiểm tra các số trúng của vé phiếu công trái. Hội chiến tranh, mọi người đã mua thật nhiều phiếu công trái, danh sách những người trúng số được gởi về khá thường xuyên và mỗi khi danh sách đưa đến, mọi người lại mang phiếu tới cho tôi. Họ bảo tôi có cặp mắt may mắn và thật tình đã có những phiếu trúng, chỉ trúng những giải nhỏ thôi nhưng trong những năm thiếu thốn ấy, người dân nông trang chỉ cần vài hào là đã thấy vui mà tôi lại công bố một số tiền chật bất ngờ. Niềm vui ấy phần nào cũng lan qua tôi, tôi nổi bật lên giữa đám trẻ con và thậm chí được biếu thêm thức ăn nữa. Một hôm chú Ilia, một người quen bà tiện, đã xúc cho tôi một rổ khoai tây sau khi trúng thưởng bốn trăm rúp. Vào mùa xuân ấy, có một rổ khoai đã là giàu.

Vì tôi hiểu được những danh sách và những con số trên phiếu công trái mà mọi người đã bảo mẹ tôi:

- Thằng bé nhà chị sáng trí đấy. Chị phải cho nó học hành. Học hành có bao giờ phí đâu !

Vì thế, mặc cho bao nỗi khó khăn, mẹ tôi cũng chuẩn bị cho tôi đi học và thu xếp mọi việc dù trước đó ở làng tôi chưa hề có ai lên huyện học. Tôi là người đầu tiên. Tất nhiên tôi chưa hình dung được những gì

đang đợi tôi cũng như những khó khăn tôi sẽ gặp ở nơi mới me ấy.

Ở trường huyện tôi cũng học rất tốt. Nói cho cùng, tôi đến đây chỉ để học, tôi không có niềm say mê nào khác. Thuở ấy làm việc gì tôi cũng làm hết mình, đó là cách làm duy nhất mà tôi biết. Ít khi tôi dám đến trường mà chưa chuẩn bị bài và đã thành lệ, lúc nào tôi cũng được điểm cao nhất – điểm năm, trừ môn tiếng Pháp.

Đối với môn tiếng Pháp, cái khó của tôi là cách phát âm. Tôi thuộc từ và ngữ pháp dễ dàng, tôi dịch nhanh và đương đầu được với mọi khó khăn của việc đánh vần, nhưng dường đến việc phát âm tiếng Pháp đã bị các tổ tiên người vùng Angara của tôi ngăn lại. Tổ tiên tôi, từ thế hệ này đến thế hệ khác, chưa ai phát âm một tiếng nước ngoài nào, thậm chí còn hoài nghi sự tồn tại của những thứ tiếng đó. Tôi lắp bắp đọc tiếng Pháp theo kiểu những người nói uốn lưỡi ở làng tôi, nuốt mất nửa số âm cứ như đó là những âm thừa và thốt ra nửa số âm còn lại bằng những tiếng vang cụt ngắn như tiếng sữa. Khi cô Liddia Mikhailôpna, cô giáo môn tiếng Pháp của tôi, nghe tôi đọc, mặt cô nhăn lại đau khổ và mắt cô nhắm nghiền. Cô chưa bao giờ nghe những tiếng như thế. Cô giải thích đi, giải thích lại, chỉ cho tôi cách đọc những âm mũi, những âm kép và bắt tôi nhắc lại theo cô nhưng tôi chỉ lúng ba lúng búng, lưỡi cứng đờ như gỗ. Thật vô ích !

Nhưng lúc về nhà trọ mới là lúc cực nhọc nhất của tôi, Ở trường, lúc nào tôi cũng bận rộn, phải làm việc này, chạy việc nọ, các cậu bé khác cuốn hút tôi, dù muốn hay không tôi cũng phải chạy rong, phải dự vào các trò chơi và đến giờ học thì phải tập trung tư tưởng vào bài. Nhưng khi chỉ còn lại một mình, nỗi nhớ nhà lại đến, đè tôi dưới một sức nặng không thể nào chịu nổi. Tôi nhớ nhà, tôi nhớ làng phát ốm. Tôi chưa hề xa nhà ngày nào và không quen sống với người lạ. Thật là một cảm giác ghê sợ, còn tệ hại hơn mọi thứ bệnh tật. Tôi chỉ cầu mong một điều, tôi chỉ mơ ước một điều: được trở về nhà ngay. Tôi sút đến nỗi mẹ tôi phát hoảng khi bà đến thăm tôi vào cuối tháng Chín. Lúc có mẹ, tôi cố kìm mình, không than van, không để rơi một giọt nước mắt nhưng khi bà ra về thì tôi không chịu được nữa, tôi chạy theo xe và òa khóc nức nở. Đứng trên thùng xe, bà vẫy tôi: "Đừng lại ! Đừng làm nhục cả mẹ cả con như thế nữa !" nhưng chẳng có tiếng nào đến được tai tôi. Cuối cùng bà quyết định và bảo dừng xe lại.

- Lấy đó đặc đi ! - Bà nói vẫn tất khi tôi chạy lại gần. - Con đã học xong rồi thì thôi, chúng ta sẽ về nhà ngay.

Tôi chợt tỉnh và quay lại.

Không chỉ có nỗi nhớ nhà làm tôi gầy ốm, tôi không bao giờ được ăn no cả. Vào mùa thu, lúc chú Vanya chở thóc lên bán cho nhà nước ở một trạm thu

mua gần thị trấn thì chú mang thực phẩm đến cho tôi khá đều đặn, khoảng mỗi tuần một lần. Chỉ phiền một nỗi là chẳng bao giờ đầy đủ: chỉ có bánh mì với khoai, họa hoàn lắm mới có một lọ sữa đông mà mẹ tôi đã đổi vật gì đó để có được vì nhà chúng tôi không có bò riêng. Lúc chú tôi mang lên, thức ăn có vẻ nhiều nhưng chỉ vài hôm đã cạn nhãn. Chẳng mấy chốc tôi nhận ra rằng hơn nửa số bánh mì đã biến mất một cách bí ẩn. Tôi kiểm tra lại và thấy đúng thế. Bánh mì tôi mới để đây bảy giờ không còn nữa. Khoai cũng vậy. Tôi không biết ai lấy – bà chủ nhà ư, một bà lắm lời, lúc nào cũng bận rộn, một mình lo nuôi ba đứa con, một trong hai đứa con gái lớn của bà hay thằng bé Phetka ? Mới nghĩ tới đó tôi đã lạnh toát người hướng chỉ là đi tìm ! Nhưng thật gay go: mẹ tôi đã bớt của em tôi đến tận miếng cuối cùng để nuôi tôi mà tôi lại không được ăn phần lớn. Tuy nhiên, tôi buộc mình phải chấp nhận tình trạng ấy. Mẹ tôi có biết chuyện thì bà cũng chẳng làm được gì hơn.

Cái đói ở đây cũng hoàn toàn khác cái đói ở nhà tôi. Ở làng, nhất là vào mùa thu, lúc nào cũng có thể tìm thấy cái để chụp, để bắt, để nhổ, để đào, cá thì ở dưới sông Angara, chim thì ở trong rừng. Nhưng ở đây quanh quất chỉ có một khoảng không trần trụi, lạ người, lạ vườn, cả đất cũng xa lạ. Con sông nhỏ chạt vạt lên qua các lớp lưới cá xếp hàng chục. Một chủ nhật, tôi ngồi ôm cần suốt ngày mà chỉ câu được ba con cá mại bé tí, chẳng lớn hơn cái thìa cà phê. Câu

thế làm sao no bụng được, tôi không đi câu nữa, phí thì giờ làm gì ? Buổi tối, tôi thơ thẩn trước các tiệm chè và khu chợ, xem bảng giá, nuốt nước bọt rồi cuối cùng lại đi về với hai bàn tay không. Bắc ấm nước lên bếp, tôi uống một ngụm nước nóng để sưởi ấm cái bụng rồi đi ngủ. Buổi sáng lại đến trường. Mọi chuyện cứ thế tiếp tục cho tới phút giây hạnh phúc khi xe tải mong chờ đến trước cổng và chú Vanya gõ cửa. Đói thế và biết rõ rằng dù tôi có ăn nhín đến đâu thì thức ăn cũng không còn lâu được nên tôi ăn đến căng bụng, đến oằn người vì tức rồi một hai hôm sau lại đói.

Một ngày, vẫn đang tháng Chín, Phetka hỏi tôi:

Mày biết chơi đánh tán không ?

- Chơi gì ?

- Chơi ăn tiền. Nếu mày có tiền, chúng ta đi chơi xem.

- Tao không có tiền.

- Tao cũng chẳng có. Được rồi, đi xem vậy. Mày sẽ thấy chơi vui lắm !

Phetka dẫn tôi đi bọc sau mấy vườn rau, băng qua một rừng cây tầm ma mọc dày và dài ngút, đã sẫm đen, nhập nhòa mà vẫn dung đưa những nhánh đầy trái độc. Chúng tôi nhảy từ mô đất này sang mô khác, leo lên đỉnh một gò đất rồi xuống một bãi trũng, ở đấy chúng tôi thấy một đám trẻ con tụ tập

trên một dây dất phẳng. Chúng tôi lại gần trong lúc chúng cùng giương mắt nhìn chúng tôi. Chúng chỉ trạc tuổi tôi, trừ một đứa to cao có túm tóc đỏ buông dài trước trán. Hắn có vẻ là “sếp” ở đây. Tôi nhớ hắn học lớp bảy ở trường tôi.

- Màý dẫn hần tới đây làm gì ? - Hần hỏi Phetka.

- Hần chơi được, Vadik ạ, Hần sống với gia đình tao. - Phetka trá lời, vẻ cầu thân.

- Muốn chơi không ? - Vadik hỏi tôi.

- Tao chẳng có xu nào cả.

- Coi chừng đấy. Nếu màý muốn xoáy...

Tao không xoáy ! - Tôi bực bội đáp.

Vì không ai chú ý tới tôi nữa, tôi len vào gần hơn và quan sát. Không phải cả bọn đều chơi, chỉ có sáu bảy đứa chơi, đám còn lại chỉ đứng nhìn như tôi. Cả bọn xem chừng rất thân phục Vadik, tay chơi trội nhất đám.

Trò chơi cũng dễ hiểu. Mỗi người chơi đặt ra mười Kó pếch, tiền được lật sấp, xếp thành một cọc giữa hai lần kẻ đậm, một lần cách cọc tiền vài mét và lần kia là vạch đặt chân cho người tán. Người tán dùng một hòn sỏi dẹt và phẳng làm hòn mạng. Phải ném mạng sao cho gần vạch kia nhưng đừng ném quá. Ai ném mạng sát vạch nhất được quyền tán vào cọc tiền.

Phải dùng mạng tán làm sao để lật ngựa các đồng xu. Ngựa đồng nào, ăn đồng đó. Nhưng cú tán tuyệt nhất là tán văng cả cọc tiền, khi ấy chỉ cần có một đồng xu được lật ngựa cũng có quyền ăn cả cọc tiền và bắt đầu chơi ván khác.

Vadik thật láu cá. Hắn đợi mọi người đi xong mới tiến đến vạch đặt chân, khi ấy hắn đã thấy rõ nên ném mạng ở mức nào để được quyền tán trước. Người đi trước thường ăn cá, ít khi còn xu nào cho những kẻ đi sau. Có lẽ ai cũng biết tính ranh ma của Vadik nhưng chẳng ai dám lên tiếng. Phải công nhận hắn chơi khéo. Đứng ở vạch ném, hắn chỉ hơi khụy chân, nheo mắt, ngấm mạng vào đường vạch rồi chậm rãi, nhẹ nhàng rướn người lên, hòn mạng rời khỏi tay hắn, b ảy thẳng tới nơi đã ngấm. Hắn nhanh nhẹn gạt túm tóc trước trán, hờ hững nhổ nước bọt sang một bên và với một điệu bộ chậm rãi có tính trước, tiến về phía đồng tiền. Khi tiền xếp thành cọc, hắn tán mạnh thành tiếng nhưng khi tiền nằm rải rác, hắn tán nhẹ, cẩn thận để đồng xu không nhảy dựng lên hoặc bị lăn vài vòng mà chỉ hơi nhấc lên, lật nhẹ sang mặt kia. Không ai làm thế được. Bọn trẻ tán lung tung, móc túi lấy thêm tiền và cậu nào thua hết lại nhập vào những kẻ đứng xem. Ước chi tôi có tiền, tôi nghĩ mình cũng chơi được. Ở làng, chúng tôi đã quen chơi đánh đáo và trò chơi ấy cũng đòi hỏi một con mắt thiện xạ. Ngoài ra, tôi vẫn thường thích đặt cho mình những mục tiêu để ném. Tôi hốt một nắm sỏi, tìm

một mục tiêu khó và ném mãi cho tới khi đạt được đích mười phát trúng cả mười. Tôi ném từ trên xuống, ném qua vai, ném từ dưới lên, đưa viên sỏi dọt vào đúng mục tiêu. Tôi đã thạo lắm nhưng không có tiền.

Mẹ tôi gửi bánh mì cho tôi vì bà cũng không có tiền chứ nếu bà gửi tiền thì tôi có thể mua bánh mì ở ngay đây. Ở nông trang, chúng tôi tìm đâu ra tiền ? Họa hỏan lắm mẹ tôi mới nhét một đồng năm rúp vào trong thư - theo tiền bây giờ là năm mươi kôpếch - để cho tôi mua sữa. Tất nhiên đó không phải là một món tiền lớn nhưng tôi cũng mua được năm chai sữa, mỗi chai nửa lít ở chợ thị trấn, mỗi rúp một chai. Hình như tôi phải uống sữa vì mắc bệnh thiếu máu, thỉnh thoảng tôi vẫn thường bị choáng váng mà không hiểu vì sao.

Tuy vậy, lần thứ ba nhận được tờ bạc năm rúp, tôi đã không mua sữa. Tôi đổi nó thành tiền xu rồi đi thẳng tới gò đất. Chỗ chơi này rõ ràng đã được chọn kỹ - một dải đất hẹp và phẳng, có gò đồng bao quanh, từ đâu cũng không nhìn thấy được. Ở làng tôi, nơi bọn trẻ làm gì người lớn cũng thấy chúng tôi bị rầy rà vì đánh bạc ăn tiền, bị thầy hiệu trưởng răn đe, thậm chí bị công an bắt nữa. Nhưng ở đây chẳng có ai quấy rầy chúng tôi cả. Mà cũng gần. Từ trường ra đây chỉ mất mười phút.

Lần đầu tiên tôi thua mất chín mươi kôpếch, lần thứ hai thua sáu mươi. Thua bạc, tôi xót ruột lắm

nhưng tôi thấy mình đang lên tay dần, các ngón tay tôi quen dần với viên sỏi dẹt, tôi đang học cách dùng bao nhiêu sức để hòn mạng vừa đến nơi tôi muốn trong lúc mắt tôi phải nhắm chừng nơi nó sẽ rơi xuống, nơi nó sẽ lăn tới. Chiều tối, khi bọn trẻ đã về, tôi một mình quay lại, lấy dưới tảng đá ra hòn mạng mà Vadik đã giấu, móc túi lấy số tiền lẻ của tôi rồi tập ném đến khi bóng đêm phủ xuống. Cuối cùng, cứ ném mười lượt thì hòn mạng cũng trúng cọc tiền được ba bốn lượt.

Rồi đã đến ngày tôi thu được thắng lợi.

Trời đang mùa thu, một mùa thu ấm áp, khô hanh. Đã tháng Mười nhưng vẫn có thể mặc sơ mi ra đường. Mưa rất ít và hầu như chỉ có mưa bóng mây bị những làn gió nhẹ thổi bạt đến từ những vùng thời tiết xấu. Trời vẫn trong xanh như trời mùa hạ nhưng có vẻ thấp hơn mặt trời lặn sớm hơn. Khi trời trong, không khí dường như tỏa sáng trên đỉnh các ngọn đồi thấp, sức nức một mùi hương ngải cứu cay cay, nồng nồng, nhưng âm vang xa vọng về thật rõ và chìm chóc hợp thành từng đàn tròn, bay tìm nơi di trú. Trên dải đất của chúng tôi, cỏ đã úa vàng và mềm rũ nhưng vẫn còn sống và êm ái. Những đứa trẻ không tham gia trò chơi, phần lớn là những đứa đã thua cháy túi, ngồi lê lét trên đó.

Dạo này, mỗi khi tan học tôi thường vội vã đến chỗ chơi. Những đứa trẻ thay đổi, vài đứa thôi đến,

vài đứa xuất hiện, chỉ có Vadik không hôm nào vắng mặt và thật vậy, hần chưa đến thì cuộc chơi chưa bắt đầu. Có một thằng mập lùn bám theo hần như cái bóng. Đó là thằng Gà Con, có một cái đầu to hốt trụi. Ở trường, chẳng bao giờ tôi chú ý tới Gà Con nhưng đến học kỳ 2 hần chợt rơi vào lớp tôi, bất ngờ như tuyết chợt trút xuống đầu. Về sau, tôi mới biết hần bị lưu ban lại lớp năm nhưng vì một lý do nào đó, đã cố tình kéo dài kỳ nghỉ hè đến tận tháng Giêng. Gà Con cũng thường thắng, tuy không nhiều như Vadik nhưng lúc nào về túi hần cũng nặng hơn lúc đến. Có lẽ một phần vì hần ăn cạnh với Vadik, kẻ vẫn tinh ranh giúp ngầm hần.

Tixkin, một cậu khác ở lớp tôi, thỉnh thoảng cũng đến. Cậu ta là một thằng hiếu động, mắt hấp ha hấp háy, giờ học nào cũng thích đưa tay phát biểu. Biết trả lời hay không, cậu ta cũng cứ đưa tay, rồi khi được hỏi thì cậu ta đứng lặng:

- Thế tại sao em đưa tay ?

Cậu ta hấp háy mắt:

- Em biết, nhưng khi đứng lên em lại quên mất !

Tôi không làm bạn với cậu ta. Đạo ấy, tôi không làm bạn với ai cả, phần vì ngưỡng miệng, phần vì tính nhút nhát, nhà quê, nhưng chủ yếu vì nỗi nhớ nhà khủng khiếp đã khiến tôi không muốn kết bạn. Bọn trẻ cũng không tỏ ý muốn làm bạn với tôi, nên

tôi chỉ còn một mình mà không biết rằng đang cô đơn, cũng không cố thoát khỏi tình trạng cô đơn ấy. Tôi cô đơn vì tôi đang ở đây chứ không ở nhà, ở làng tôi rất nhiều bạn.

Trên bãi chơi, hình như Tixkin không chú ý tới tôi lắm. Cậu ta bị cháy túi thật nhanh, biến mất và khá lâu không thấy trở lại.

Tôi đã thắng. Tôi bắt đầu thắng đều đều, ngày nào cũng thắng. Tôi đã làm chủ được trò chơi này: không để hòn mạng đi quá vạch, cố để được tán đầu tiên. Khi có nhiều người chơi, việc đó thật không đơn giản: càng gần tới vạch, càng dễ bị lấn quá đi và trở thành người tán cuối. Vấn đề là phải tán trúng cọc tiền khi ném hòn mạng. Tôi đã làm như thế. Tất nhiên, làm thế thật liều nhưng với sự khéo léo của tôi, liều cũng đáng. Tôi có thể bị thua ba bốn lần nhưng đến lần thứ năm, khi tôi tán cọc tiền, tôi sẽ thu lại gấp đôi những gì đã mất. Rồi tôi lại mất và lại được. Tôi ít khi dùng hòn mạng tấn vào đồng xu nhưng ở đây tôi cũng có cách riêng của mình. Vadik tán để đồng xu lăn về phía hắn còn tôi tán để đẩy nó văng đi. Thế là khác thường nhưng hòn mạng sẽ đỡ lấy đồng xu, làm cho nó khỏi xoay và khi thả nó xuống, nó chỉ lăn theo hòn mạng.

Giờ đây, tôi có tiền. Nhưng tôi không để cho cuộc chơi giữ mình đến tối mịt. Tôi cần một rúp, mỗi ngày chỉ một rúp thôi. Khi đã đạt được, tôi ra về, ghé chợ

mua một chai sữa. Các bà bán sữa cần nhằn về đồng bạc méo mó, cong cớn của tôi nhưng vẫn rót sữa ra. Rồi tôi ăn tối và ngồi vào bàn học. Tôi vẫn chưa đủ no nhưng chỉ cần biết mình đang uống sữa tôi đã cảm thấy như được thêm sức lực và cơn đói cũng dịu bớt. Những cơn choáng váng cũng thưa dần.

Lúc đầu, Vadik bình thản chấp nhận thắng lợi của tôi. Tôi được thì hắn cũng chẳng mất gì. Tôi không tin rằng có đồng xu nào trong túi hắn phải chuyển sang túi tôi. Đôi lúc hắn còn khen tôi:

- Tán thế mới đích chứ ! Học cách đánh tán kìa, mấy thằng rù kìa !

Nhưng chẳng bao lâu, hắn nhận ra rằng tôi về quá sớm và một hôm hắn chặn tôi lại:

- Này, mày hốt tiền rồi chuẩn hả ? Ranh đấy, phải chưa ? Ở lại chơi tiếp !

- Nhưng tao phải làm bài, Vadik à - Tôi phản đối.

- Nếu mày muốn làm bài thì đừng bèn mắng tôi đây.

Thằng Gà Con đĩa thêm vào:

- Mày lấy đâu ra cái ý nghĩ rằng mày có thể kiếm tiền theo kiểu ấy ? Coi chừng kéo mày sẽ được cái mà mày không muốn đấy ! Hiểu không ?

Từ đó, Vadik không bao giờ để cho tôi được tán trước hăn. Hăn tán rất khéo và tôi thường phải thò tay vào túi móc thêm tiền trước khi được đụng vào hòn mạng. Nhưng rồi tôi tán hay hơn và nếu gặp cơ hội, hòn mạng của tôi sẽ phóng thẳng tới cọc tiền như sắt bị nam châm hút. Chính tôi cũng ngạc nhiên về sự khéo léo của mình lẽ ra tôi phải khôn ngoan hơn phải biết kìm chế mình phải chơi mà đừng gây chú ý. Nhưng tôi quá thật thà và cứ tiếp tục tấn công cọc tiền. Làm sao tôi biết rằng không ai được tha thứ khi tiến quá xa cả ? Khi đã tiến quá xa thì đừng bao giờ hy vọng được tha thứ hoặc tìm được người bảo vệ, vì dưới mắt người khác ta chỉ là một kẻ chơi trội và những kẻ căm ghét ta nhất lại chính là những kẻ vẫn leo đèo theo sau ta. Đó là bài học tôi học được trong mùa thu năm ấy với một giá khá đắt.

Tôi đã tán bay tiền một lần nữa và sắp đi nhặt thì chợt thấy Vadik đè chân lên một đồng xu rơi gần đấy. Tất cả những đồng xu còn lại đều nằm sắp. Trong trường hợp đó, theo luật chơi, người tán phải hô to: “Mê !” trước khi tán tiếp để nếu không có đồng nào giữa cả thì được đồn tiền thành cọc và tán lại. Nhưng cũng như thường lệ, tin chắc mình đã thắng, tôi không hô.

– Không được “mê !” – Vadik tuyên bố.

Tôi đến và cố lôi bàn chân hăn ra khỏi đồng xu nhưng hăn đẩy tôi ra, nhanh tay nhặt lấy đồng xu rồi

cho tôi thấy nó nằm sấp. Nhưng tôi đã kịp thấy nó nằm ngửa, nếu không thì hấn chả dè chân lên làm gì.

– Mày lật nó lại. Nó nằm ngửa, tao thấy – Tôi nói.

Hấn dí quả đấm vào mũi tôi:

– Còn cái này, mày thấy chứ ? Ngủ xem !

Tôi đành chịu thua, cãi cũng vô ích. Nếu xảy ra đánh nhau sẽ không ai đứng về phía tôi, kể cả Tixkin đang có mặt ở đây. Vadik trừng trừng nhìn tôi, mắt nheo nheo giận dữ. Tôi cúi xuống, tán đồng xu gần nhất, lật nó lại rồi tán đồng khác. Không ăn cách này thì ăn cách khác, tôi quyết định. Dù sao, tôi cũng sẽ ăn cả. Tôi lại cầm hòn mạng để tán nhưng không kịp nữa: ai đó đã thúc mạnh vào khoen chân tôi và tôi ngã chổng kỉnh, mặt đập xuống đất. Có tiếng cười khẩy, tôi quay lại. Thành Gà Con đứng sau lưng tôi, cười nham nhở. Tôi giận tím mặt:

– Mày làm thế để làm gì ?

– Ai bảo tao ? Mày mơ ngủ đấy à ?

– Đưa tao ! – Vadik chìa tay ra lấy hòn mạng nhưng tôi nắm chặt lấy. Cơn căm giận đã đốt tiêu nỗi sợ hãi, tôi không sợ gì cả. Tại sao chúng đối xử với tôi như vậy ? Để làm gì ? Tôi đã làm gì chúng ?

– Đưa đây ! – Vadik ra lệnh.

– Mày lật đồng xu lại ! – Tôi hét vào mặt hắn
– Tao thấy. Tao thấy mày lật lại. Tao thấy !

– Nói lại xem ! – Hắn nói và tiến về phía tôi, đầy
đe dọa.

– Mày lật lại ! – Tôi nói, lần này hơi khê hơn vì
biết câu nói ấy sẽ mang lại cái gì.

Thằng đầu tiên đánh tôi là Gà Con, cũng đánh từ
sau lưng. Tôi lao tới Vadik nhưng hắn đã nhanh nhẹn,
chính xác, thậm chí chẳng cần ngắm, đưa đầu đập vào
mặt tôi. Tôi ngã xuống, máu mũi phọt ra. Tôi có thể
dứt ra, bỏ chạy, nhưng chẳng biết vì sao tôi không chịu
bỏ chạy. Tôi bị vật qua vật lại giữa Gà Con và Vadik,
không còn đứng nổi nữa, tôi đưa tay che cái mũi đang
trào máu, cảm giận, ngoan cố và tuyệt vọng, tôi cứ tiếp
tục la: “Mày lật lại ! Mày lật lại ! Mày lật lại !”.

Chúng thay nhau đánh tôi – một hai, một hai,
một hai, này ! Một thằng thứ ba nào đó, nhỏ thó mà
độc ác, đá mạnh vào chân tôi, về sau tôi thấy đôi
chân bị bầm đen. Ý nghĩ duy nhất của tôi lúc ấy là
đừng ngã xuống, ngay trong những giây phút ấy tôi
đã cảm thấy rằng ngã xuống là nhục. Nhưng cuối
cùng chúng cũng quật ngã được tôi và thôi đánh.

– Cút khỏi đây trước khi tao giết mày ! – Vadik
gào lên – Cút !

Tôi đứng dậy, tấm tức khóc và khụt khịt cái mũi
đã tê dại, lùi thối leo lên dốc.

- Liệu hồn mà mách lẻo, tao sẽ giết mày - Vadik gào theo tôi.

Tôi không đáp. Cả người tôi co rúm lại vì cảm thù và nhục nhã. Tôi không thốt ra được tiếng nào. Mãi đến khi tôi lên tới đỉnh đồi, một cái gì trong tôi mới vỡ ra và giận điên người, tôi gào hết sức mình, tôi gào to cho cả vùng ấy đều nghe: "Mày đã lật đồng xu lại!".

Gà Con rượt theo tôi nhưng lập tức dừng lại, có lẽ Vadik thấy rằng chúng đánh tôi thế đã đủ và gọi hấn quay lại. Tôi đứng khoảng năm phút, nhìn xuống dải đất hẹp nơi cuộc chơi đã bắt đầu trở lại rồi đi xuống sườn đồi bên kia, vào một lũng hẹp mọc đầy cây tần màu đen sẫm, nằm vật xuống đám cỏ khô lồm chồm và òa lên khóc thật to.

Cả thế gian hôm ấy không có ai khốn khổ hơn tôi.



Buổi sáng, tôi nhìn tôi trong gương và kính hải. Mũi tôi sưng to như quả cà chua, một con mắt bị bầm đen và trên má trái có một vết rách đầy máu khô. Với bộ dạng thế này làm sao tôi đi học được? Nhưng tôi phải đi học, tôi không thể bỏ học dù bất cứ chuyện gì. Hừm, tạo hóa cũng nặn cho vài người những cái mũi to tướng như của mình, thậm chí ta không thể biết đó là cái mũi nếu không nhờ vào vị trí của nó trên khuôn

mặt. Nhưng cái vết rách và con mắt thâm tím thì không thể giải thích như thế được, ai cũng thấy rõ ràng chúng sưng tấy lên như thế không phải do chủ ý.

Tôi len lén vào lớp, lấy tay che mặt ngồi vào chỗ và cúi gằm xuống. Tất nhiên tiết học đầu tiên là tiết học tiếng Pháp. Cô Lidia Mikhailôpna, cô giáo chủ nhiệm lớp, là người rất tinh mắt và khó mà giấu được cô điều gì. Cô thường bước vào nói: “Chào các em !” nhưng trước khi cho phép chúng tôi ngồi bao giờ cô cũng nhìn mặt từng người và đưa ra lời nhận xét, dù dưới hình thức vui vẻ nhưng đòi hỏi chúng tôi phải vâng lời. Tất nhiên cô chú ý ngay đến những vết tích trên mặt tôi cố tình che giấu. Tôi nhận ra sự chú ý của cô khi các bạn ngồi đầu lớp chợt quay lại nhìn tôi.

– Hừm, – cô Lidia Mikhailôpna vừa nói vừa mở cuốn sổ gọi tên – tôi thấy hôm nay chúng ta có một người bị thương trong lớp.

Mọi người cười ô và cô Lidia Mikhailôpna đưa mắt nhìn tôi lần nữa. Cô hơi bị lác mắt và trông có vẻ như đang nhìn ra phía sau tôi nhưng đến lúc này cả lớp đã biết cô thật sự đang nhìn vào đâu.

– Chuyện gì xảy ra với em thế ? – Cô hỏi.

– Em bị ngã – Tôi lí nhí thốt ra. Tôi vẫn chưa nghĩ mình phải chuẩn bị một lời giải thích khả dĩ đi chấp nhận được.

– Ôi, trời ơi ! Thật rủi ro quá ! Bị ngã hôm qua hay hôm nay ?

– Hôm nay. Không, em muốn nói là hôm qua lúc trời tối.

– Bạn ấy không ngã đâu ! – Tixkin la lên, vừa cười khoái chí – Bị bạn Vadik ở lớp bảy đánh đấy. Họ chơi đánh tấn ăn tiền, bạn ấy cãi nhau rồi bị đánh. Em trông thấy. Mà bây giờ bạn ấy bảo rằng bị ngã !

Tôi kinh hoàng trước sự phản bội ấy. Hấn chỉ buột miệng vì bốc đồng hay hấn cố ý thế nhỉ ? Học sinh có thể bị đuổi học vì các trò chơi ăn tiền. Thôi thế là xong đời ! Mất tối sẫm lại, tai lưng bùng. Tôi hoảng hốt. Tixkin ! Hấn vừa chơi tôi một ván ra trò. Bây giờ, mọi chuyện thế là hết.

– Tixkin, cô muốn hỏi em chuyện khác kia – Cô Lidia Mikhailôpna ngăn hấn lại, không tỏ vẻ ngạc nhiên mà vẫn nói bằng giọng khê khàng như mọi ngày – Lên băng đi ! Vì em muốn nói. Hãy chuẩn bị trả lời !

Cô chờ lúc Tixkin, bối rối và hốt hoảng, đi lên băng rồi bảo tôi vấn tắt: “Tan học, em ở lại”.

Tôi sợ nhất việc cô Lidia Mikhailôpna sẽ lôi tôi tới thầy hiệu trưởng. Thế có nghĩa là ngoài câu chuyện hôm nay tôi còn phải ra trước buổi chào cờ ngày mai và giải thích cái gì đã xui tôi tham gia vào một việc nhục nhã như thế. Đây là những gì thầy

hiệu trưởng Vaxili Andrêyêvich luôn luôn hỏi phạm nhân dù cho hắn ta phạm lỗi gì – làm vỡ kính của sổ hoặc trón vào nhà vệ sinh hút thuốc “Điều gì đã khiến em tham gia vào một việc nhục nhã như thế?”. Thầy sẽ đi tới đi lui trước mặt cả trường, tay chấp sau lưng, đôi vai giật giật về phía trước theo mỗi bước đi làm cho cái áo mưa đã được cài chặt cúc, vừa khít, như tự nó di chuyển ngược chiều với bước đi của thầy. Thầy sẽ giục cậu học trò bất hạnh: “Trả lời đi ! Trả lời đi ! Chúng tôi đang đợi. Nhìn kìa ! Cả trường đang đợi nghe em sẽ nói những gì”. Cậu học trò bất hạnh sẽ lắp bắp một câu xin lỗi nào đó nhưng thầy đã cắt lời: “Trả lời theo câu hỏi, theo câu hỏi: “Điều gì đã khiến... Đúng thế. Cái gì đã xui khiến em...”. Hừm, chúng tôi đang nghe đây”.

Đã thành lệ, cậu học trò sẽ khóc òa. Chỉ đến lúc ấy thầy hiệu trưởng mới vừa lòng và chúng tôi được vào lớp học. Với những học sinh lớn, không muốn khóc nhưng cũng không trả lời được câu hỏi thì tình thế thật gay go. Có lần chúng tôi đã vào học muộn mất mười phút, suốt thời gian đó, thầy hiệu trưởng cứ tiếp tục tra hỏi một cậu học sinh lớp chín nhưng rồi không nhận được câu trả lời rõ ràng nào, đành phải dẫn cậu ta về phòng làm việc của thầy.

Tôi có thể nói gì đây ? Thà rằng họ cứ đuổi học tôi ngay đi mà tốt hơn. Khi nghĩ đến đó, trong trí tôi chợt lóe lên rằng tôi sẽ được về nhà. Nhưng, lập tức

tôi hoảng hốt như vừa tự làm hỏng mình: không, tôi không thể trở về trong nỗi nhục thế này. Nếu tôi tự ý bỏ học thì khác. Dù sao, mọi người cũng sẽ nói rằng tôi là kẻ không thể tin cậy được vì đã không hoàn thành những gì tôi muốn làm mọi người sẽ nhìn tôi khinh bỉ. Không, không thể được. Ở đây tôi có thể chịu đựng đến cùng, tôi đã quen chịu đựng, nhưng quay về nhà như thế thì – KHÔNG.

Tan học, tôi chờ cô Lidia Mikhailôpna ở hành lang, chết lặng người vì sợ. Cô bước ra khỏi phòng hội đồng và gật đầu bảo tôi theo cô vào lớp. Như thường lệ, cô ngồi vào bàn giáo viên. Tôi muốn đi xuống dãy bàn cuối, nơi xa cô nhất, nhưng cô đã chỉ dãy bàn đầu, ngay trước mặt cô.

– Có thật là em đã đánh bạc không ? – Cô đi ngay vào vấn đề.

Cô nói lớn giọng quá. Tôi tưởng rằng ở đây, trong hàng rào nhà trường, những chuyện như thế chỉ được nói khẽ thôi và nỗi sợ hãi của tôi cứ tăng lên. Nhưng cố chối cũng vô ích. Tixkin đã báo cáo đầy đủ về tôi.

– Dạ đúng ạ ! – Tôi lí nhí.

– Hừm, em đã thắng hay thua.

Tôi không biết trả lời thế nào là tốt nhất nên im lặng.

– Tiếp tục đi ! Kể cô nghe nào ! Em thua, cô đoán thế ?

– Kh – không ạ, em th-thắng.

– Dù sao, thế cũng được. Thế là em đã thắng, phải không nào ? Em dùng tiền làm gì ?

Phải mất một lúc lâu tôi mới quen được giọng nói của cô Lidia Mikhailôpna, bao giờ nó cũng làm tôi bối rối. Ở làng tôi, mọi người nói bằng những tiếng trầm, phát ra từ đâu đó sâu trong lồng ngực để tiếng nói được vang to nhưng tiếng của Lidia Mikhailôpna thì êm ái, nhỏ nhẹ, người nghe phải lắng tai mới nghe được. Không phải tiếng cô yếu, vì khi cần cô có thể nói thật hùng hồn, nhưng dường như vì cô muốn nén bớt hơi thở của mình, một kiểu tiết kiệm không cần thiết. Tôi sẵn sàng đổ tội cho thứ tiếng Pháp kia vì trong lúc học tập cô phải làm quen với một thứ ngôn ngữ lạ, tự nhiên giọng nói của cô đã bị nén lại, trở nên yếu ớt như một chú chim trong lồng, ta phải chờ nó khôi phục lại sức mạnh và âm lượng vốn có của nó. Trong lúc này, cô Lidia đang hỏi tôi với vẻ như cô đang bận tâm vào một việc khác, quan trọng hơn, nhưng tôi vẫn không có cách nào lẩn tránh các câu hỏi của cô được.

– Hừm, em làm gì với số tiền em chơi được ? Mua kẹo à ? Mua sách à ? Hay em để dành để làm gì đó ? Bấy giờ chắc em đã có nhiều tiền lắm nhỉ ?

– Không, không nhiều lắm. Em chỉ ăn một rúp thôi.

– Và rồi em không chơi tiếp nữa ?

- Không.

- Còn đồng rúp ? Sao chỉ một rúp thôi ? Em làm gì với một rúp ấy ?

- Em mua sữa,

- Sữa à ?

Cô ngồi trước mặt tôi, thông minh và xinh đẹp, rất ưa nhìn trong cách ăn mặc, trong vẻ đàn bà trẻ trung của cô mà tôi mơ hồ cảm thấy. Một làn hương thơm nhẹ thoảng tới phía tôi, tôi ngỡ đó là hơi cô thở. Lại nữa, không phải cô dạy toán hay lịch sử mà cô dạy thứ tiếng Pháp huyền bí kia. Điều đó cũng có một cái gì đặc biệt, một cái gì huyền bí, mà những kẻ phạm phu tục tử như tôi chẳng hạn không thể nào đạt tới được. Tôi không dám ngược nhìn cô, tôi cũng không dám lừa dối cô. Dù thế nào đi nữa, tại sao tôi phải nói dối chứ ?

Cô ngồi lặng nhìn và tôi cảm thấy đôi mắt dịu dàng của cô dường như xuyên thấu da thịt, làm cho tất cả những nổi vụng về lúng túng của tôi trở nên khổng lồ, nhưng bị thổi phồng lên bởi một sức mạnh tẻ nhạt. Tất nhiên cũng có cái để cô nhìn: một cậu bé gầy gò, vụng dại với bộ mặt trầy trụa đang cựa quậy liên hồi trước mặt, một cậu bé thiếu mẹ, lời thôi lếch thếch, đơn côi trong chiếc áo khoác cũ mềm bạc phếch, đôi vai oằn xuống, ngực áo thì vừa vụng nhưng tay áo lại quá dài, cái quần màu xanh lơ mềm nhão

được may lại từ cái quần chèn cưỡi ngựa của bố nhét trong đôi guốc mộc thô sơ gọi là *siriki*, cậu bé còn mang dấu tích của trận đánh nhau chiều hôm qua, tôi nhận thấy cái nhìn thích thú của cô Lidia Mikhailôpna chăm chăm như dán vào đôi *siriki*. Không ai trong lớp mang loại guốc ấy. Chỉ tới mùa thu năm sau tôi đã kiên quyết không chịu mang đôi guốc ấy tới trường nữa và mẹ tôi phải bán chiếc máy khâu, tài sản duy nhất của gia đình, để mua cho tôi một đôi ủng cao cổ bằng da lạt.

- Dẫu sao, em cũng không được chơi ăn tiền - Cô Lidia Mikhailôpna tư lự lên tiếng. - Nói gì thì nói, em cũng phải tự lo liệu lấy. Được không ?

Thật khó tin rằng tôi có thể được tha. Tôi đã hứa một cách dễ dàng:

- Dạ được ạ.

Tôi rất thành thật nhưng biết làm gì nếu sự thành thật không thể lấy dây thừng mà buộc ?

Nói thật tình, trong những ngày đó tôi thấy cuộc sống thật tệ hại. Mùa thu bị khô hạn, nông trang tập thể đã hoàn thành sớm việc giao lương và chú Vanya không còn lên thị trấn nữa. Tôi biết mẹ lo cho tôi đến phát ốm nhưng mọi chuyện cũng không dễ dàng hơn. Cái bao khoai chú Vanya mang đến lần cuối cùng chú ra thị trấn đã hết nhanh như được dùng để nuôi cả một đàn gia súc. Cùng may là tôi đã giấu được ít

khoai trong cái nhà kho cũ bỏ hoang ở góc vườn. Chính cái kho bí mật này đã cứu sống tôi. Tan học, tôi sẽ rình mò như một tên trộm, lén vào nhà kho, đút vài củ khoai vào túi quần rồi phóng ra vùng đồi và nhóm lửa ở một chỗ khuất thuận tiện nào đó. Tôi thường xuyên bị đói, ngay trong giấc ngủ tôi cũng cảm giác được những cơn cồn cào trong dạ dày.

Hy vọng tìm thấy những kẻ chơi bạc khác, tôi tiến hành điều tra những nẻo đường lân cận, lang thang khắp các bãi hoang, dò theo các cậu bé đi ra vùng đồi. Nhưng tôi chỉ tốn công vô ích. Mùa chơi đã qua, bị những trận gió lạnh tháng Mười ngăn trở. Chỉ ở nơi trước đây tôi đã chơi là đàn bé vẫn tụ tập. Tôi lang thang tới gần, nhìn những hòn mạng lóe lên trong nắng chiều, nhìn Vadik vung tay ra lệnh cho những đứa xung quanh và những bộ mặt quen thuộc cúi xuống cộc tiền.

Cuối cùng, không tìm được nữa, tôi đi xuống. Tôi biết thế là nhục nhã, nhưng một lần bị đập mà chấp nhận bị đuổi ra vĩnh viễn thì cũng không kém nhục nhã. Tôi muốn biết Vadik và Gà Con sẽ phản ứng như thế nào trước sự xuất hiện của tôi và chính tôi sẽ ứng xử như thế nào. Nhưng sức đẩy chủ yếu lại chính là cơn đói trong bụng. Tôi cần một rúp, không phải để mua sữa mà là mua bánh mì. Và tôi cũng không biết cách nào khác để tìm ra một rúp ấy.

Khi tôi đến gần, cuộc chơi ngừng lại và mọi người quay nhìn tôi. Gà Con đang đội một cái mũ biên phòng mà các tấm che tai đã lật lên, đội lệch một bên theo kiểu vừa khinh mạn, vừa bất cẩn như mọi thứ hằn mặc trên người: áo sơ mi ngắn tay vạt bỏ ra ngoài quần. Vadik trông lạnh lợi hơn trong chiếc áo khoác cổ bẻ dày và vừa vặn, khóa ngực được cài chặt. Những chiếc áo choàng và áo khoác nằm chất đống đồng bên cạnh, có một cậu bé loắt choắt, khoảng năm sáu tuổi, ngồi lên trên.

Gà con lên tiếng trước:

- Mà đến đây làm gì ? Muốn lãnh thêm vài cú đấm như hôm nọ à ?

- Tao đến chơi - Tôi trả lời hết sức bình thản, vừa nhìn thẳng vào Vadik.

- Ai bảo chúng tao cần mày chơi, đồ... - Gà Con thêm một vài hình dung từ có chọn kỹ.

- Không ai bảo cả.

- Hay chưa, Vadik ? Chúng mình cho hấn một trận ngay bây giờ hay để lát nữa ?

- Để hấn yên, Gà Con - Vadik nheo nheo mắt nhìn tôi. - Mày không thấy à, đây là một người bạn đến để chơi ? Có lẽ hấn muốn ăn của mỗi đứa mình mười rúp cơ đấy !

– Mày làm gì có đến mười rúp ! – Tôi nói để tỏ ra mình không sợ.

– Chúng tao có nhiều tiền hơn mày tưởng đấy. Đặt tiền của mày xuống và tán đi, trước khi Gà Con kịp nổi dóa. Hẳn nóng nảy lắm đó.

– Vadik, nếu tao cho hẳn một trận thì sao ?

– Đừng, để hẳn chơi – Vadik nháy mắt ra hiệu cho đám trẻ còn lại – Hẳn chơi giỏi thật đấy, trên cơ tất cả bọn mình.

Tuy nhiên, tôi đã học được bài học cần thiết và biết rõ lòng tốt của Vadik đáng giá bao nhiêu. Có thể hẳn đã chán cuộc chơi tẻ nhạt, không chút hứng thú này và quyết định cho tôi chơi để cuộc chơi được hấp dẫn hơn. Cho tôi chơi nhưng tôi đừng có mà chạm tới tính tự cao của hẳn và tôi sẽ được chơi lại. Chẳng bao lâu nữa, hẳn sẽ tìm được một cái cớ gì đó và Gà Con thì đã tức sẵn rồi.

Tôi quyết định phải chơi thận trọng không cố tình ăn những cú to. Tôi tán hòn mạng mà lại sợ nó tình cờ trúng phải cọc tiền, rồi lặng lẽ tán những đồng xu đã văng ra rải rác, vừa liếc xem Gà Con có phục sẵn sau lưng không. Những ngày đầu tiên ấy tôi không dám nghĩ tới một rúp, chỉ cần vài mươi kôpêch để mua một mẫu bánh mì cũng đã tốt hơn là không có xu nào. Chùng đó là tất cả những gì tôi mơ ước.

Nhưng tất nhiên, cái kết cục của trò chơi cũng chẳng khác trước. Vào ngày thứ tư, khi tôi đã ăn được một rúp và muốn ra về thì tôi lại bị đánh. Thật ra lần này tôi bị đánh ít hơn lần trước nhưng vết tích vẫn còn lại trên đôi môi sưng vù của tôi. Suốt buổi học hôm sau tôi phải cắn chặt môi nhưng cô Lidia Mikhailôpna vẫn nhìn thấy. Cô thấy tất cả những gì tôi đã làm. Cô gọi tôi lên bảng, bắt tôi đọc một đoạn văn tiếng Pháp. Ngay cả với mười cặp môi lành lặn tôi còn phát âm sai nữa là, với đôi môi sưng vù này thì tôi chẳng trông mong gì được nữa.

– Dừng lại ! Thôi dừng lại ! – Lidia Mikhailôpna kêu lên vừa giơ tay lên trời như muốn chặn một cái gì đó – Thế là thế nào ? Không được, tôi phải dạy phụ đạo thêm cho em thôi. Không còn cách nào khác.

Những ngày tháng khó chịu, tù túng của tôi đã bắt đầu như thế đấy. Ngay từ sáng sớm tôi đã lo âu, pháp phòng đợi đến cái lúc phải ngồi lại một mình với cô Lidia Mikhailôpna và rón đến gậy lưỡi để lặp lại theo cô những tiếng nói được phát minh ra chỉ để tra tấn con người. Thật đấy, trên đời này tại sao lại có đến ba nguyên âm dồn vào nhau thành một âm ô dài và đặc sệt, như trong từ *beaucoup* chẳng hạn, để làm gì nếu không phải là để tra tấn con người ? Nó có thể làm ta nghẹt thở. Tại sao ta phải thốt ra những tiếng rên rĩ bằng giọng mũi trong lúc lỗ mũi bao giờ cũng phục vụ cho một mục tiêu hoàn toàn khác ?

Lương tri con người phải có một giới hạn nào đó chứ. Tôi toát mồ hôi, đổ bưng lên và suốt ngạt thở lúc cô Lidia Mikhailópna vẫn bắt tôi phải uốn cái lưỡi tội nghiệp, không chút xót thương hoặc chiều cố. Và tại sao chỉ riêng tôi thôi nhỉ ? Ở trường có bao nhiêu cậu học trò cũng nói tiếng Pháp tôi chả kém gì tôi sao chúng vẫn được rong chơi ngoài kia, vẫn được làm những gì chúng muốn trong khi tôi như một cái bung xung, phải chịu tội thay cho tất cả chúng nó ?

Nhưng rồi còn đến hồi tệ hại hơn nữa. Lidia Mikhailópna bỗng dưng quyết định rằng vì thời gian từ lúc tan học đến lúc vào học buổi chiều quá ít nên bắt tôi phải đến học thêm ở nhà cô vào buổi tối. Cô ở trong khu tập thể giáo viên cạnh trường. Cô được nửa gian nhà, nửa kia là nhà thầy hiệu trưởng.

Tôi đến đó như đến phòng hành hình. Tôi vốn là kẻ vụng về và cả thẹn, ngay những trò đùa vật cũng dễ làm tôi bối rối và trong căn nhà sạch sẽ, ngăn nắp đó, tôi không dám thở. Tôi sẽ được bảo cởi dép ra, đi vào, ngồi xuống, tôi sẽ bị di chuyển như một thứ đồ đạc và phải gắng sức thật sự mới nặn ra được một tiếng. Thật khó mà làm cho tôi nói tiếng Pháp khá hơn. Nhưng, thật lạ, hình như ở đó chúng tôi còn làm việc ít thời gian hơn ở trường nữa, dù ở trường buổi học chiều hình như lại đến quá nhanh. Không chỉ thế mà cô Lidia Mikhailópna, vì bận rộn công việc nhà, thường nêu cho tôi những câu hỏi hoặc kể về chính cô.

Tôi cho rằng chính vì tôi mà cô bịa ra câu chuyện thuở nhỏ cô đã cố tình chọn học khoa tiếng Pháp, vì ở trường phổ thông, cô không thể nào học được môn này và cô muốn tự chứng tỏ rằng mình cũng có thể nắm vững nó như mọi người khác.

Có lẽ trong một góc phòng, tôi lắng nghe và mong mau đến cái lúc cô cho tôi về. Trong phòng có thật nhiều sách và trên một cái ghế kê cạnh cửa sổ có một chiếc máy đĩa to, đẹp, khi ấy còn là một vật hiếm thấy và là một kỳ quan thật sự đối với tôi. Lidia Mikhailópna đặt lên đó một cái đĩa và một giọng đàn ông ngân nga bắt đầu dạy tiếng Pháp. Chẳng có cách nào thoát ra được. Lidia Mikhailópna đi quanh phòng, cô mặc chiếc áo dài ở nhà giản dị và mang đôi dép mềm êm ái. Mỗi lần cô tới gần, tôi lại run lên. Tôi không thể tin rằng tôi đang ngồi trong phòng cô, mọi thứ đều quá lạ lùng, đều làm tôi kinh ngạc, ngay đến không khí trong phòng hình như cũng thấm đẫm một thứ hương thơm thoang thoảng, kỳ lạ của một cuộc sống hoàn toàn khác với những gì tôi đã biết. Tôi tưởng như mình đang từ bên ngoài nhìn vào cuộc sống ấy và trong một nỗi hổ thẹn vụng dại, tôi cố giấu mình trong chiếc áo khoác thật căng.

Năm ấy, Lidia Mikhailópna khoảng hăm lăm tuổi. Tôi nhớ rõ khuôn mặt cô với những đường nét đều đặn nên không sinh động lắm, mắt cô chỉ mở hé hé để giấu cái nhìn bị lệ, nụ cười kín đáo hiếm khi nở

rộng và mái tóc ngắn đen huyền của cô. Trên mặt cô chưa có những nét khắc khổ mà sau này tôi nhận ra rằng cùng với năm tháng, những nét ấy đã thành một dấu hiệu riêng của những người thầy giáo, ngay ở những người vốn dịu dàng, tử tế. Nhưng trên mặt cô lại nổi lên một vẻ thận trọng, một sự hồ nghi vui vẻ chỉ liên quan tới chính cô, hình như cô đang tự hỏi: tại sao mình lại sa xuống đây ? Và mình biết làm gì bây giờ ? Bây giờ, tôi tin rằng lúc ấy cô đã có chồng, có một vẻ quá quyết và từng trải trong giọng nói, trong dáng đi uyển chuyển, tự do và tự tin, trong toàn bộ tính cách và phong thái của cô. Ngoài ra tôi thường có ý nghĩ rằng những cô gái học tiếng Pháp hoặc tiếng Tây Ban Nha thì trở thành đàn bà sớm hơn những cô học tiếng Nga hay tiếng Đức chẳng hạn.

Ngày nay, tôi xấu hổ khi nhớ lại mình đã bối rối và kinh hoàng biết bao khi buổi học thêm kết thúc, cô Lidia Mikhailôpna mời tôi cùng ăn tối với cô. Tôi vốn là một kẻ phàm ăn nhưng lời mời ấy cũng đủ xua tan mọi nỗi thèm ăn trong tôi. Không, không ! Ngồi ăn cùng bàn với cô Lidia Mikhailôpna à ? Hãy học thuộc lòng toàn bộ tiếng Pháp trong ngày mai để không bao giờ còn trở lại căn phòng ấy nữa thì tốt hơn. Ngay đến một mẩu bánh mì vụn cũng sẽ nghẹn trong cổ tôi mất ! Tôi không tin mình đã biết trước rằng cô Lidia Mikhailôpna cũng ăn những thức ăn giống như tất cả chúng ta chứ không phải một loại thực phẩm trời

cho nào khác cô hình như quá đói độc đáo, quá đói khác thường.

Tôi nhảy xuống khỏi ghế, lí nhí rằng mình đã ăn rồi, không ăn thêm được trong lúc vẫn cố men theo tường đi về phía cửa. Cô Lidia Mikhailôpna nhìn tôi ngạc nhiên và có vẻ bị xúc phạm nhưng không có gì ngăn tôi được. Tôi quay lại, bỏ chạy. Việc này xảy ra vài lần cho đến khi Lidia Mikhailôpna bỏ cuộc, không mời tôi ăn tối nữa. Tôi cảm thấy dễ thở hơn.

Rồi một hôm, tôi được tin rằng ở phòng giữ áo mũ có một gói quà ai đó gửi cho tôi, do một người đàn ông mang đến. Tất nhiên là chú Vanya chứ còn ai vào nữa ! Có lẽ nhà trọ đóng cửa, chú không thể chờ đến lúc tan học nên đã gửi gói đồ lại đây. Tôi bồn chồn ngồi học cho đến hết buổi rồi lao vội xuống. Bác gác trường chỉ cho tôi một cái hộp gỗ dán màu trắng, loại hộp thường đựng bưu phẩm, đặt ở góc phòng. Tôi giật mình: Sao lại là cái hộp ? Mẹ tôi thường đựng đồ ăn trong một cái túi xách thông thường. Hay không phải là gửi cho tôi ? Không, có tên và lớp tôi viết trên mặt hộp. Chắc chú Vanya vừa viết ở đây để khỏi bị lẫn lộn. Mẹ tôi lấy đâu ra cái ý nghĩ phải đóng gói thức ăn trong một cái hộp như thế này nhỉ ? Trông bà đã có vẻ là dân thành thị rồi đấy !

Tôi không thể về nhà mà không tìm xem trong hộp có những gì. Tất nhiên không phải là khoai rồi. Nếu đựng bánh mì thì cái hộp này quá nhỏ và cũng

bất tiện nữa. Vả lại, mẹ tôi mới gửi bánh mì lên đây và tôi hãy còn một ít. Thế thì cái gì nhỉ ? Tôi bò xuống gầm cầu thang, nơi tôi nhớ có một cái riu nhỏ, tìm thấy nó và mở hộp ra. Dưới gầm cầu thang rất tối nên tôi lại bò ra và sau khi nhìn quanh, tôi đặt cái hộp lên bệ cửa sổ gần nhất.

Tôi nhìn vào hộp và kinh ngạc đến lặng người. Ngay trên miệng hộp, dưới một lớp giấy phủ vừa vụn và những chiếc mì ống. Thật là thú vị ! Những ống mì dài vàng tươi nằm sát bên nhau, phẳng lì, dưới đôi mắt lóa đi của tôi là một sự giàu có hiếm thấy, còn tuyệt hơn tất cả những gì tôi có thể tưởng tượng ra. Bây giờ tôi hiểu rõ rằng mẹ tôi phải tìm một chiếc hộp để những ống mì này được tới tay tôi nguyên vẹn, trong tất cả vẻ đẹp hoàn hảo của chúng chứ không bị vỡ nát ra. Tôi thận trọng nhón một ống, nhìn vào ruột nó, thổi qua lòng ống rồi không kìm nổi mình nữa, tôi bắt đầu nhai ngấu nghiến. Tôi lấy ống thứ hai, ống thứ ba vừa suy nghĩ xem phải giấu cái hộp ở đâu để giữ số mì được an toàn, tránh lũ chuột quá đói khát trong chạn thức ăn của bà chủ. Mẹ tôi đã dùng đến những đồng xu cuối cùng không phải để mua mì ống cho lũ chuột ấy. Không, tôi không thể để mất những ống mì này. Mì ống đâu phải là khoai !

Tôi giật thót mình. Mì ống à ? Đúng rồi, mẹ tôi mua đâu ra nhỉ ? Ở làng tôi, chưa bao giờ có mì ống cá, có bao tiền cũng không mua được. Thế thì tất cả

những việc này có nghĩa là gì ? Trong nỗi hy vọng và thất vọng, tôi vội dồn số mì ống sang một bên và tìm thấy dưới hai miếng đường cốt lớn có mấy khúc lạp xưởng lớn. Thế là rõ. Hộp thức ăn này không phải do mẹ tôi gửi tới. Nhưng ai gửi nhỉ ? Tôi nhìn lại nắp hộp lần nữa – đúng rồi, có tên tôi, lớp tôi. Lại thật. Lại quá đối.

Tôi dứt những cái đinh đóng nắp hộp vào lỗ cũ, đặt cái hộp lên bệ cửa sổ, lên thang và gõ cửa phòng hội đồng. Cô Lidia Mikhaïlôpna đã về rồi. Không sao, tôi đã biết chỗ ở của cô. Chắc là thế này: nếu em không ngồi ăn cùng với cô thì cô sẽ gửi thức ăn đến tận nhà em, không sao cả. Không thể ai khác. Không phải là mẹ, vì nếu là mẹ thì bà đã bỏ mấy chữ vào hộp cho tôi biết bằng cách nào và từ đâu bà có được những thức ăn sang trọng này.

Khi tôi len lén bước vào đặt cái hộp xuống trước mặt cô, cô Lidia Mikhaïlôpna tỏ vẻ kinh ngạc:

- Gì thế ? Em mang cái gì đến đây ? Để làm gì ?
- Cô hỏi với giọng sững sốt.

- Chính là cô – Tôi nói nhất gừng, dứt quãng.

Tôi à ? Em bao giờ thế ?

- Cô gửi cái này tới trường. Em biết chính là cô.

Cô Lidia Mikhaïlôpna đỏ bừng mặt và trông bối rối thật sự. Có lẽ hôm ấy là lần đầu tiên và duy nhất

tôi đã không sợ sệt khi nhìn thẳng vào đôi mắt cô. Tôi không cần biết cô là cô giáo hay là cô ruột của tôi. Giờ đây tôi là người đưa ra câu hỏi chứ không phải cô và không hỏi bằng tiếng Pháp mà bằng tiếng Nga, thứ tiếng không có những mạo từ quý quai kia. Và chờ cô trả lời.

Tại sao em nghĩ rằng tôi gửi ?

Vì ở nhà, chúng em không bao giờ có mì ống ca, lap xường cũng không.

- Cái gì ? Không bao giờ à ? - Cô ngạc nhiên thành thật đến nỗi hoàn toàn để lộ mình.

- Không. Không bao giờ chúng em có những thứ đó. Chắc cô biết chứ ?

Lidia Mikhailôpna cười xòa và cố gắng xoa dịu tôi nhưng tôi lẩn tránh cô.

Thôi, đúng rồi ! Lẽ ra cô phải biết. Sao cô lại không chú ý nhỉ ? - Cô suy nghĩ một lát - Nhưng cũng thật khó đoán được... Cô chỉ quen sống ở thành phố. Em bảo, em không bao giờ có những thứ đó à ? Thế thì em ăn những gì ?

- Đậu hòa lan. Mùa đông thì ăn củ cải.

- Đậu hòa lan. Củ cải mùa đông à ? Ở Kubăng, chúng tôi có táo. Mùa này chắc phải nhiều lắm ! Năm nay cô muốn về Kubăng nhưng lại tới đây - Lidia Mikhailôpna thở dài và liếc nhanh sang tôi - Đừng

giận cô nhè. Cô chỉ muốn làm việc cần làm. Ai biết được rằng những chiếc mì ống lại làm cô bại lộ ! Đừng ngại, cô sẽ chú ý hơn. Nhưng em sẽ lấy số mì ống...

- Không ! Tôi ngắt lời cô.

- Sao em lại như thế ? Cô biết em không đủ ăn. Còn cô chỉ một mình và cô có nhiều tiền. Cô có thể mua mọi thứ cô muốn nhưng khi cô chỉ có một mình và dù sao cô cũng không ăn được nhiều, cô sợ mập ra lắm.

Em có những gì em muốn ăn.

Đừng cãi. Cô biết mà. Cô đã nói chuyện với bà chủ nhà trọ. Nếu em lấy số mì ống này, nấu cho mình một bữa canh ngon thì có gì xấu đâu ? Tại sao cô không thể giúp em được nhỉ dù chỉ một lần thôi ? Cô hứa sẽ không gửi những gói quà thế này nữa. Nhưng em hãy vui lòng lấy cái hộp này. Em phải đủ ăn nếu em muốn tiếp tục học. Ở đây có quá nhiều những thành phần được ăn no mặc đẹp mà chẳng học được gì và có lẽ chẳng bao giờ học được gì. Nhưng em là một đứa bé có đầu óc em bỏ học là hết sức sai lầm.

Cô bắt đầu dô danh, khuyên nhủ. Tôi sợ có thuyết phục được tôi mất. Tôi đâm giận chính mình vì biết cô nói đúng mà tôi lại không thể cho phép mình chấp nhận điều đúng ấy. Vừa lắc đầu và lăm bắm gì đó, tôi vừa phóng vút ra cửa.

Những buổi học của chúng tôi vẫn tiếp tục, tôi vẫn đến nhà cô Lidia Mikhailópna. Nhưng dạo này cô tập trung dạy thật sự. Hình như cô vừa quyết định rằng nếu chỉ vì tiếng Pháp thì hãy tập trung vào tiếng Pháp. Và nỗ lực ấy đã bắt đầu có kết quả: Tôi phát âm tiếng Pháp khá hơn, chúng không còn rơi tuột xuống chân tôi như những hòn đá cuội mà bắt đầu ngân vang và cố gắng bay lên.

Lidia Mikhailópna khuyến khích tôi:

Tốt lắm ! Học kỳ này em chưa được điểm năm nhưng học kỳ sau chắc chắn em sẽ được.

Chúng tôi không lần nào nhắc tới gói quà nữa nhưng tôi vẫn cảm giác, để phòng một trường hợp tương tự. Không thể biết trước Lidia Mikhailópna sắp nghĩ ra chuyện gì. Tôi đã tự biết rằng nếu chưa đạt được ý định thì hãy khoan bỏ cuộc, hãy thử lại bằng cách khác. Tôi cảm thấy cô vẫn tiếp tục nhìn tôi chờ đợi rồi che miệng cười cái vẻ độc lập hồn nhiên và cả thẹn của tôi. Tôi giận lắm nhưng lạ thật, càng giận tôi càng thêm tin tưởng. Tôi không còn là một cậu bé nhút nhát và tuyệt vọng, mỗi lần đến đây thì sợ đến nỗi không dám bước đi. Tôi đã quen dần với Lidia Mikhailópna và căn phòng của cô. Tôi vẫn thẹn thò co ro trong góc nhà, giấu dôi siriki dưới ghế nhưng sợi dây vô hình trói buộc tôi đã được cởi ra, tôi đã dám hỏi Lidia Mikhailópna vài câu, thậm chí còn tranh cãi với cô nữa.

Cũng đôi lần cô cố mời tôi ngồi vào bàn ăn với cô nhưng vô ích. Tôi vẫn đứng vững. Sự bướng bỉnh của tôi đủ chia cho mười đứa trẻ như sau.

Lẽ ra tôi nên chấm dứt những buổi học thêm ấy, tôi đã vượt qua được những khó khăn chính, lưỡi tôi đã mềm đi, những gì còn lại tôi có thể nắm vững trong các buổi học thông thường. Và lại, trước mắt tôi còn biết bao năm tháng, nếu bây giờ tôi học hết cả thì còn biết làm gì nữa ? Nhưng tôi không dám hé răng nói chuyện ấy với Lidia Mikhailópna mà cô cũng chẳng để ý rằng chúng tôi đã hoàn thành chương trình nên tôi cứ phải học thêm tiếng Pháp một cách khổ sở. Mà phải chăng là khổ sở ? Dù sao, chính tôi cũng khó mà biết được thì giờ rảnh rỗi vào việc tra từ điển và xem trước những bài chưa học tới trong sách giáo khoa. Công việc cực nhọc đã hóa thành niềm vui thích. Tôi cũng được thúc đẩy bởi niềm hãnh diện: Trước đây tôi không thể học tiếng Pháp nhưng bây giờ tôi đã học được, đã giỏi như các học sinh giỏi nhất. Tôi còn chỗ nào thua sút họ không ? Ước chi tôi khỏi phải tới nhà cô Lidia Mikhailópna nữa nhĩ ! Tôi đã có thể tự học lấy.

Một hôm, sau vụ gói quà khoảng hai tuần, Lidia Mikhailópna hỏi tôi:

– Em còn chơi đánh đáo ăn tiền nữa không ? Hay là vẫn tự tập chơi ở một nơi nào đó ?

- Bây giờ làm sao chơi được - Tôi đáp và nhìn ra cửa sổ. Tuyết đã phủ kín mặt đất.

- Em thường chơi trò gì ? Chơi thế nào ?

- Cô muốn biết để làm gì ? - Tôi thận trọng.

- Chỉ tò mò thôi. Hồi bé cô cũng ham chơi lắm. Không biết trò chơi của em có giống những trò cô đã chơi không. Kể cô nghe đi, đừng sợ !

- Sao em lại phải sợ ?

Tôi kể cho cô nghe, tất nhiên là chẳng hề đã động tới Vadik, Gà Con và những mảnh khố nhỏ của tôi trong lúc chơi.

- Không - Lidia Mikhailôpna lắc đầu - Trước đây cô chưa bao giờ nghe tới đánh tán. Cô thường chơi trò *sika*. Em biết trò chơi ấy không ?

- Thưa cô không ạ.

- Nhìn đây này - Đang ngồi trên bàn, cô nhẹ nhàng nhảy xuống, lục túi xách mấy đồng xu và nhấc một chiếc ghế ra xa tường - Đến xem này: cô ném một đồng xu vào tường nhé... - Cô ném khê và đồng xu leng keng rơi xuống sàn theo một đường cầu vồng - Bây giờ em ném - Cô đưa cho tôi một đồng xu - Nhưng nhớ rằng phải ném sao cho đồng xu của em rơi gần đồng xu của cô, càng gần càng tốt. Nếu em dùng một gang tay mà chạm được cả hai thì em được ăn. Chúng tôi gọi là "gang". Này, làm thử coi !

Tôi tán nhưng đồng xu lại va nhăm cạnh và lăn vào tận góc nhà.

– Bây giờ đến lượt em đi trước. À, còn một điều nữa: nếu đồng xu của cô rơi chạm vào đồng xu của em, chạm khe thời, cô cũng được ăn gấp đôi. Thế gọi là *sike*. Cô cho rằng tên của trò chơi này xuất phát từ động từ *siknut* có nghĩa là đụng, chạm. Hiểu chưa nào ?

– Cũng dễ hiểu thôi.

– Chúng ta chơi nhé !

Tô không tin ở tai mình nữa.

– Chơi à ? Chơi với cô ?

– Có sao đâu.

– Nhưng cô là cô giáo.

– Thì đã sao ? Em tưởng cô giáo không phải là người chắt? Đôi lúc cô phát chán vì mình chẳng là gì ngoài một cô giáo lúc nào cũng dạy, dạy và cứ thế mãi. Lúc nào cũng phải giữ mình, không được làm việc này, không được làm việc nọ... – Đôi mắt Lidia Mikhailôpna theo lại khác thường khi cô đắm chiều nhìn ra cửa sổ. Cũng hay nếu đôi lúc được quên mình là cô giáo, nếu không thì mình chỉ còn là một biểu tượng biết nói của những điều “làm được” và “không được làm” cho đến lúc biểu tượng ấy làm mọi người sống thật ở quanh mình chán ngán. Đôi lúc tôi nghĩ cái quan trọng nhất đối với thầy giáo là đừng nên

nhìn nhận mọi chuyện một cách quá đổi nghiêm túc mà phải nhớ rằng những điều mình dạy được thật ra chẳng là bao. Cô khê rùng mình rồi trở lại vui vẻ. Khi còn là một cô bé cô sẵn sàng làm mọi việc, lúc nào cũng bị lằn ngang lằn dọc khắp người. Vì cô nà bố mẹ cô gặp nhiều chuyện phiền toái. Mỗi bây giờ cô vẫn còn thích chạy nhảy, chơi đùa, thích đuổi bắt một cái gì đó, ở đâu đó, thích làm một việc gì không có ghi trong chương trình và thời khóa biểu, một việc cô muốn làm, thế thôi. Ta già rồi đi không phải sống nhiều năm tháng. Ta già vì ta lỡ quên thuở ta còn bé. Ngày nào tôi cũng thích chạy nhảy, nhưng thầy Vaxili Andrêyêvich ở bên kia tường thì ngược lại. Thấy là một người rất nghiêm trang. Chắc thầy chẳng bao giờ biết chúng ta chơi *sika*.

- Nhưng chúng ta có chơi đâu. Cô chỉ bày em chơi thôi mà.

- Chúng ta có thể chơi không ăn tiền, chơi vui thôi. Nhưng em đừng tố cô với thầy Vaxili Andrêyêvich nhé.

Lạy trời, chuyện gì thế này ? Mới đây tôi còn sợ cô Lidia Mikhaïlopna lôi tôi tới thầy hiê trưởng vì tôi đánh bạc, bây giờ cô lại yêu cầu tôi đừng tố giác cô ! Thật là một phép lạ ! Tôi nhìn lại mình, kinh hãi mà chẳng biết tại sao. Tôi chớp mắt bối rối:

- Chúng ta chơi nhé ! Chúng t sẽ nghỉ khi em không thích chơi nữa.

- Được rồi - Tôi miễn cưỡng đáp.

- Em bắt đầu đi !

Chúng tôi nhặt những đồng xu của mình. Tôi thấy Lidia Mikhailôpna chơi say mê thất tình trong lúc tôi chỉ để mắt xem, chưa biết cách tán đồng xu vào tường như thế nào, đập mặt bẹt hay đập cạnh, cao bao nhiêu, dùng bao nhiêu sức. Tôi tán trật cả. Nếu tính điểm thì tôi đã thua đậm ngay phút đầu tiên dù thất tình chơi *sika* chẳng khó khăn gì. Tất nhiên tôi rất bối rối khi chơi với Lidia Mikhailôpna và càng thêm lúng túng. Chưa bao giờ tôi nghĩ tới chuyện này, cả trong những tưởng tượng hoang đường nhất. Phải mất nhiều thời gian tôi mới quen tay nhưng khi tôi đã quen tay và bắt đầu thích trò chơi thì Lidia Mikhailôpna không chơi nữa.

- Không, chơi thế này không thú ! - Cô vừa nói vừa đứng thẳng lên, vén món tóc che mắt - Đã chơi thì chơi thật luôn. Chúng ta đâu còn là con nít lên ba nữa.

Nhưng thế là... đánh bạc - Tôi e ngại nói khẽ.

- Tất nhiên. Mà chúng ta có gì trong tay nào ? Không có gì thay cho trò chơi ăn tiền cả. Thế vừa tốt lại vừa không tốt. Chúng ta có thể đặt tiền cược thật ít mà lại được vui, được thích và sung sướng nữa chứ.

Tôi im lặng. Tôi không biết nói thế nào.

- Em sợ a ? Lidia Mikhailópna khích tôi.

- Không hẳn. Em không sợ gì cả.

Tôi có ít tiền lẻ. Tôi trả Lidia Mikhailópna đồng xu của cô và lấy trong túi ra đồng xu của mình. Được rồi, Lidia Mikhailópna, ta sẽ đánh bạc nếu cô muốn. Điều em lo là tự em không gây ra chuyện này. Lúc đầu, Vadik chẳng thèm đoái hoài tới tôi nhưng rồi hẳn dỗi ý và sử dụng nắm đấm. Tôi đã học ở đó. Tôi cũng có thể học ở đây. Đây không phải là tiếng Pháp ! Và cũng đã đến lúc tôi làm chủ được thứ tiếng bất kham đó.

Tôi phải chấp nhận một điều kiện: vì tay của Lidia Mikhailópna lớn hơn, ngón tay dài hơn nên cô sẽ đo bằng ngón cái và ngón giữa trong lúc tôi dùng ngón cái và ngón đeo nhẫn. Thế cũng hay, tôi đồng ý.

Chúng tôi lại bắt đầu. Từ trong phòng, chúng tôi chuyển dần ra gần cửa, nơi rộng rãi hơn và tán tiền vào tấm vách ngăn bằng gỗ phẳng. Chúng tôi tán tiền, rồi quỳ mọp xuống, bò khắp sàn nhà, va vào người nhau, xòe tay ra đo rồi lại đứng dậy trong lúc Lidia Mikhailópna đọc tỷ số. Cô chơi ồn ào, vừa la hét, vừa vỗ tay trêu tôi, trông cô giống học sinh hơn là cô giáo, đôi lúc tôi còn muốn la rầy cô nữa chứ. Nhưng dù sao cô vẫn thắng và tôi vẫn cứ thua. Trước khi kịp nhận ra sự thế, tôi đã thua tám chục Kópéc. Khó khăn lắm tôi mới hạ được số đó xuống ba mươi

kópếch nhưng rồi đồng xu của Lidia Mikhailópna đã từ xa rơi trúng đồng xu của tôi, nâng số nợ của tôi lên năm mươi kópếch. Tôi đâm lo. Chúng tôi đã đồng ý sẽ thanh toán tiền vào cuối cuộc chơi nhưng theo đà này chẳng mấy chốc tôi sẽ không đủ tiền để thanh toán. Tôi chỉ có hơn một rúp. Nếu tôi để số nợ tăng lên quá một rúp, tôi sẽ bị nhục, một nỗi nhục suốt đời.

Chợt tôi thấy Lidia Mikhailópna không cố đánh thắng. Khi cô đo, ngón tay cô cong lại, khi cô báo cô không thể xòe tới đồng xu thì tôi lại xòe tới không mấy khó khăn. Tôi bực bội đứng dậy.

Không ! Em không chơi thế này. Chơi thế này không thật thà.

Nhưng thực tình cô xòe không tới. Ngón tay cô cứng, như gỗ ấy – Cô phản đối.

- Không, cô xòe tới !

- Được rồi, thôi được rồi, cô sẽ cố gắng.

Tôi không biết trong toán học thì sao nhưng trong đời sống những chứng cứ rõ ràng nhất thường được đưa ra từ phía đối nghịch. Hôm sau, khi thấy Lidia Mikhailópna rón rén đẩy một đồng xu tới gần hơn để chạm nó, tôi sững sốt. Vì lẽ gì đó, khi nhìn tôi, cô có vẻ không nhận ra rằng tôi đã thấy cô chơi gian mà vẫn tiếp tục đẩy đồng xu.

- Cô làm gì thế ? Tôi tức tới.

- Cô à ? Em nói gì vậy ?

- Sao cô lại đi chuyển đồng xu ?

- Cô có đi chuyển đâu. Nó ở đây mà ! - Cô chối. Lidia Mikhailôpna đã chối phăng một cách trắng tráo đến vui thích, hệt như Vadik và Gà Gon.

Chuyện gì thế này ? Và một cô giáo nữa ! Chính mắt tôi nhìn thấy, chỉ cách khoảng hai tấc, cô đã đẩy đồng xu mà cô lại chối phăng đi, lại cười tôi nữa chứ. Chắc cô tưởng tôi mù chẳng ? Hay tôi chỉ là một thằng nhóc ? Một cô giáo tiếng Pháp ! Tôi hoàn toàn quên rằng mới hôm qua cô đã cố gắng làm cho tôi thắng. Lidia Mikhailôpna, thế đấy !

Ngày ấy chúng tôi chỉ dành khoảng mười lăm hai mươi phút cho việc học tiếng Pháp và về sau còn ít hơn nữa. Chúng tôi đã say việc khác. Lidia Mikhailôpna chỉ yêu cầu tôi đọc một đoạn văn, chữa cho tôi, nghe tôi đọc lại lần nữa rồi chúng tôi bày đồ chơi ra. Sau vài lần thua nhỏ, tôi bắt đầu thắng chẳng mấy chốc tôi đã làm chủ được trò chơi *sika*, dò ra mọi bí mật của nó, biết cách và biết nơi tán đồng xu.

Thế là tôi lại có tiền. Tôi đã có thể ra chợ mua sữa, dạo này được đóng thành từng bánh đặc. Tôi thận trọng gạt lớp kem trên mặt bánh, đẩy những mảnh vỡ lạnh lẽo vào miệng và nghe vị ngọt thấm khắp cơ thể. Rồi tôi úp cái bánh lại, lấy dao cạo lớp

sữa dưới đáy màu xanh và ngon ngọt ấy. Phần còn lại tôi để cho tan rồi uống với một mẩu bánh mì đen.

Thôi thế là tốt và tôi đã có thể tự lo liệu. Chẳng bao lâu nữa, những vết thương chiến tranh sẽ được hàn gắn, cuộc sống của mọi người sẽ dễ chịu hơn.

Tất nhiên tôi thấy khó chịu khi lấy tiền từ cô Lidia Mikhailôpna nhưng tôi tự trấn an mình rằng đó là tiền tôi được bạc một cách chính đáng. Tôi không bao giờ yêu cầu cô chơi, lần nào cũng do cô mời. Tôi không dám từ chối. Tôi nghĩ cô thích chơi, cô vui, cô cười là tôi kéo tôi theo.

Giá chúng tôi biết trước chuyện ấy rồi sẽ kết thúc ra sao nhỉ !

Quỳ trước mặt nhau, chúng tôi đang cãi nhau về tỉ số. Tôi tin rằng trước đó chúng tôi cãi nhau về những chuyện khác.

Hãy nhét vào cái đầu dần dần của em... – Cô vừa nói vừa vẫy tay tiến về phía tôi – Tại sao cô phải lừa em nào ? Chính cô đếm, không phải em. Cô biết rõ hơn chứ. Cô thua ba lần và trước đó thêm một lần “chạm”.

- Em không đếm lần đó.

- Sao lại không ?

Cô cũng “chạm” mà.

Đang la hét, ngắt lời nhau, chợt chúng tôi nghe một giọng nói kinh ngạc nếu không nói là sững sốt nhưng mạnh mẽ, vang rền:

- Lidia Mikhailópna !

Chúng tôi điếng người. Thấy Vaxili Andréyêvich đã đứng ngay trước cửa.

Có chuyện gì thế ! Cái gì ở đây thế này ?

Chậm chậm, rất chậm, Lidia Mikhailópna đứng dậy, mặt đỏ bừng, áo quần nhàu nát. Cô vuốt lại tóc.

Em nghĩ thấy nên gõ cửa trước khi vào phòng, thấy Vaxili Andreyêvich ạ.

- Tôi đã gõ cửa. Không ai trả lời cả. Có chuyện gì ở đây thế này ? Xin cô vui lòng giải thích cho. Với tư cách hiệu trưởng, tôi có quyền được biết.

- Chúng tôi đang chơi *sika* - Cô đáp khê.

- Cô đang chơi ăn tiền, với cậu bé này ? - Vaxili Andréyêvich xĩa ngón tay về phía tôi và tôi kinh hoàng bò ra sau tấm vách gỗ, trốn vào phòng trong.
- Cô đánh bạc ? Với học trò ? Tôi có hiểu đúng cô không đấy ?

- Đúng.

- Cô... Ông hiệu trưởng ước uất người, miệng há hốc - Tôi không biết nói thế nào ! Hành động của cô... Đó là một tội lỗi... Sa đọa ! Tội hại ! Và... Và... Tôi đã

làm việc hai mươi năm trong ngành, tôi đã thấy nhiều chuyện, nhưng chuyện này... - Ông vung tay lên.



Ba ngày sau, Lidia Mikhailôpna ra đi. Vào buổi chiều cuối cùng, cô gặp tôi sau lúc tan học cùng tôi đi về nhà.

- Cô sẽ trở về Kubăng - Cô nói khi chúng tôi chia tay - Em cứ tiếp tục học và đừng lo lắng, vì chuyện ngu ngốc ấy sẽ chẳng có gì xảy ra với em đâu. Cô là người duy nhất phải chịu. Cứ tiếp tục học và sống cho tốt nhé !

Cô xoa đầu tôi rồi đi.

Tôi không lần nào gặp lại cô nữa.

Vào giữa mùa đông, sau kỳ nghỉ tháng Giêng, một gói bưu phẩm được gửi đến trường cho tôi. Khi tôi mở hộp ra, cũng bằng cái rìu dưới chân thang đạo nọ tôi thấy những chiếc mì ống xếp thành hàng đều đặn. Và bên dưới, trong tấm vải bọc bằng len, có ba quả táo đỏ.

Cho đến khi ấy, tôi mới chỉ thấy quả táo trong tranh vẽ nhưng tôi vẫn đoán được đó là táo thật.

Huỳnh Văn Hoa dịch

Truyện ngắn Xô-viết

những năm 1960 và 1970 Matsxcova

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
• <i>Người thầy đầu tiên</i>	5
• <i>Cây sồi mùa đông</i>	101
• <i>Kỳ thi</i>	121
• <i>Xin cô tha lỗi cho chúng em</i>	137
• <i>Bài học tiếng Pháp</i>	147

NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG

Chịu trách nhiệm xuất bản :

Giám đốc **VÔ VĂN ĐĂNG**

Tổng biên tập **NGUYỄN ĐỨC HÙNG**

Biên tập : **HỒ BÍCH NGÀ – NGUYỄN HỒNG TÂM**

Trình bày bìa : **QUỐC KHÁNH**

Sửa bản in : **MINH NGUYỆT**

In lần thứ 2. Số lượng 1.000 cuốn, khổ 13x19 tại Xí nghiệp In TH Cần Thơ
Số 625/QĐ-NXB do NBX Đà Nẵng cấp ngày 8 tháng 11 năm 2001.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 11 năm 2001.

MỪNG NGÀY NHÀ GIÁO VIỆT NAM 20-11

Mời bạn đón đọc :

- ❖ *Bản Êtuyt vĩnh cửu*
- ❖ *Những con thú đồng mưu*
- ❖ *Biệt thự trên đồi*
- ❖ *Tiểu thư Victoria*
- ❖ *Tình yêu của nữ tu sĩ*
- ❖ *Một đêm huyền ảo*
- ❖ *Nỗi cô đơn của quỷ*

Tập truyện đã từng được bạn đọc Việt Nam đón nhận một cách nồng nhiệt trong các thập niên 60 - 70 & 80 và đã để lại nhiều âm vang trong lòng nhiều thế hệ bạn đọc, đặc biệt đã làm cho người đọc yêu mến văn học Nga-Xô Viết. Hình ảnh người thầy đã được khắc họa đậm nét (thầy Duysen trong *Người thầy đầu tiên*, cô giáo Anna Vaxiliepna trong *Cây sồi mùa đông*, Lidia Mikhai-lôpna trong *Bài học tiếng Pháp...*), hết lòng thương yêu học trò của mình, gần như quên đi bản thân mình, lúc nào cũng chỉ muốn cho học trò của mình được tiến bộ, được thành đạt; và bằng bạc trong những truyện ngắn này là những tình cảm cao thượng, lòng nhân ái, khát vọng vươn lên, lòng chân thiện mỹ cao đẹp...

người thầy đầu tiên



Tổng phát hành :

Nhà Sách CADASA

16 Võ Văn Tần, Q.3 Tp.HCM

ĐT: 9301906 - 9301907 * Email: cadasa@hcm.vnn.vn

